

**THIÊN LONG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

*Dẫn lối Tri thức*  
**VỮNG BỀN  
TƯƠNG LAI**



**THIÊN LONG**

**FLEXIO**

**colokit**

**flexoffice**



*Thương hiệu Việt*  
**VIẾT NÊN SỰ  
BỀN VỮNG**





NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

Phần 01

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

06

Phần 02

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

08

Phần 03

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10

Phần 04

GIỚI THIỆU

TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

1. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

2. Lịch sử hình thành và phát triển

3. Hệ thống các công ty thành viên, Liên kết trong và ngoài nước

4. Lĩnh vực hoạt động

5. Thương hiệu tiêu biểu

6. Hệ thống phân phối

7. Công nghệ sản xuất

8. Thông tin cổ phần và quá trình tăng vốn điều lệ

9. Cơ cấu bộ máy quản trị

10. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

11. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc và nhân sự chủ chốt

14

16

18

21

22

26

27

28

30

32

35

Phần 05

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

1. Báo cáo về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

2. Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm Soát

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh

4. Giải thưởng tiêu biểu năm 2024

38

40

43

60

Phần 06

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2025

62

Phần 07

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành phần và cơ cấu của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám Đốc

2. Hoạt động và hiệu quả của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

3. Thù lao cho Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, lương và thưởng cho Tổng Giám đốc Điều hành

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ

5. Quản trị rủi ro

6. Minh bạch và công bố thông tin

66

66

67

68

72

76

Phần 08

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp Phát Triển Bền Vững

2. Tổng quan báo cáo Phát Triển Bền Vững

3. Các chủ đề trọng yếu

4. Giải thưởng uy tín về Phát Triển Bền Vững

80

81

84

98

Phần 09

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

100



# PHẦN 01

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT



### BAN TGD

Ban Tổng Giám đốc

### TGD ĐH

Tổng Giám đốc Điều hành

### BKS

Ban Kiểm soát

### BTP

Bán thành phẩm

### CBNV/CBCNV

Cán bộ Nhân viên /Cán bộ Công nhân viên

### CÔNG TY/TẬP ĐOÀN/THIÊN LONG/TLG

Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

### CTCP

Công ty Cổ phần

### DMS

Hệ thống Quản lý Nhà phân phối

### ĐHĐCĐ

Đại hội đồng Cổ đông

### HĐQT

Hội đồng Quản trị

### KCN

Khu Công nghiệp

### LNST

Lợi nhuận sau thuế

### LNTT

Lợi nhuận trước thuế

### MMTB

Máy móc thiết bị

### NVL

Nguyên vật liệu

### S&OP

Hoạch định phối hợp sản xuất và bán hàng

### SXKD

Sản xuất kinh doanh

### SX-TM

Sản xuất - Thương mại

### R&D

Nghiên cứu và Phát triển

### TMĐT

Thương mại điện tử

### TNHH MTV TM-DV

Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên  
Thương mại - Dịch vụ

### TTTM

Trung tâm thương mại

### TSCĐ

Tài sản cố định

### VPĐD

Văn phòng đại diện

### OEM

Original Equipment Manufacturing/  
Sản xuất theo đơn đặt hàng

### ODM

Original Design Manufacturing/  
Thiết kế theo đơn đặt hàng

### PRIVATE LABEL

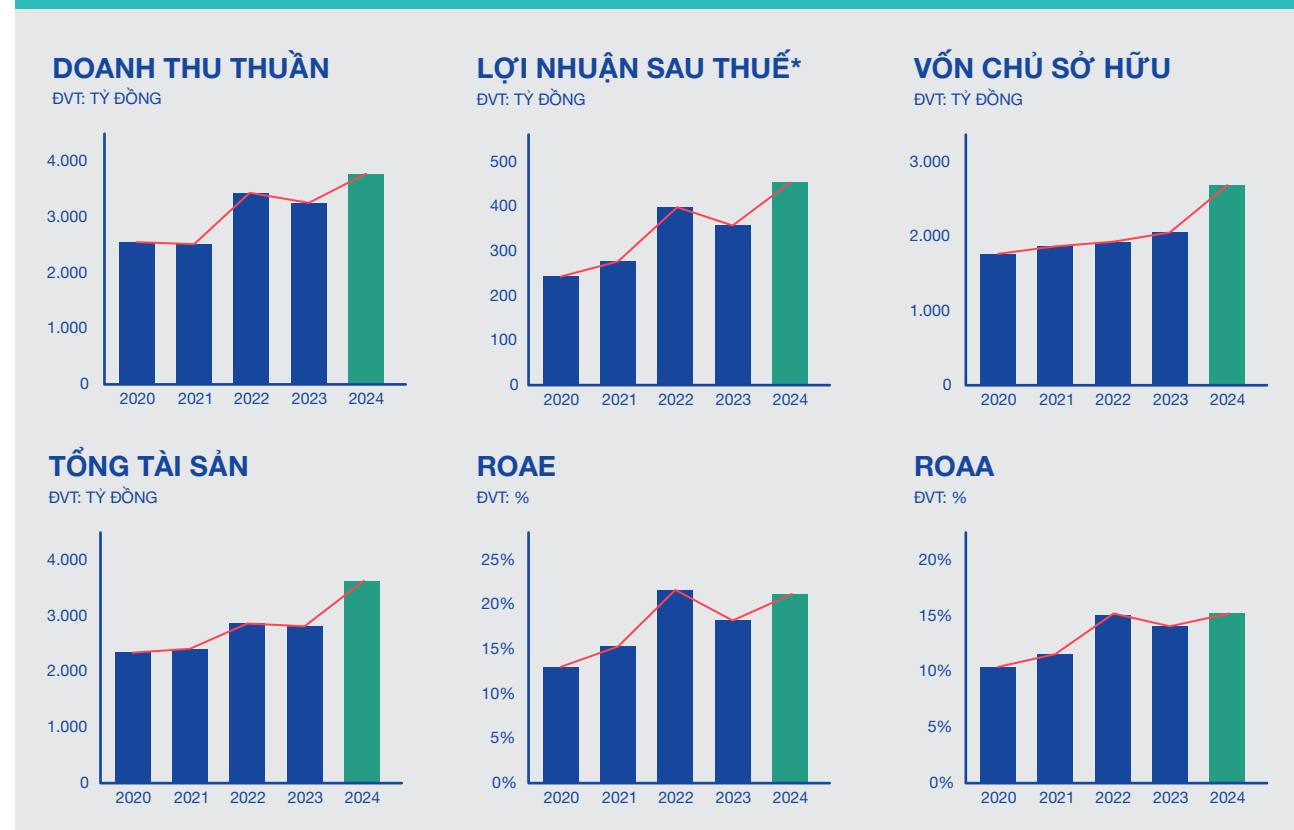
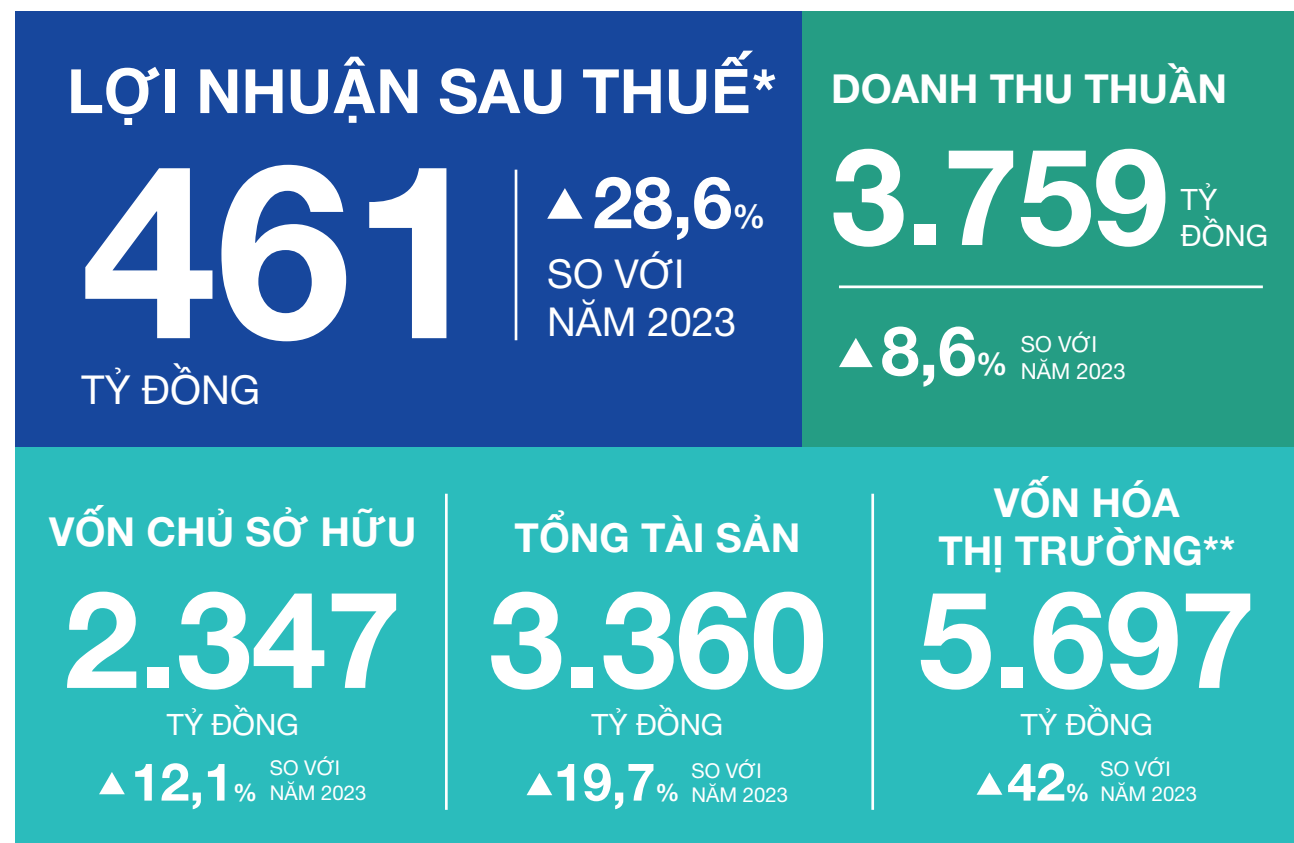
Nhãn hiệu riêng

### WMS

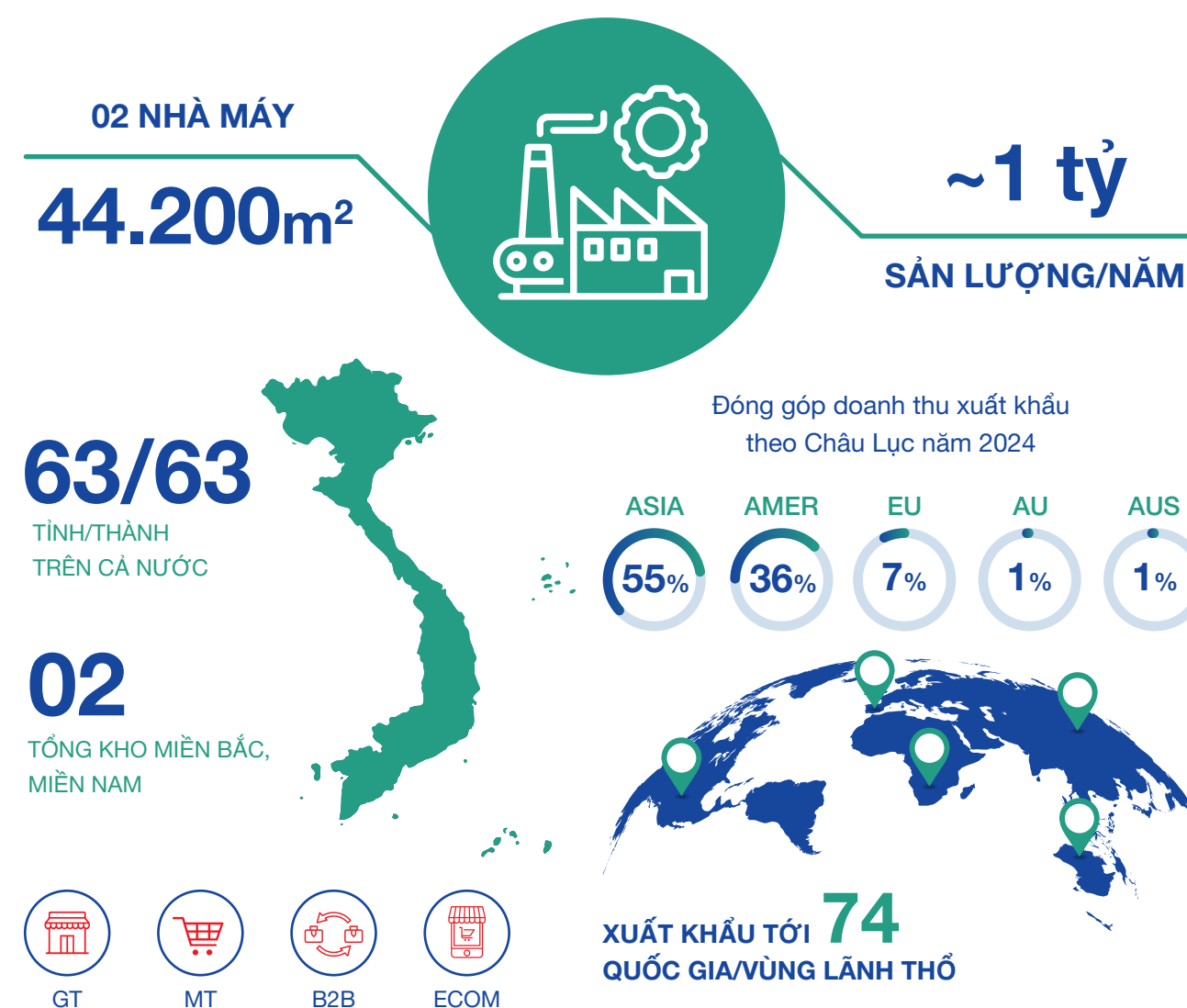
Warehouse Management System/  
Hệ thống quản lý kho vận



PHẦN 02  
CÁC CHỈ SỐ NỔI BẬT



\* Sau khi trừ đi lợi ích cổ đông không kiểm soát  
\*\* Ngày 31/12/2024





## PHẦN 03

### THÔNG điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

“

Năm 2025 được xác định là cột mốc bản lề, năm bắt đầu thực hiện mạnh mẽ định hướng “GLOCALISATION”. Theo đó, Thiên Long sẽ chuyển mình thành 1 doanh nghiệp quốc tế (Global) dựa trên nền tảng vững chắc từ thị trường Việt Nam (Local).

”

*Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ - Nhân viên Tập đoàn Thiên Long,*

Năm 2024, Thiên Long tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong, đổi mới không ngừng và hành động quyết liệt. Với chiến lược phát triển kiên định cùng tư duy bền vững, Thiên Long đã ghi dấu những bước tiến nổi bật.

**Thiên Long 2024:**  
**Tăng trưởng xanh – Thương hiệu xanh**

Năm 2024, GDP Việt Nam tăng 7,09% so với năm 2023, một trong những mức tăng trưởng cao nhất trong 15 năm qua. Trong bối cảnh đó, Thiên Long đã đạt được các kết quả tích cực với doanh thu đạt 3.759 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 461 tỷ - tăng 29% so với năm 2023. Đây là minh chứng rõ ràng cho năng lực vận hành hiệu quả và quản trị chiến lược bài bản của Tập đoàn.

Một trong các điểm sáng của Thiên Long là mảng **thương mại điện tử**, với tốc độ tăng trưởng ấn tượng gấp 2,6 lần so với cùng kỳ, đưa Thiên Long vươn lên vị trí dẫn đầu ngành văn phòng phẩm trực tuyến. Đồng thời, hoạt động **kinh doanh quốc tế** tiếp tục duy trì phong độ cao, tăng gần 25% so với năm 2023.

Không chỉ tăng trưởng về kinh doanh, Thiên Long tiếp tục nâng tầm vị thế thương hiệu trong lòng người tiêu dùng Việt Nam và Thế giới, đặc biệt ở các nước Đông Nam Á. Trong năm 2024, **giá trị thương hiệu Thiên Long chạm mức 1.000 tỷ đồng**, được ghi nhận là “thương hiệu yêu thích của người tiêu dùng trẻ” cùng 20 giải thưởng lớn trong nước và quốc tế.

Đối với Thiên Long, giá trị thương hiệu không chỉ được xây dựng từ những con số hay các giải thưởng, mà còn được hình thành qua tình cảm và sự tin yêu của người tiêu dùng suốt hơn 40 năm – đặc biệt qua các hoạt động xã hội đóng góp vào sự phát triển tri thức và giáo dục. Đó là “tài sản vô giá” tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Sự phát triển bền vững này còn thể hiện qua sản phẩm của Thiên Long. Thiên Long tự hào đã cho ra dòng sản phẩm thân thiện với môi trường Eco – Style, sản phẩm làm từ bột cám trấu, từ bột đá vôi, nhựa tái chế..., thân thiện với môi trường rất được người tiêu dùng đón nhận.

Chính sự kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và cam kết phụng sự cộng đồng giúp Thiên Long không chỉ “chiếm lĩnh thị trường” mà còn chiếm trọn trái tim người tiêu dùng – trở thành một thương hiệu đáng tin cậy và đầy cảm hứng trên hành trình viết nên sự bền vững.

*Kính thưa quý vị,*  
**Thiên Long năm 2025:**  
**Viết tiếp bền vững - Vì tương lai xanh**

Bước vào năm 2025, Thiên Long lựa chọn màu xanh bền vững làm định hướng xuyên suốt. Chúng tôi tin rằng, phát triển bền vững không chỉ là trách nhiệm hay xu thế, mà là con đường đúng đắn phải làm để tăng trưởng dài hạn.

Theo đó, Thiên Long tập trung vào 6 mục tiêu trong năm 2025, bao gồm:

- 1. KINH DOANH NỘI ĐỊA**  
Củng cố hệ thống phân phối, đẩy mạnh thương mại điện tử, thúc đẩy sáng tạo sản phẩm.
- 2. KINH DOANH QUỐC TẾ**  
Mở rộng thương hiệu FlexOffice & Colokit tại Đông Nam Á, Châu Âu, Châu Mỹ.
- 3. R&D**  
Phát triển bút êm, marker công nghệ cao, vật liệu tái chế, hướng đến Net Zero 2050.
- 4. CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
Ứng dụng AI, Machine Learning, ERP, tự động hóa sản xuất.
- 5. CHUỖI CUNG ỨNG BỀN VỮNG**  
Nâng cao dự báo, giảm hao phí, tối ưu tài nguyên.
- 6. NHÂN SỰ & VĂN HÓA DOANH NGHIỆP**  
Đầu tư đội ngũ tinh nhuệ, xây dựng tinh thần “Học Hỏi Hạnh Phúc Trọn Đời”.

### Chiến lược GLOCAL TLG

Năm 2025 được xác định là cột mốc bản lề, năm bắt đầu thực hiện mạnh mẽ định hướng “GLOCALISATION”. Theo đó, Thiên Long sẽ chuyển mình thành 1 doanh nghiệp quốc tế (Global) dựa trên nền tảng vững chắc từ thị trường Việt Nam (Local).

Cụ thể, Thiên Long sẽ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trên thị trường quốc tế nhằm khai thác tối đa tiềm năng tăng trưởng từ các khu vực này, đặc biệt là Đông Nam Á – nơi có vị trí địa lý chiến lược cùng sự tương đồng về dân số, văn hóa và kinh tế. Dựa trên nền tảng kinh nghiệm, thương hiệu vững mạnh và danh mục sản phẩm chất lượng đã được khẳng định, TLG sẽ linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh để phù hợp với từng thị trường trọng điểm. Mục tiêu là xây dựng mô hình kinh doanh thông minh, hiệu quả và bản địa hóa các sản phẩm cũng như chương trình bán hàng phù hợp với từng địa phương. Ở chiều ngược lại, TLG cũng sẽ đưa các sản phẩm, ý tưởng và tiêu chuẩn chất lượng cao từ thị trường quốc tế về Việt Nam, nhằm mang đến cho người tiêu dùng trong nước những sản phẩm đa dạng, bắt kịp xu hướng toàn cầu.

Cùng chiến lược “GLOCAL TLG”, Thiên Long cam kết mang lại những giá trị mới cho Nhà đầu tư, Cổ đông, Khách hàng, Người tiêu dùng. Tôi xin cảm ơn Quý Cổ đông cùng toàn bộ Cán bộ Công nhân viên Thiên Long đã đồng lòng, nỗ lực không ngừng nghỉ cùng tạo nên một năm 2024 rất thành công. Cùng nhau, chúng ta sẽ tiếp tục kiến tạo những giá trị bền vững mới trong năm 2025, tạo ra những giá trị tốt đẹp cho xã hội.

*Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và hạnh phúc!*



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
CÔ GIA THỌ**



# PHẦN 04

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN THIÊN LONG



|                                      |                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TÊN CÔNG TY                          | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG                                                                                                                     |
| TÊN GIAO DỊCH                        | Tập đoàn Thiên Long                                                                                                                                     |
| TÊN VIẾT TẮT                         | CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG                                                                                                                          |
| TÊN TIẾNG ANH                        | THIEN LONG GROUP CORPORATION                                                                                                                            |
| MÃ CHỨNG KHOÁN                       | TLG                                                                                                                                                     |
| VỐN ĐIỀU LỆ                          | 864.535.750.000 đồng                                                                                                                                    |
| TRỤ SỞ CHÍNH                         | Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.HCM                                                                    |
| ĐIỆN THOẠI                           | (84.28) 3750 5555                                                                                                                                       |
| FAX                                  | (84.28) 3750 5577                                                                                                                                       |
| EMAIL                                | info@thienlonggroup.com                                                                                                                                 |
| WEBSITE                              | www.thienlonggroup.com                                                                                                                                  |
| GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP | 0301464830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 09 tháng 12 năm 2024. |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH                | Xin xem trong Báo cáo tài chính năm 2024 mục 1 Đặc điểm hoạt động của Công ty.                                                                          |

## VỐN CHỦ SỞ HỮU

**2.347.227.883.171**  
đồng



## TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

Truyền cảm hứng và cung cấp

*Giải pháp toàn diện  
& hiệu quả để*HỌC HỎI  
HẠNH PHÚC TRỌN ĐỜI



1981-2000

2001-2005

2006-2008

NĂM 1981

Cơ sở bút bi Thiên Long được thành lập với sản phẩm bút bi đầu tiên.

NĂM 1996

Công ty TNHH SX - TM Thiên Long chính thức được thành lập, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới về nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất sản xuất, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm. Công nghệ sản xuất tiên tiến được ứng dụng vào quy trình sản xuất với nhiều trang thiết bị hiện đại.

NĂM 2000

Nhà xưởng mới tại KCN Tân Tạo (Quận Bình Tân) đi vào hoạt động.

Năm 2001

Được tổ chức DNV (Na Uy) cấp chứng chỉ chất lượng ISO 9002.

Năm 2003

Nâng diện tích nhà xưởng từ 0,5 ha lên hơn 1,6 ha, được tái cấp chứng chỉ ISO theo phiên bản mới (ISO 9001:2000).

Năm 2005

Công ty TNHH SX - TM Thiên Long chuyển đổi thành Công ty Cổ phần SX - TM Thiên Long với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

Năm 2006

Công ty tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng, thành lập Công ty TNHH SX-TM Thiên Long Thành với vốn điều lệ 40 tỷ đồng, đạt chứng nhận tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004, tiêu chuẩn về Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp OHSAS 18001, tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội SA 8000, tiêu chuẩn An ninh CTPAT...

Năm 2007

Thành lập Công ty TNHH MTV TM-DV Thiên Long Hoàn Cầu, chuyên kinh doanh văn phòng phẩm, với vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

Năm 2008

Phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) tăng vốn điều lệ lên 155 tỷ đồng.

2010-2020

2021-2022

2023-2024

Năm 2010

Ngày 26/03/2010, cổ phiếu TLG chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Năm 2012 – 2016

Áp dụng hệ thống SAP-ERP. Sau các đợt phát hành cổ phiếu dưới hình thức trả cổ tức và cổ phiếu thưởng, vốn điều lệ tăng từ 177 tỷ đồng lên 383 tỷ đồng.

Năm 2018

Vốn điều lệ tăng lên 657 tỷ đồng, hoàn thành bản đồ xuất khẩu tại Đông Nam Á.

Năm 2019 – 2020

Thành lập Công ty thương mại tại Singapore là FlexOffice Pte. Ltd. Vốn điều lệ tăng lên 778 tỷ đồng.

Năm 2021

Tái cấu trúc Tập đoàn, thành lập Công ty TNHH SX-TM Nam Thiên Long do CTCP Tập đoàn Thiên Long sở hữu 100% vốn điều lệ.

Năm 2022

Tăng phần vốn góp tại Công ty TNHH SX-TM Nam Thiên Long lên 650 tỷ đồng; Khánh thành nhà xưởng mới B2 thuộc Công ty TNHH SX-TM Thiên Long Long Thành; Góp vốn (25% vốn điều lệ) thành lập Công ty Pega Holding; FlexOffice Pte. Ltd. góp vốn (60% vốn điều lệ) thành lập ICCO Marketing (M) SDN. BHD; Công ty TNHH MTV Tân Lực Miền Nam góp vốn (70% vốn điều lệ) thành lập CTCP Clever World.

Năm 2023

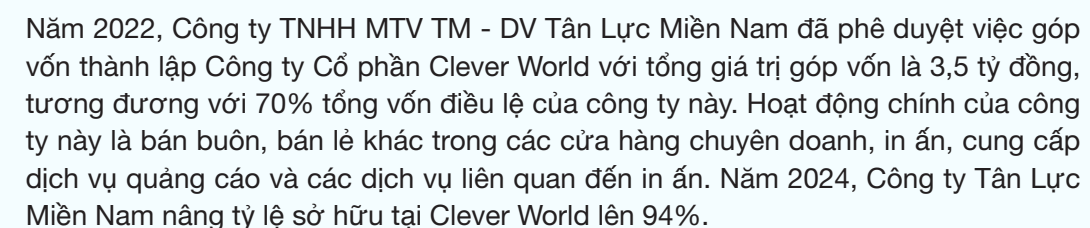
Thiên Long đẩy mạnh hiện diện tại 71 quốc gia trên thế giới. Vốn điều lệ tăng lên 786 tỷ đồng.

NĂM

2024

Thiên Long đạt doanh thu và lợi nhuận cao nhất từ trước tới nay. Vốn hóa đạt **220 triệu USD**. Giá trị thương hiệu đạt **~40 triệu USD**. Vốn điều lệ tăng lên **864 tỷ đồng**. Tăng phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Tân Lực Miền Nam từ **80 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng**.







03

HỆ THỐNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN KẾT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

| STT                                          | Tên Công ty                                  | Ngành nghề kinh doanh chính           | Địa chỉ trụ sở                                                                                  | Vốn điều lệ (VNĐ)                           | % Tập đoàn Thiên Long sở hữu |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|
| 01                                           | Công ty TNHH SX - TM Thiên Long Long Thành   | Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm | Đường số 7, KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam                | 180 tỷ                                      | 100%                         |
| 02                                           | Công ty TNHH SX - TM Nam Thiên Long          | Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm | Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam                             | 650 tỷ                                      | 100%                         |
| 03                                           | Công ty TNHH MTV TM - DV Thiên Long Hoàn Cầu | Kinh doanh văn phòng phẩm             | 658P – 658R Đường Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, TP. HCM, Việt Nam                             | 180 tỷ                                      | 100%                         |
| 04                                           | Công ty TNHH MTV TM - DV Tân Lực Miền Nam    | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam  | 150 tỷ                                      | 100%                         |
| 05                                           | FlexOffice Pte. Ltd                          | Kinh doanh văn phòng phẩm             | 10 Ubi Crescent #04-100 Ubi Techpark, Singapore                                                 | ~30 tỷ                                      | 100%                         |
| 06                                           | Công ty Cổ phần Pega Holdings                | Kinh doanh sách, báo, tạp chí         | 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM, Việt Nam                                 | 100 tỷ                                      | 40%                          |
| 07                                           | ICCO Marketing (M) SDN. BHD                  | Kinh doanh văn phòng phẩm             | 33-2 Jalan Setia Utama At U13/At, Setia Alam, Seksyen U13, Shah Alam, Selangor, Malaysia, 40170 | 501 triệu                                   | 60%                          |
| 08                                           | Công ty Cổ phần Clever World                 | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam  | 54 tỷ                                       | 94%                          |
| Doanh thu thuần đã loại trừ giao dịch nội bộ |                                              |                                       |                                                                                                 | THIÊN LONG HOÀN CẦU<br>KHOẢNG 2.633 TỶ ĐỒNG |                              |

04

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Với mẫu mã phong phú, chất lượng cao, thương hiệu uy tín và giá cả phù hợp, các sản phẩm của Thiên Long sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

Tập đoàn Thiên Long sản xuất và kinh doanh các nhóm sản phẩm chính:





## BÚT VIẾT VÀ CÁC SẢN PHẨM VĂN PHÒNG PHẨM TIỆN ÍCH (THƯƠNG HIỆU THIÊN LONG)

“

**THIÊN LONG**

Bên cạnh các sản phẩm bút bi đã trở thành biểu tượng, Thiên Long cung cấp đa dạng văn phòng phẩm phục vụ học sinh, sinh viên, nhân viên văn phòng, tiểu thương, các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và nhiều ngành nghề khác. Danh mục sản phẩm bao gồm bút gel, bút lông bảng, bút lông dầu, bút xóa, bìa lưu trữ, bấm kim, cùng nhiều dụng cụ học tập và văn phòng phẩm khác.

Năm 2024, Thiên Long tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu với các dòng sản phẩm đột phá, đáp ứng xu hướng thị trường. Tiêu biểu là dòng Minimalist butter gel, thiết kế tối giản hiện đại, mực êm trơn, nhanh khô. Ngoài ra, dòng Mazzic với bút gel xóa được và bút máy xóa được giúp học sinh tiểu học tập viết sạch đẹp hơn. Dòng Quick Dry cũng được bổ sung, nổi bật với mực khô siêu nhanh nhưng vẫn giữ màu sắc tươi sáng.

Không chỉ dừng lại ở bút viết, Thiên Long còn đổi mới dòng học cụ Joyee, mang đến hình ảnh vui nhộn giúp học sinh tận hưởng trải nghiệm học tập thú vị. Đặc biệt, dòng cặp chống gù mới được thiết kế toàn diện, sử dụng vải poly trượt nước, chống mốc, thoáng khí tối đa.

Đối với giới văn phòng, Thiên Long giới thiệu loạt sản phẩm mang phong cách trẻ trung, cá nhân hóa như máy tính văn phòng, ống cắm bút, kéo công thái học... Một điểm nhấn công nghệ là bút lông bảng WB-021, sử dụng hệ mực lông tiên tiến, cải thiện độ bền ngòi và tăng dung tích mực gấp 1,5 lần so với sản phẩm thông thường.

**THIÊN LONG**

**Bút BUTTER GEL**

GELB-023  
Cơ cấu bấm tự động thu ngòi

GELB-025  
Giắt bút cách điệu thời trang

Đệm tay cầm êm ái  
Phong cách tối giản, thanh lịch  
Ngòi nhỏ cho nét viết thanh mảnh

*Mực êm trơn, viết nhanh hơn*

## SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ - HỌC CỤ THÔNG MINH (THƯƠNG HIỆU FLEXIO)

“

**FLEXIO**

Không ngừng đổi mới và tiên phong trong nghiên cứu công nghệ, Thiên Long tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu với dòng sản phẩm công nghệ – học cụ thông minh mang thương hiệu Flexio. Đây là minh chứng rõ nét cho chiến lược phát triển sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu học tập hiện đại của thế hệ trẻ.

Trong những năm gần đây, Flexio đã ra mắt loạt sản phẩm công nghệ tiên tiến dành cho học sinh như máy chuột bút chì, máy hút bụi, pin, máy tính khoa học, máy tính văn phòng, mang đến trải nghiệm học tập tiện lợi và hiệu quả hơn. Đặc biệt, dòng máy tính khoa học Flexio Fx799VN & Fx509VN, thiết kế dành riêng cho học sinh THCS & THPT, đã nhanh chóng được thị trường đón nhận.

Trong đó, Flexio Fx799VN là sản phẩm đột phá với khả năng hỗ trợ giải toán hình học không gian, xử lý nhanh, chính xác, giúp học sinh nâng cao hiệu suất học tập. Với chính sách bảo hành 7 năm cùng cam kết 1 đổi 1 trong năm đầu tiên đối với lỗi từ nhà sản xuất, Flexio khẳng định chất lượng vượt trội và sự cam kết mạnh mẽ từ Thiên Long.

Không chỉ xuất sắc về công nghệ, Flexio còn nổi bật với thiết kế phong phú, màu sắc trẻ trung, phù hợp với phong cách và sở thích đa dạng của học sinh. Sự kết hợp giữa hiệu suất mạnh mẽ và thiết kế hiện đại giúp Flexio không chỉ là công cụ học tập mà còn là cách để học sinh thể hiện cá tính riêng.

Trong thời gian tới, Flexio sẽ tiếp tục giới thiệu những sản phẩm cải tiến đột phá, ứng dụng công nghệ vượt trội, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của học sinh trên toàn quốc. Với Flexio, Thiên Long không chỉ mang đến sản phẩm mà còn đồng hành cùng thế hệ trẻ trên hành trình chinh phục tri thức.

**MÁY TÍNH ĐẠT CHUẨN  
MANG VÀO PHÒNG THI**

**FLEXIO**

**Fx799VN**

**Fx509VN**

**7 năm BẢO HÀNH**

**TÍNH NĂNG ĐỘT PHÁ  
HÌNH HỌC KHÔNG GIAN**



DỤNG CỤ MỸ THUẬT  
(THƯƠNG HIỆU COLOKIT)

“



Là một trong những thương hiệu trụ cột của Thiên Long, Colokit khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực dụng cụ mỹ thuật, cung cấp đa dạng sản phẩm cho mọi lứa tuổi – từ học sinh, người yêu thích hội họa đến các nghệ sĩ chuyên nghiệp. Danh mục sản phẩm phong phú bao gồm bút sáp màu, bút sáp dầu, bút chì màu, bút lông màu, màu nước, màu acrylic, màu gouache, sáp màu đa năng và nhiều dòng sản phẩm chuyên biệt khác.



Năm 2024, Colokit ra mắt nhiều sản phẩm mới như sáp lụa, sáp dầu, màu nước nén, bút Acrylic Marker, đáp ứng nhu cầu sáng tạo đa dạng. Đặc biệt, bộ sưu tập nhân vật IP **Akooland** được phát triển riêng cho trẻ em, với dòng màu dễ rửa sạch, đảm bảo an toàn và vệ sinh tối ưu cho phụ huynh.

Colokit tiếp tục khẳng định vai trò người bạn đồng hành trong hành trình sáng tạo, mang đến những sản phẩm chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn an toàn châu Âu và Hoa Kỳ, giúp mọi lứa tuổi khám phá và phát triển niềm đam mê mỹ thuật.

THƯƠNG HIỆU KINH DOANH QUỐC TẾ  
(THƯƠNG HIỆU FLEXOFFICE)

“



Năm 2024 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của FlexOffice khi chính thức ra mắt logo mới, khẳng định chiến lược mở rộng mạnh mẽ ra thị trường quốc tế, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á. Thiết kế mới mang phong cách tối giản, hiện đại và dễ nhận diện hơn, giúp thương hiệu tiếp cận khách hàng toàn cầu một cách hiệu quả, đồng thời khắc phục những hạn chế của logo cũ trong việc phát âm và ghi nhớ.

Sự thay đổi này không chỉ nâng cao nhận diện thương hiệu mà còn thể hiện tầm nhìn dài hạn của Thiên Long trong việc đưa FlexOffice trở thành kênh tăng trưởng trọng yếu, đóng vai trò dẫn dắt chiến lược mở rộng quốc tế. Biểu tượng chong chóng cách điệu truyền tải thông điệp về sự năng động, sáng tạo, không ngừng phát triển và linh hoạt thích ứng với xu hướng toàn cầu. Đây cũng chính là cam kết của FlexOffice trong việc cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường quốc tế.

Trong năm 2025, Thiên Long sẽ đẩy mạnh chiến lược mở rộng FlexOffice tại Đông Nam Á, tăng cường đầu tư vào nhận diện thương hiệu và hệ thống phân phối, từng bước khẳng định vị thế của FlexOffice là thương hiệu văn phòng phẩm quốc tế hàng đầu. Với sự đầu tư bài bản và chiến lược phát triển bền vững, FlexOffice sẽ trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, góp phần đưa Thiên Long vươn xa trên bản đồ thế giới.





## 06 HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Thiên Long đã xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối sâu rộng tại thị trường nội địa. Sản phẩm của Thiên Long có mặt trên khắp 63 tỉnh/thành trên cả nước trong các trung tâm thương mại, chuỗi cửa hàng, nhà sách, cửa hàng tiện ích... đồng thời phân phối thông qua các kênh như kênh thương mại điện tử, kênh bán hàng trực tiếp cho trường học, doanh nghiệp (B2B)... Thiên Long còn mở rộng chuỗi cửa hàng Clever Box và PEEKTOY với sản phẩm đa dạng, nâng tầm trải nghiệm người dùng.

**63/63**

TỈNH/THÀNH TRÊN CẢ NƯỚC

**02**

TỔNG KHO MIỀN BẮC, MIỀN NAM



GT



MT



B2B

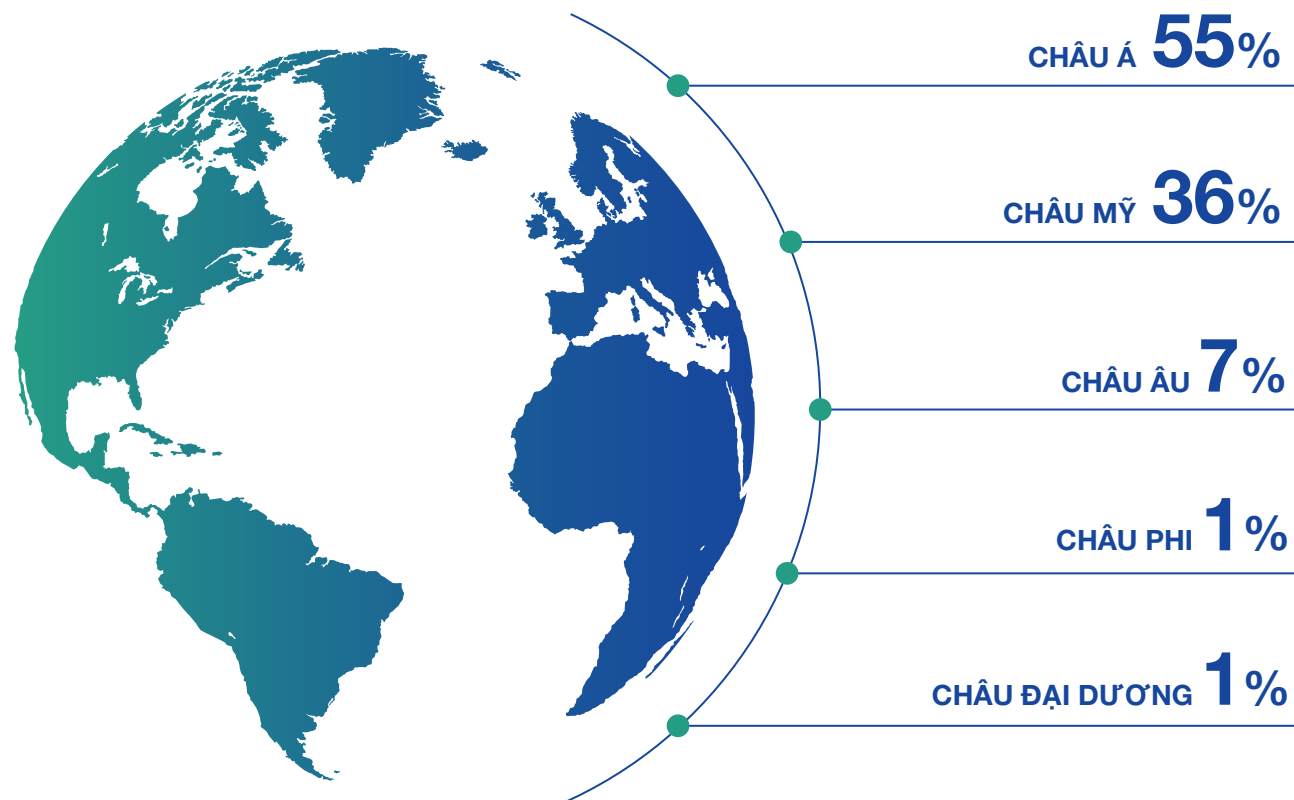


ECOM



Thiên Long liên tục đầu tư phát triển thị trường xuất khẩu, đưa sản phẩm mang nhãn hiệu FlexOffice và Colokit đến với người tiêu dùng trên 74 Quốc gia và vùng lãnh thổ. Bên cạnh đó Thiên Long còn xuất khẩu các mặt hàng OEM, ODM, Private Label cho các khách hàng lớn trên Thế giới.

XUẤT KHẨU TỚI **74** QUỐC GIA/VÙNG LÃNH THỔ



## 07 CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

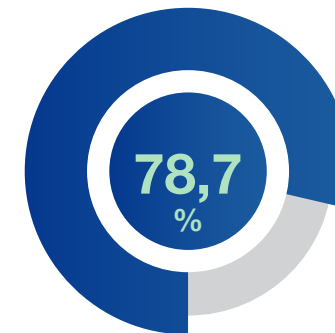
Phần 04

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

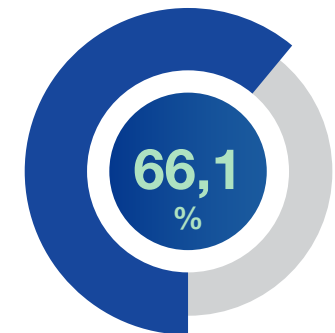
NĂM 2024

**TỶ LỆ TỰ ĐỘNG HÓA ĐẠT**

Nhà máy  
**NAM THIÊN LONG**



Nhà máy  
**THIÊN LONG  
LONG THÀNH**



Thiên Long chú trọng nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy móc, thiết bị sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và giảm giá thành sản phẩm. Đặc biệt, công ty đẩy mạnh việc tự sản xuất khuôn mẫu thay thế hàng nhập khẩu, ứng dụng công nghệ cao để tối ưu kết cấu khuôn và quy trình gia công.

Việc sản xuất khuôn mẫu được định hướng theo công suất máy ép, kết hợp tự động hóa nhằm nâng cao hiệu suất và chất lượng bán thành phẩm (BTP). Công ty cũng đang nghiên cứu khuôn ép đa thành phần nhựa trên cùng một BTP, giúp giảm số lượng chi tiết cấu thành và đa dạng hóa sản phẩm.

Bên cạnh đó, Thiên Long đầu tư máy móc hiện đại từ các nước tiên tiến, điển hình như máy ép từ Nhật Bản, nhằm tối ưu quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng BTP. Đồng thời, công ty tái cấu trúc nhà xưởng, hiện đại hóa và tự động hóa các khâu sản xuất, góp phần cải thiện hiệu suất và tối ưu chi phí.





08

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH

86.453.575 CỔ PHẦN

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO

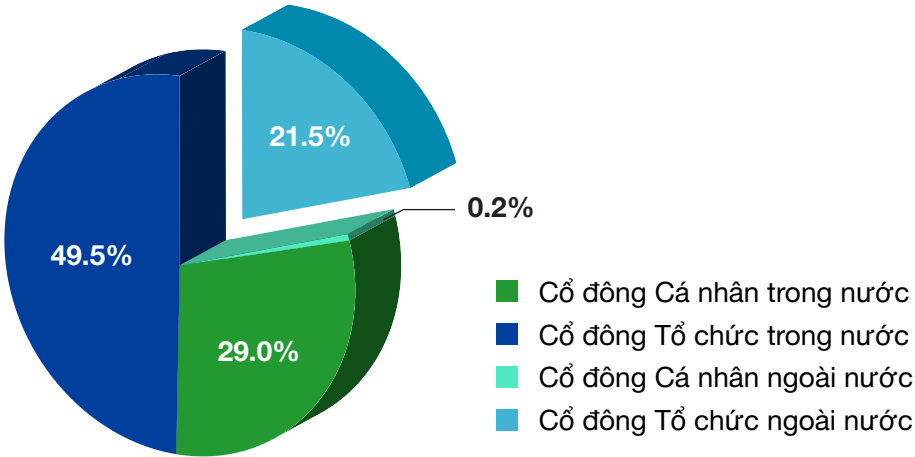
85.653.575 CỔ PHẦN

LOẠI CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH:

CỔ PHẦN PHỔ THÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tại ngày 31/12/2024)

| Cổ đông            | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ  |
|--------------------|------------------|--------------------|--------|
| Cổ đông trong nước | 2.236            | 67.888.369         | 78,5%  |
| Cá nhân            | 2.211            | 25.046.813         | 29,0%  |
| Tổ chức            | 25               | 42.841.556         | 49,5%  |
| Cổ đông nước ngoài | 109              | 18.565.206         | 21,5%  |
| Cá nhân            | 68               | 185.875            | 0,2%   |
| Tổ chức            | 41               | 18.379.331         | 21,3%  |
| Tổng cộng          | 2.345            | 86.453.575         | 100,0% |



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ (Tại ngày 31/12/2024)

| STT       | Cổ đông                                                           | Số cổ phần | Tỉ lệ |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|------------|-------|
| 1         | CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh (Đại diện sở hữu: ông Cô Gia Thọ) | 41.086.047 | 47,5% |
| 2         | Ông: Cô Gia Thọ                                                   | 5.417.065  | 6,3%  |
| Tổng cộng |                                                                   | 46.503.112 | 53,8% |

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

| Năm  | Vốn điều lệ ban đầu (Tỷ đồng) | Vốn điều lệ tăng thêm (Tỷ đồng) | Vốn điều lệ lũy kế (Tỷ đồng) | Hình thức tăng vốn                                                                                |
|------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2024 | 786                           | 78                              | 864                          | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức.                                                                    |
| 2023 | 778                           | 8                               | 786                          | Phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV.                                                                |
| 2019 | 707                           | 71                              | 778                          | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.     |
| 2019 | 657                           | 50                              | 707                          | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.                                                                      |
| 2018 | 506                           | 152                             | 657                          | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.                                      |
| 2017 | 383                           | 123                             | 506                          | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV. |
| 2016 | 295                           | 88                              | 383                          | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.                                      |
| 2015 | 268                           | 27                              | 295                          | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.                                      |
| 2014 | 233                           | 35                              | 268                          | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức.                                                                    |
| 2013 | 212                           | 21                              | 233                          | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức.                                                                    |
| 2012 | 177                           | 35                              | 212                          | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.     |
| 2010 | 155                           | 22                              | 177                          | Phát hành chào bán ra công chúng.                                                                 |
| 2008 | 120                           | 35                              | 155                          | Phát hành chào bán đầu giá ra công chúng để trở thành Công ty đại chúng.                          |
| 2006 | 100                           | 20                              | 120                          | Cổ đông hiện hữu góp vốn thêm, tỷ lệ góp vốn 20%.                                                 |

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có



## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KHỐI KINH DOANH NỘI ĐỊA

KHỐI KINH DOANH QUỐC TẾ

KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHỐI TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

KHỐI SẢN PHẨM

KHỐI SẢN XUẤT - CHUỖI CUNG ỨNG

KHỐI NHÂN LỰC VÀ VĂN HÓA

# HOSHİ

## TINH HOA CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN





**Ông CÔ GIA THỌ****Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT)**

Từ một cơ sở sản xuất gia đình nhỏ bé vào năm 1981, ông Cô Gia Thọ đã từng bước gầy dựng Thiên Long trở thành Tập đoàn văn phòng phẩm số 1 Việt Nam và hàng đầu khu vực. Hành trình gần 45 năm khởi nghiệp của ông là câu chuyện đầy cảm hứng về tầm nhìn chiến lược, tinh thần bền bỉ và khả năng dẫn dắt doanh nghiệp vượt qua mọi thử thách.

Xuất phát từ niềm đam mê và quyết tâm theo đuổi ngành văn phòng phẩm, ông kiên trì tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, không ngừng đổi mới và mở rộng quy mô. Dưới sự lãnh đạo của ông, Thiên Long đã vươn xa khỏi biên giới Việt Nam, chinh phục thị trường quốc tế và trở thành thương hiệu uy tín tại nhiều quốc gia.

Bên cạnh vai trò Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Thiên Long, ông còn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh, công ty sở hữu 47,5% vốn cổ phần của Tập đoàn Thiên Long. Với sự cam kết mạnh mẽ và tầm nhìn dài hạn, ông không chỉ xây dựng Thiên Long trở thành một thương hiệu vững mạnh, mà còn tạo nên một di sản đầy giá trị, truyền cảm hứng cho thế hệ doanh nhân trẻ Việt Nam trên hành trình vươn ra thế giới.

**Bà TRẦN THÁI NHƯ****Thành viên HĐQT không điều hành**

Bà là Thành viên HĐQT của Thiên Long từ năm 2008 tới nay. Bà từng giữ chức vụ Trợ lý TGD CTCP Tập đoàn Thiên Long, TGD CTCP Thiên Long Long Thành và Cố vấn Ban Điều hành CTCP Tập đoàn Thiên Long. Bà còn là Thành viên HĐQT của CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.

**Bà CÔ NGÂN BÌNH****Thành viên HĐQT không điều hành**

Bà là Thành viên HĐQT của Công ty từ năm 2008. Bà đã phụ trách nhiều vị trí khác nhau tại Thiên Long từ những ngày đầu thành lập. Bà có 10 năm là Quản đốc Sản xuất của Cơ sở Bút bi Thiên Long. Tiếp đó, Bà giữ chức vụ Trợ lý Giám đốc, Trưởng phòng Đảm bảo Chất lượng, Trợ lý Giám đốc Điều hành và Trưởng ban Xây dựng Cơ bản của Thiên Long. Hiện, Bà còn là Thành viên HĐQT của CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.

**Bà CÔ CẨM NGUYỆT****Thành viên HĐQT không điều hành**

Bà đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT của Thiên Long từ năm 2008 tới nay. Bà gia nhập Thiên Long vào năm 1993. Bà phụ trách các hoạt động Đầu tư và Quan hệ Nhà đầu tư của Công ty trong nhiều năm liền. Bà hiện còn là Thành viên HĐQT của CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.

**Ông TAYFUN UNER****Thành viên HĐQT độc lập**

Ông Tayfun tham gia HĐQT từ năm 2019. Ông từng giữ các vị trí quản lý cấp cao tại Tập đoàn Newell Brands và các công ty con của Tập đoàn. Trước đó, ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các Tập đoàn đa quốc gia như Procter & Gamble, McKinsey and Company, Carlsberg.

**Ông PHẠM NGUYỄN TRI****Thành viên HĐQT độc lập**

Ông Nguyễn Tri tham gia HĐQT từ năm 2020. Ông hiện là chủ tịch của Công ty Vnexus Capital Advisors (VNCA). Trước đó, ông từng giữ các vị trí cấp cao tại Bitexco Group, Deutsche Bank (DB) AG, Việt Nam và World Bank Group, IFC.

**Ông NGUYỄN ĐÌNH TÂM****Thành viên HĐQT**

Ông Nguyễn Đình Tâm là Thành viên HĐQT Thiên Long từ tháng 07/2021, với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành và am hiểu chuyên sâu về công nghệ sản xuất. Gia nhập Thiên Long từ năm 1994, ông đã trải qua nhiều vị trí quan trọng, trực tiếp tham gia vào quản lý kỹ thuật, nghiên cứu & phát triển (R&D), sản xuất và điều hành toàn diện.

Trong suốt quá trình công tác, ông từng đảm nhiệm các vai trò Phó Giám đốc Kỹ Thuật, Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển (R&D), Phó Tổng Giám đốc Sản xuất, Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Phó TGD Sản xuất, trước khi giữ vị trí Tổng Giám đốc Điều hành Thiên Long từ tháng 05/2017 – 05/2021. Sự am hiểu sâu sắc về công nghệ chế tạo, vật liệu và hệ thống sản xuất hiện đại giúp ông trở thành một trong những nhân sự chủ chốt, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của Thiên Long.



**Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ****Trưởng Ban Kiểm soát**

Bà công tác tại Thiên Long từ năm 1992, phụ trách các vị trí của Bộ phận Kế toán. Từ năm 2010 tới nay, bà là Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty. Trước đó, bà là thành viên của Ban Kiểm soát. Bà hiện còn giữ vị trí Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.

**Bà TẠ HỒNG DIỆP****Thành viên Ban Kiểm soát**

Bà tham gia Ban Kiểm soát từ năm 2017 đến nay. Trước đó, bà từng làm việc tại phòng Ngân hàng Đầu tư thuộc Ngân hàng HSBC Việt Nam, và phòng Khách hàng Tổ chức thuộc CTCP Chứng khoán VN-Direct.

**Bà VŨ THỊ THANH NGÀ****Thành viên Ban Kiểm soát**

Bà tham gia Ban Kiểm soát từ năm 2022 đến nay. Trước đó, bà từng làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, CTCP Chứng khoán FPT, Phòng Tài chính kế toán CTCP Tập đoàn Thiên Long và hiện là Phó Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp thuộc CTCP Chứng khoán FPT.

**Ông NGUYỄN NGỌC TRUNG CHÁNH****Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị của Công ty**

Ông gia nhập Tập đoàn Thiên Long từ tháng 6/2017 và được bổ nhiệm vị trí Thư ký kiêm Người phụ trách quản trị của Công ty từ tháng 4/2019. Ông Chánh có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp chế và hiện còn đang giữ vị trí Trưởng phòng Pháp chế Tập đoàn.

**Bà TRẦN PHƯƠNG NGÀ****Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Người đại diện theo Pháp luật**

Bà Trần Phương Nga chính thức đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Điều hành Thiên Long từ tháng 6/2021, sau gần một thập kỷ gắn bó với công ty. Với nền tảng chuyên môn vững chắc và kinh nghiệm sâu rộng trong tài chính, kế toán, ngân hàng, tư vấn đầu tư và quản lý quỹ, bà đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển và tăng trưởng bền vững của Thiên Long.

Gia nhập Thiên Long từ năm 2012, bà đã kinh qua nhiều vị trí quan trọng trong khối tài chính, kế toán, thương mại và công nghệ thông tin. Trước khi trở thành Tổng Giám đốc Điều hành, bà từng giữ vai trò Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán kiêm Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Khối Kinh doanh, thành viên Tiểu ban Quan hệ Nhà đầu tư và Tiểu ban Phát triển thuộc Hội đồng Quản trị của CTCP Tập đoàn Thiên Long.

**Bà VÕ THỊ HẢI HÀ****Phó Tổng Giám đốc**

Bà gia nhập Thiên Long từ tháng 09/2021 và hiện đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc. Bà có bề dày kinh nghiệm trên 28 năm trong lĩnh vực Tài Chính Kế Toán tại các Công ty đa quốc gia. Trước đây, bà từng đảm nhiệm các vị trí quản lý khác nhau như: Giám Đốc Tài Chính; Giám Đốc Kế Hoạch Kinh Doanh,... tại các Công ty đa quốc gia như Suntory PepsiCo VN; Premier Oil; FrieslandCampina Viet Nam,...

**Ông NGUYỄN NGỌC NHƠN****Kế toán trưởng**

Ông gia nhập Tập đoàn Thiên Long từ tháng 4/2017. Ông Nhơn đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài Chính Kế Toán.



*Chiến lược xanh*  
**BƯỚC TIỀN  
CHUYỂN MÌNH**





01

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp để lấy ý kiến cũng như triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ nhằm thông qua các chủ trương quan trọng trong định hướng phát triển của Công ty.

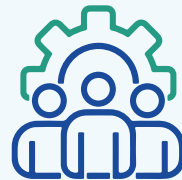
CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH, BAO GỒM:

| STT | Số Nghị Quyết / Quyết định | Ngày       | Nội dung thông qua                                                                                                                                                                                                           |
|-----|----------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/2024/NQ-HĐQT            | 29/02/2024 | Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023                                                                                                                                                            |
| 2   | 02/2024/NQ-HĐQT            | 10/05/2024 | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023                                                                                                                                                               |
| 3   | 03/2024/NQ-HĐQT            | 27/05/2024 | Tái bổ nhiệm bà Trần Phương Nga giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.                                                                                                                     |
| 4   | 04/2024/NQ-HĐQT            | 27/05/2024 | Lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.                                                                                                                                                |
| 5   | 05/2024/NQ-HĐQT            | 07/06/2024 | Chấp thuận đơn từ nhiệm và miễn nhiệm bà Đào Thị Thanh Bình thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Nhân lực và Văn hóa.                                                                                                          |
| 6   | 06/2024/NQ-HĐQT            | 05/08/2024 | Thông qua kết quả điều chuyển lợi nhuận từ các Công ty con về Công ty mẹ.                                                                                                                                                    |
| 7   | 07/2024/NQ-HĐQT            | 14/08/2024 | Thông qua Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.                                                                                                                                                 |
| 8   | 08/2024/NQ-HĐQT            | 15/08/2024 | Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền mặt.                                                                                                                   |
| 9   | 09/2024/NQ-HĐQT            | 19/08/2024 | Thông qua việc cho Công ty Cổ phần Clever World vay vốn để sử dụng cho mục đích kinh doanh.                                                                                                                                  |
| 10  | 10/2024/NQ-HĐQT            | 16/09/2024 | Thông qua việc cơ cấu lại chức vụ của một số nhân sự ở vị trí Phó Tổng Giám đốc.                                                                                                                                             |
| 11  | 11/2024/NQ-HĐQT            | 30/09/2024 | Thông qua quyết định đầu tư ra nước ngoài tại nước Cộng hòa Indonesia.                                                                                                                                                       |
| 12  | 12/2024/NQ-HĐQT            | 01/11/2024 | Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt. |
| 13  | 13/2024/NQ-HĐQT            | 03/12/2024 | Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và niêm yết bổ sung với HOSE.                                                                        |
| 14  | 14/2024/NQ-HĐQT            | 13/12/2024 | Thông qua việc tặng phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long tại Công ty TNHH Một thành viên Thương mại dịch vụ Tân Lực Miền Nam.                                                                                |

Phần 05

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA  
THÀNH VIÊN  
HĐQT ĐỘC LẬP



- Các thành viên HĐQT độc lập luôn đảm bảo sự hiện diện đầy đủ tại các cuộc họp và tích cực tham gia thảo luận các nội dung được đưa ra lấy ý kiến. Với vai trò quan trọng trong việc duy trì tính minh bạch và công bằng trong hoạt động quản trị, các thành viên HĐQT độc lập không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả điều hành mà còn đưa ra nhiều ý kiến phản biện sắc bén, tư vấn khách quan và giá trị, góp phần định hướng chiến lược và hoàn thiện các kế hoạch kinh doanh của công ty.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG CỦA  
TẬP ĐOÀN NĂM 2024

Doanh thu thuần hợp nhất

3.759 tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế hợp nhất  
(trừ đi lợi ích cổ đông không kiểm soát)

461 tỷ đồng



- Năm 2024, tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới ghi nhận mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng, với GDP toàn cầu dự báo tăng 3,2%, giữ nguyên so với năm 2023. Tại Việt Nam, nền kinh tế năm 2024 đạt kết quả khả quan với GDP ước tính tăng 7,09% so với năm trước, vượt mục tiêu 6,5%.
- Năm 2024 khép lại với muôn vàn khó khăn và thách thức, nhưng bằng sự đồng lòng của toàn thể CBCNV cùng sự tận dụng tối đa mọi nguồn lực, Công ty đã xuất sắc đạt được những kết quả kinh doanh đáng ghi nhận như sau:
  - Doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.759 tỷ, đạt 99% kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.
  - Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (trừ đi lợi ích cổ đông không kiểm soát) đạt 461 tỷ, hoàn thành 121% so với kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

GIÁM SÁT  
HOẠT ĐỘNG CỦA  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

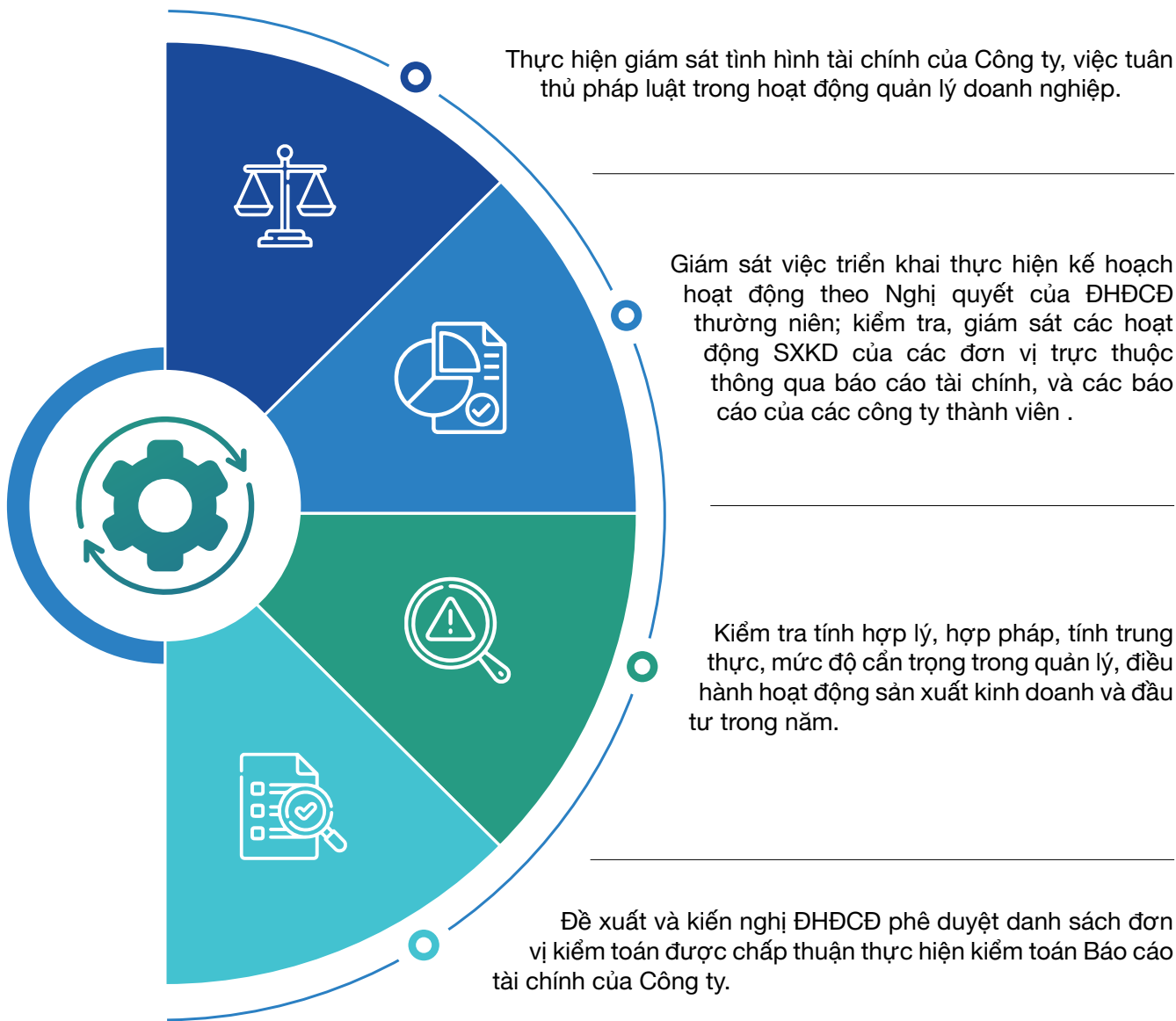


- Hội đồng Quản trị đánh giá cao và ghi nhận những đóng góp to lớn của Ban Tổng Giám đốc, luôn thể hiện vai trò tiên phong, tinh thần tận tâm và nỗ lực không ngừng.
- Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo việc tuân thủ chặt chẽ các quy định nội bộ, củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nghiêm túc Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
- Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc đã vận hành và triển khai các nhiệm vụ đúng theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Hội đồng Quản trị, luôn bám sát chiến lược và định hướng phát triển của Công ty, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS) TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức sáu (06) cuộc họp định kỳ với các thành viên để trao đổi, cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thống nhất kế hoạch hoạt động và tổng kết các kết quả công việc đã thực hiện, với các nội dung hoạt động chính sau:



Qua quá trình hoạt động, BKS cũng có đưa ra các ý kiến, kiến nghị với Ban TGD Công ty các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro. Các thành viên BKS đã hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất của BKS, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề, nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của mình.

| STT | Thành viên BKS         | Chức vụ        | Ngày bắt đầu là thành viên BKS       | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|------------------------|----------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------|---------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Bích Ngà | Trưởng BKS     | Ngày bắt đầu nhiệm kỳ mới 26/04/2022 | 6/6                     | 100%              |                     |
| 2   | Bà Tạ Hồng Diệp        | Thành viên BKS | Ngày bắt đầu nhiệm kỳ mới 26/04/2022 | 6/6                     | 100%              |                     |
| 3   | Bà Vũ Thị Thanh Nga    | Thành viên BKS | Ngày bắt đầu nhiệm kỳ mới 26/04/2022 | 6/6                     | 100%              |                     |

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2024

Ban Kiểm Soát luôn theo dõi, giám sát tình hình tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và ghi nhận các số liệu trong báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) được phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình hoạt động SXKD của Công ty và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Các chỉ tiêu cơ bản về vốn, tài sản tại thời điểm 31/12/2024 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 được thể hiện tại báo cáo tài chính hợp nhất với một số chỉ tiêu chính như sau:

|                                                                                       |                                                                                        |                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <b>TỔNG TÀI SẢN</b><br><b>3.359.561.363.489</b> đồng                                   | <b>DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT</b><br><b>3.759</b> tỷ đồng<br>hoàn thành 99% kế hoạch                                                                |
|  | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b><br><b>2.347.227.883.171</b> đồng<br>(chiếm 69,9% tổng nguồn vốn) | <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b><br>(trừ lợi ích cổ đông không kiểm soát)<br><b>461</b> tỷ đồng<br>hoàn thành vượt 21% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. |



- ▶ Thực hiện trích lập 10% Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- ▶ Hoàn tất chi trả 20% cổ tức còn lại cho năm 2023 (10% tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).
- ▶ Tạm ứng 10% cổ tức cho năm 2024 bằng tiền mặt.



## 02

### BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HDQT), BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (BAN TGD)



- ▶ Trong năm qua, HDQT và Ban TGD đã chủ động đưa ra các giải pháp ứng phó phù hợp, linh hoạt với tình hình thực tiễn, thực hiện các biện pháp thúc đẩy kinh doanh để đảm bảo phát triển ổn định, quyết liệt trong công tác xử lý hàng tồn kho và kiểm soát chi phí hiệu quả.
- ▶ Thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy hoạt động theo hướng chuyên môn hóa, số hóa các quy trình, thúc đẩy các sáng kiến cải tiến quy trình hoạt động, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất và chuỗi cung ứng, nâng cao công tác đào tạo nhân sự, đa dạng nguồn lực nhưng luôn bám sát các giá trị cốt lõi của Công ty. Xây dựng chiến lược hoạt động, phát triển các khối chức năng trọng tâm nhằm từng bước giúp Công ty thích ứng nhanh với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường.
- ▶ Tuy hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh quan trọng, đảm bảo hoạt động ổn định trước biến động khó khăn của thị trường, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch nhưng chưa đạt chỉ tiêu về doanh thu do ĐHĐCĐ giao.
- ▶ Trong công tác quản lý, điều hành, HDQT và Ban TGD luôn tuân thủ và thực hiện đúng các chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

#### SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HDQT, BAN TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- ▶ Công tác phối hợp giữa BKS với HDQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác được thực hiện trên tinh thần tôn trọng, hỗ trợ phối hợp và khách quan minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hướng tới việc thực hiện tầm nhìn phát triển bền vững và chuẩn bị cho các thách thức trong thời gian tới.
- ▶ HDQT & Ban TGD và các Bộ phận chức năng luôn hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các nhiệm vụ của mình.



## 03

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH

Phần 05  
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

#### TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - THÁCH THỨC TOÀN CẦU

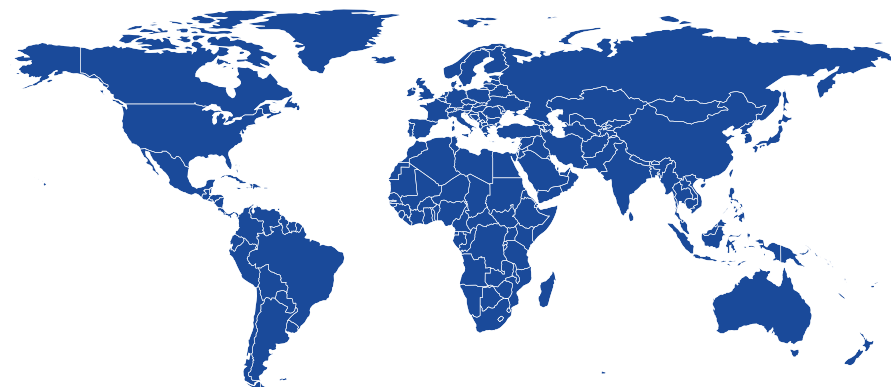
Năm 2024 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Cuộc khủng hoảng địa chính trị kéo dài tại Biển Đỏ, cùng với tình trạng lạm phát toàn cầu, đã khiến chuỗi cung ứng hàng hóa chịu nhiều sức ép. Đồng USD tiếp tục mạnh lên,

gây áp lực lớn lên chi phí nhập khẩu, trong khi đồng Yên Nhật giảm giá hơn 50% so với năm 2021, ảnh hưởng đáng kể đến thương mại khu vực.

Tại châu Âu, nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và chính sách

tiền tệ thắt chặt. Thị trường Mỹ, tuy có dấu hiệu phục hồi, nhưng chi phí vận chuyển và thuế quan tăng cao làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu. Ở khu vực Đông Nam Á, Philippines và Myanmar chịu ảnh hưởng lớn từ thiên tai và bất ổn chính trị, làm giảm tốc độ tăng trưởng thương mại.

Trong nước, kinh tế Việt Nam phục hồi sau giai đoạn khó khăn, tuy nhiên, chỉ tiêu tiêu dùng vẫn ở mức thấp. Áp lực cạnh tranh từ các thương hiệu nội địa và quốc tế ngày càng lớn, đòi hỏi doanh nghiệp phải đổi mới không ngừng để duy trì vị thế trên thị trường.



Doanh thu thuần hợp nhất

**3.759** tỷ đồng

▲ 8,6% so với năm 2023

#### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 2024

Năm 2024 đánh dấu một bước chuyển mình mạnh mẽ của Thiên Long, khi công ty không chỉ vượt qua những thách thức của thị trường mà còn tăng trưởng bền vững, nâng cao hiệu quả tài chính. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.759 tỷ đồng, tăng 8,6% so với năm 2023, hoàn thành kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế (trừ lợi ích cổ đông không kiểm soát) đạt 461 tỷ đồng, tăng mạnh 28,6%, cao

nhất trong lịch sử doanh nghiệp, vượt kế hoạch 21%. Giá trị thương hiệu đạt 1.000 tỷ đồng (~40 triệu USD). Vốn hóa doanh nghiệp trên sàn Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) đạt gần 5.700 tỷ đồng (~220 triệu USD). Với chiến lược mở rộng thị trường, tối ưu hóa vận hành và quản lý tài chính linh hoạt, Thiên Long tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu ngành văn phòng phẩm tại Việt Nam và vươn xa trên thị trường quốc tế.

Lợi nhuận sau thuế\*

**461** tỷ đồng

▲ 28,6%  
cao nhất trong lịch sử doanh nghiệp  
(\*) Trừ lợi ích cổ đông không kiểm soát

Giá trị thương hiệu

**1.000** tỷ đồng

(~40 triệu USD)

Vốn hóa doanh nghiệp\*\*

**5.697** tỷ đồng

(~220 triệu USD)

(\*\*) Tại ngày 31/12/2024



1

KINH DOANH NỘI ĐỊA:  
BỨT PHÁ TRONG THÁCH THỨC



Thương mại điện tử - Bùng nổ vượt mong đợi

Thương mại điện tử trở thành động lực tăng trưởng đột phá của Thiên Long, giúp thương hiệu xác lập vị thế số 1 trong lĩnh vực Sách & Văn phòng phẩm online. Doanh thu TMĐT tăng 157% so với kế hoạch, gấp 2,6 lần so với năm 2023. Đặc biệt, hai kênh bán hàng nổi bật là TikTok Shop và Shopee lần lượt tăng trưởng gấp 6 lần và 3 lần, chứng minh sức mạnh chuyển đổi số và chiến lược tối ưu hóa trải nghiệm người tiêu dùng.

Doanh thu TMĐT

▲ 2,6 lần

so với năm 2023



Phát triển thương hiệu – Cú huyếch từ các dòng sản phẩm đột phá

Khối Kinh doanh nội địa đã triển khai thành công chiến lược marketing sáng tạo cho các dòng sản phẩm Akooland, Demon Slayer và Flexio, kích thích nhu cầu tiêu dùng và tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ. Đặc biệt, doanh thu nhãn hàng Flexio ghi nhận mức tăng trưởng hai con số so với năm 2023, trong đó chương trình kích hoạt máy tính của Flexio tăng trưởng gấp 10 lần so với các chương trình khuyến mãi thông thường.

Chương trình  
kích hoạt máy tính  
của Flexio

▲ 10 lần

so với các chương trình  
khuyến mãi thông thường



Kênh bán hàng truyền thống (GT) – Mở rộng hợp tác, gia tăng gắn kết

Thiên Long đã thực hiện cuộc cách mạng trong kênh GT bằng việc **tinh chuyển hệ thống**, từ quy trình vận hành đến chính sách đối tác. Điểm nhấn trong năm là Hội nghị khách hàng tổ chức tại Thái Lan vào tháng 6/2024, lần đầu tiên được tổ chức ở nước ngoài, thu hút hơn 700 khách hàng trên toàn quốc. Sự kiện này không chỉ củng cố mối quan hệ chiến lược giữa Thiên Long và các nhà phân phối mà còn giúp thúc đẩy doanh số mạnh mẽ, tạo đà tăng trưởng bền vững.



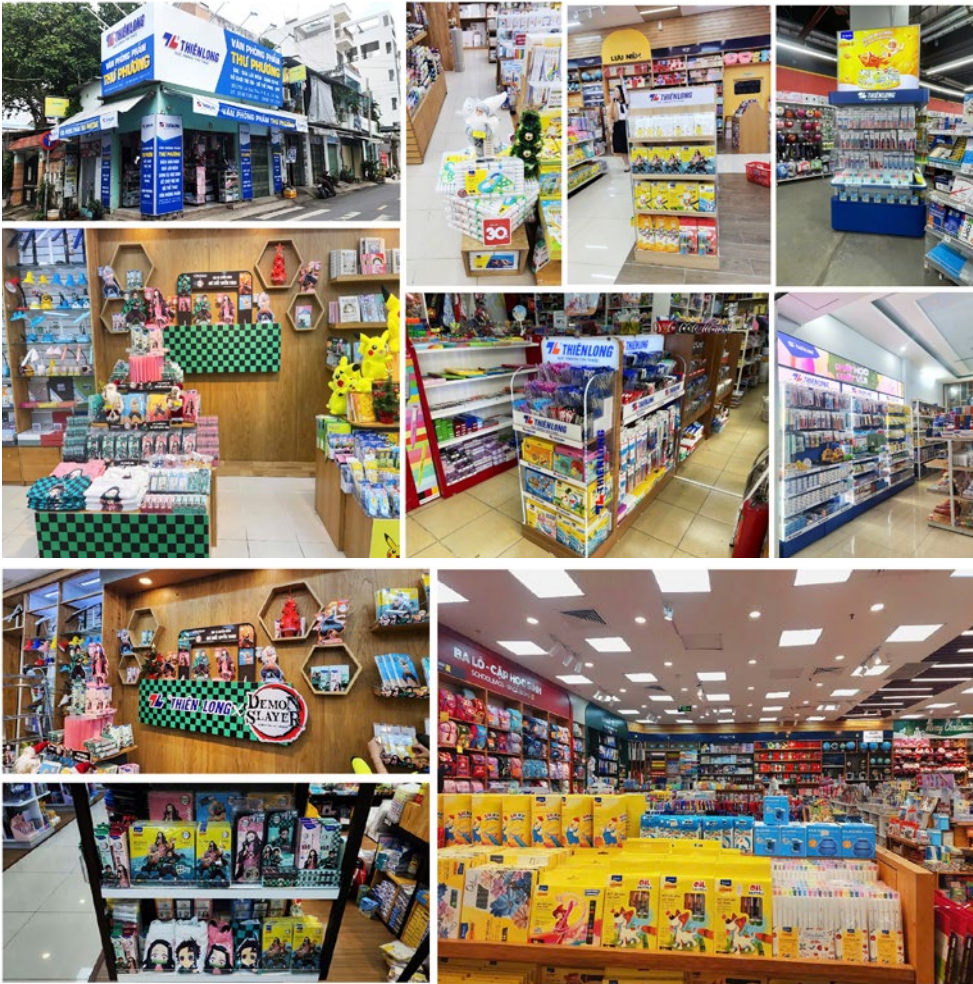
Doanh thu kênh MT

Hơn ▲ 6,3%

so với năm 2023

Kênh bán hàng hiện đại (MT) – Chuyên nghiệp hóa hệ thống, gia tăng thị phần

Với chiến lược quy hoạch bài bản, đầu tư đồng bộ về hình ảnh thương hiệu và trải nghiệm mua sắm, doanh thu kênh MT tăng hơn 6,3% so với năm 2023. Sự đầu tư này giúp Thiên Long khẳng định vị thế vững chắc trong các hệ thống siêu thị và chuỗi bán lẻ lớn.





2

KINH DOANH QUỐC TẾ:  
CHINH PHỤC THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

Thị trường Philippines - Thành công từ chiến lược tối ưu chuỗi cung ứng

Nhà phân phối Philippines đã áp dụng mô hình kho trung tâm mới vào tháng 3/2024, giúp tối ưu hóa vận hành, nâng cao năng lực phân phối và rút ngắn thời gian giao hàng. Thiên Long cũng tiên phong triển khai phần mềm quản lý kho thông minh, cải thiện hiệu suất vận hành và giảm chi phí lưu kho. Thành tựu quan trọng khác là việc sản phẩm FlexOffice và Colokit được phân phối rộng rãi tại chuỗi Nhà sách Quốc gia Philippines, tạo ra bước ngoặt lớn trong việc mở rộng thị phần tại quốc gia này.

Thị trường Nga - Mở rộng sang Kazakhstan, đẩy mạnh thương hiệu

Năm 2024 đánh dấu cột mốc quan trọng khi Thiên Long ký kết thỏa thuận chiến lược với các nhà phân phối Nga, mở ra cơ hội thâm nhập thị trường Kazakhstan.

Chinh phục thị trường châu Phi và Trung Đông

Việc tham gia Hội chợ Scofex Kenya đã giúp đội ngũ Phát triển thị trường mở rộng hợp tác với các nhà bán lẻ lớn tại Madagascar, Cameroon và Syria. Những thị trường tiềm năng này hứa hẹn sẽ trở thành động lực tăng trưởng quan trọng trong tương lai.

Sản phẩm mới đột phá

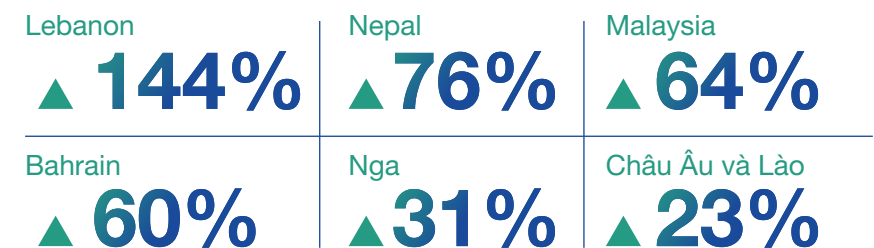
Sự đổi mới liên tục trong phát triển sản phẩm không chỉ góp phần chiếm 20% tổng doanh thu xuất khẩu mà còn giúp thương hiệu FlexOffice mở rộng phạm vi tiếp cận đến khách hàng toàn cầu.



Doanh số FlexOffice bùng nổ trên toàn cầu



Sức bật không ngừng của Thiên Long đã tạo nên kết quả kinh doanh đầy ấn tượng tại nhiều quốc gia:



Myanmar, Thái Lan, Philippines, Campuchia và Ả Rập Xê Út duy trì tăng trưởng ổn định.

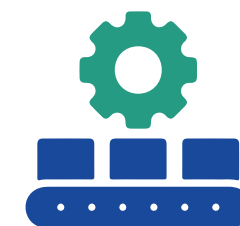
Bứt phá tại thị trường Mỹ



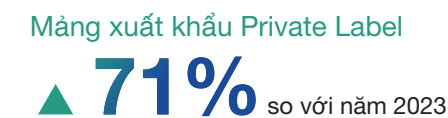
Sau hai năm đầu tư chuyên sâu vào thị trường Mỹ, doanh thu của Thiên Long trên nền tảng Amazon tăng mạnh 121%, minh chứng cho sự thành công của chiến lược thâm nhập và xây dựng thương hiệu tại một trong những thị trường khó tính nhất thế giới.



Xuất khẩu Private Label/OEM



Thành công vượt mong đợi. Màng xuất khẩu Private Label cũng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 71% so với năm 2023, được thúc đẩy bởi chính sách tiền tệ nới lỏng ở châu Mỹ và châu Âu, cũng như sự phục hồi sức mua của người tiêu dùng. Đội ngũ kinh doanh Private Label đã thành công trong việc phát triển sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, ký kết nhiều hợp đồng mới và giành chiến thắng trong các gói thầu quan trọng. Thiên Long tiếp tục chinh phục các thị trường mới, mở rộng hợp tác với nhiều khách hàng lớn tại Úc, Đức, Thụy Sĩ và Nhật Bản. Đội ngũ xuất khẩu đã xuất sắc đạt được giải thưởng Preferred Supplier từ hai khách hàng quan trọng, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường quốc tế.





3

NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN  
TẠO DẤU ẤN TIỀN PHONG

Năm 2024, Thiên Long tiếp tục khẳng định vị thế người dẫn đầu trong đổi mới sản phẩm khi liên tục tiên phong trong công nghệ, thiết kế, và tính bền vững. Với 83 sản phẩm mới ra mắt, trong đó 26 sản phẩm đột phá về công nghệ, chúng tôi không chỉ mang đến những cải tiến vượt trội mà còn tạo nên những tiêu chuẩn mới cho ngành văn phòng phẩm. Mỗi sản phẩm đều là kết tinh của sự sáng tạo, nghiên cứu chuyên sâu và cam kết mạnh mẽ trong việc mang lại trải nghiệm tốt nhất cho người tiêu dùng.



6

Sản phẩm  
ECO đột phá  
Đạt chứng nhận  
ECO Label

Tiên phong trong xu hướng xanh – Dẫn đầu phát triển bền vững

Bên cạnh hiệu suất vượt trội, Thiên Long cam kết phát triển các sản phẩm thân thiện môi trường, với 6 sản phẩm ECO đột phá, ứng dụng vật liệu cám trấu, đá vôi và nhựa sinh học, giúp giảm thiểu tác động môi trường mà vẫn đảm bảo chất lượng vượt trội. Những sản phẩm này đã đạt chứng nhận ECO Label – Ecological Product Certification từ tổ chức EUROLAB, một minh chứng rõ ràng cho cam kết của Thiên Long với phát triển bền vững.

Sáng tạo công nghệ – Chinh phục giới hạn mới

Nhiều sản phẩm tiên phong của Thiên Long ứng dụng công nghệ tiên tiến theo chuẩn Nhật Bản (HOSHI), mang đến trải nghiệm viết mượt mà, bền bỉ và hiệu suất cao. Bộ sưu tập bút gel, bút lông, bút chì cao cấp với sáng chế độc quyền đánh dấu bước tiến lớn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

4

TRUYỀN THÔNG MẠNH MẼ  
KHẲNG ĐỊNH DẤU ẤN THƯƠNG HIỆU

Năm 2024, Thiên Long không chỉ tiếp tục duy trì tính sáng tạo, đổi mới mà còn mở rộng tầm ảnh hưởng với các chiến dịch truyền thông quy mô lớn, hiệu quả cao. Với sự kết hợp hoàn hảo giữa giáo dục, công nghệ và văn hóa, Thiên Long không chỉ là thương hiệu văn phòng phẩm mà còn là người bạn đồng hành đáng tin cậy của hàng triệu học sinh, sinh viên trên hành trình chinh phục tri thức.

"ĐÓN LONG KHÍ – VƯỢT LONG MÔN" – Đồng Hành Cùng Sĩ Tử

Năm 2024, Thiên Long tiếp tục đồng hành cùng sĩ tử trong mùa thi với thông điệp “Đón Long Khí – Vượt Long Môn”, truyền cảm hứng và tiếp sức cho hàng ngàn học sinh, sinh viên. Chương trình triển khai tại gần 500 điểm bán hàng trên toàn quốc, tặng 20.000 bộ sản phẩm mùa thi, tiếp cận hơn 200.000 khách hàng, khẳng định cam kết đồng hành bền vững của thương hiệu với thế hệ trẻ.



"TRỌN GÓI HỌC CỤ – TRỌN NĂM HỌC VUI" – Tựu Trường Hứng Khởi

Mùa tựu trường 2024, Thiên Long nhấn mạnh thông điệp “Pack to School”, mang đến trọn bộ bút viết, học cụ an toàn, hiện đại cho học sinh. Đặc biệt, sự kết hợp với Lifebuoy cho ra mắt bộ học cụ Điểm 10, vừa hỗ trợ học tập vừa bảo vệ sức khỏe, với toàn bộ lợi nhuận dành cho trẻ em vùng sâu, vùng xa. Các chương trình ưu đãi, cổng chào sáng tạo và chiến dịch truyền thông thu hút hơn 11 triệu khách hàng trên mạng xã hội, tạo nên một mùa tựu trường đầy hứng khởi.



"TRỌN TRAO TRI THỨC – TRỌN LÒNG TRI ÂN" – Kỷ Lược Quà Tặng 20/11

Trong mùa tri ân 2024, Thiên Long phá kỷ lục với 25.000 bộ quà tặng cao cấp tại hàng ngàn điểm bán trên toàn quốc, không chỉ dành cho nhà giáo mà còn phù hợp làm quà tặng lãnh đạo, đối tác. Trong tuần cao điểm, tư vấn viên Thiên Long trực tiếp hỗ trợ khách hàng tại 50 cửa hàng lớn, giúp lựa chọn sản phẩm bút viết cao cấp, gửi trọn lời tri ân đến những người trao tri thức.





# 03

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH

### Máy Tính Khoa Học Flexio – Đột Phá Công Nghệ

Thiên Long tiếp tục nâng tầm dòng Flexio FX799VN, trở thành máy tính khoa học đầu tiên giải toán hình học không gian và số phức bậc 2. Các chiến dịch quảng bá mang lại kết quả vượt mong đợi.

Chương trình hoàn tiền kích hoạt bảo hành đạt 200% KPI.

Chuỗi sự kiện khám phá hành tinh toán Flexio tại 9 tỉnh thành, thu hút 15.000 học sinh.

Chiến lược tiếp thị liên kết với 35 KOLs, tạo 100 video giới thiệu & 300 phiên livestream bán hàng.

Hợp tác Viện Nghiên Cứu Cao Cấp về Toán, tổ chức hội thảo cho 500 giáo viên trên cả nước.



### Colokit – Truyền Cảm Hứng Sáng Tạo

Năm 2024, Colokit không chỉ ra mắt các dòng sản phẩm sáng tạo mà còn khuyến khích nghệ thuật vì cộng đồng. Chương trình Ngày Hội Sắc Màu và cuộc thi sáng tạo video “Một Hành Động Nhỏ – Vẽ Nụ Cười Xinh” nhận được sự hưởng ứng lớn từ hàng ngàn học sinh, phụ huynh với những tác phẩm giàu cảm xúc.

Triển khai giới thiệu sản phẩm tại 11 tỉnh thành, tặng 3.000 phần quà.

Sự kiện “Vẽ Giáng Sinh – Tô Nhiệm Màu” tại Fahasa thu hút 2.300 khách hàng, vượt doanh số dự kiến.

Các hoạt động sáng tạo của Colokit đạt tỷ lệ yêu thích từ khách hàng lên đến 95%.



### Akooland – Hệ Sinh Thái Học Cụ Độc Quyền

Lần đầu tiên tại Việt Nam, Thiên Long ra mắt Akooland – thế giới học cụ thần kỳ, một hệ sinh thái giáo dục sáng tạo gồm truyện tranh, phim hoạt hình và ứng dụng 3D tương tác. Akooland nhanh chóng gây sốt với 31,6 triệu lượt xem phim hoạt hình, tiếp cận 5 triệu trẻ em, 51.000 lượt đọc truyện tranh. Thiên Long tự hào là thương hiệu tiên phong xây dựng hình ảnh nhân vật có bản quyền riêng (IP), mang đến trải nghiệm học tập đầy niềm vui cho trẻ em Việt Nam.



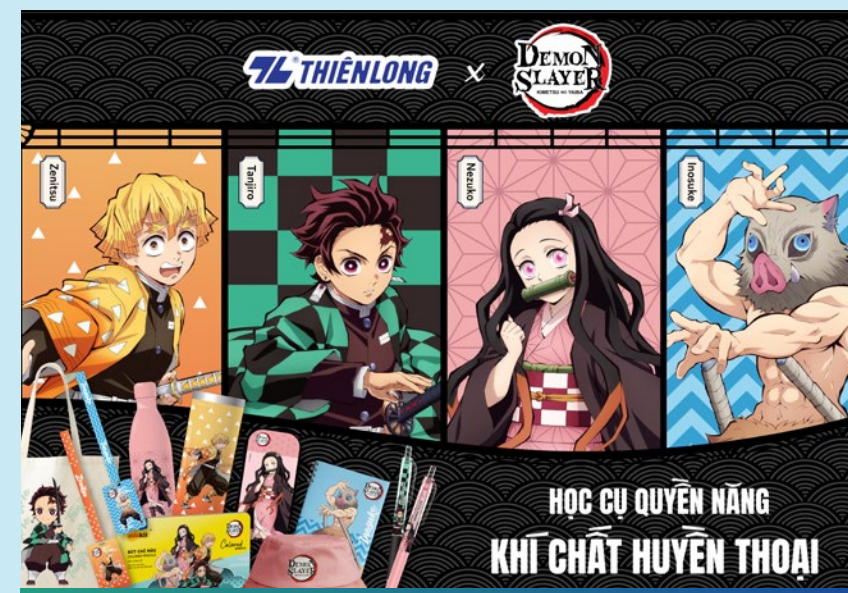
### Demon Slayer - Học cụ quyền năng - Khí chất huyền thoại

Lần đầu tiên tại Việt Nam, Thiên Long hợp tác với Demon Slayer – thương hiệu anime hàng đầu thế giới, ra mắt bộ sưu tập bút viết và học cụ độc quyền.

Sau khi ra mắt, Demon Slayer thu hút 3,4 triệu lượt xem trên các nền tảng truyền thông.

Tiếp cận 23.000 fan hâm mộ tại các sự kiện Hobby Horizon và Otaku Festival.

Gây tiếng vang lớn với 6,4 triệu lượt tương tác trên Facebook, khẳng định vị thế thương hiệu trẻ trung, sáng tạo và đón đầu xu hướng.





5

HÀNH TRÌNH SỐ HÓA  
TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI THIÊN LONG

Năm 2024 đánh dấu bước nhảy vọt trong hành trình chuyển đổi số của Thiên Long, không chỉ cải tiến hệ thống vận hành mà còn đưa công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản lý, giúp doanh nghiệp tối ưu hiệu suất, nâng cao độ chính xác và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Chuyển đổi số không còn là lựa chọn mà đã trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi, giúp Thiên Long sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

Trí tuệ nhân tạo  
– “Đồng nghiệp ảo”  
hỗ trợ tối đa hiệu suất



AI không chỉ là một công cụ hỗ trợ mà đã trở thành một đồng nghiệp số hóa, giúp đội ngũ Thiên Long làm việc nhanh hơn, chính xác hơn:

Tự động xử lý đơn đặt hàng cho kênh MT: AI trích xuất dữ liệu từ đơn hàng, giảm thiểu sai sót, đồng thời có thể xử lý hàng loạt đơn hàng từ nhiều nguồn khác nhau, giúp tiết kiệm thời gian và tăng độ chính xác trước khi tích hợp vào hệ thống SAP.

AI trích xuất thông tin hóa đơn tự động: Giảm đáng kể thời gian nhập liệu bằng cách tự động đọc và kiểm tra hóa đơn, xác minh tính hợp lệ với cơ quan thuế, giúp quy trình thanh toán nội bộ diễn ra nhanh chóng và minh bạch hơn.

Tối ưu thương mại điện tử  
– Chủ động vận hành,  
nâng cao trải nghiệm  
khách hàng

Nhận thấy tốc độ phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử, Thiên Long không chỉ mở rộng các kênh bán hàng mà còn tự xây dựng đội ngũ vận hành kho TMĐT chuyên biệt, giúp:

Chủ động kiểm soát tiến trình xử lý đơn hàng, theo dõi chặt chẽ hàng tồn kho.

Chuẩn hóa quy trình kho, giúp tăng năng suất, đảm bảo đơn hàng đến tay khách hàng đúng hạn với chất lượng tốt nhất.

Tối ưu chi phí vận hành, giảm hao phí trong quá trình xử lý đơn hàng.

Hệ thống phần mềm chuyên biệt – Bước tiến trong quản lý vận hành

Thiên Long cũng triển khai phần mềm quản lý TMĐT chuyên biệt, giúp:

Tăng cường tự động hóa trong các quy trình, giảm tải nguồn nhân lực.

Xử lý đơn hàng nhanh chóng, chính xác, đảm bảo hiệu suất vận hành cao nhất.

Giảm thiểu sai sót và hao phí, nâng cao hiệu quả hoạt động tổng thể.

6

TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT  
NÂNG CAO HIỆU QUẢ, DẪN ĐẦU BỀN VỮNG

Trong 2024, Thiên Long tiếp tục đột phá trong tối ưu hóa sản xuất và chuỗi cung ứng, nâng cao năng suất, giảm chi phí, đồng thời hướng tới mô hình sản xuất xanh và bền vững. Các cải tiến quy trình đã giúp giảm giá thành, tối ưu tồn kho, trong khi chiến lược gia công ngoài vệ tinh mang lại sự linh hoạt trong đáp ứng đơn hàng đột biến, giảm áp lực đầu tư nhà xưởng. Đội ngũ lao động được đào tạo đa năng, hệ thống đo lường vận hành chuyên sâu giúp kiểm soát chặt chẽ từng khâu sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm ở mức cao nhất.

Không dừng lại ở sản xuất, Thiên Long còn tinh gọn chuỗi cung ứng, hợp tác với nhà cung cấp chiến lược, tối ưu logistics, cắt giảm chi phí vận chuyển và giảm phát thải. Việc ứng dụng ESG vào quản lý vận hành giúp doanh nghiệp không chỉ tăng lợi thế cạnh tranh mà còn xây dựng chuỗi giá trị bền vững. Nhờ đó, Thiên Long không chỉ giữ vững vị thế dẫn đầu mà còn tiên phong trong mô hình sản xuất hiện đại, hiệu quả và thân thiện với môi trường.





7

NƠI LÀM VIỆC LÝ TƯỞNG  
NƠI NHÂN TÀI TỎA SÁNG

Năm 2024, dù đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường, Thiên Long vẫn duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất tại Việt Nam, tạo động lực cho nhân viên phát triển và cống hiến. Với vị trí top 48 trong 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam do Anphabe bình chọn và top 120 trong 500 Nhà Tuyển Dụng Hàng Đầu (VBE 500) do Báo Đầu tư và Viet Research tổ chức, Thiên Long tiếp tục là lựa chọn hàng đầu cho những ai mong muốn làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, năng động và đầy cơ hội thăng tiến.

TOP48

Trong 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam

TOP120

Trong 500 Nhà Tuyển Dụng Hàng Đầu

Gắn Kết & Phát Triển Đội Ngũ – Nâng Cao Năng Lực Nhân Sự

256

Khóa đào tạo

80.000

Giờ huấn luyện

Thiên Long cam kết đầu tư mạnh mẽ vào phát triển con người. Trong năm qua, công ty đã tổ chức 265 khóa đào tạo, với gần 80.000 giờ huấn luyện, giúp gần 3.000 nhân viên nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn. Trung bình, mỗi nhân viên được đào tạo 26,86 giờ/năm, minh chứng cho cam kết phát triển nguồn nhân lực bài bản và dài hạn.

Môi Trường Làm Việc Gắn Kết – Truyền Cảm Hứng & Động Lực

Thiên Long không chỉ là nơi làm việc mà còn là một cộng đồng vững mạnh, nơi nhân viên có thể gắn kết, chia sẻ và phát triển toàn diện. Các hoạt động thể thao như giải bóng đá, giải cầu lông, các chương trình team building giúp xây dựng tinh thần đồng đội và gắn kết nội bộ.

Thiên Long cũng khuyến khích văn hóa công nhận và tri ân nhân viên qua các chương trình như hoạt động Feedback, với hơn 1.945 phản hồi được ghi nhận, giúp xây dựng môi trường làm việc cởi mở, tích cực. Bên cạnh đó, hơn 500 lá thư tay trong chương trình "Thank You Letter" đã được gửi đến nhân viên như một sự ghi nhận những đóng góp và tạo động lực tiếp tục cống hiến.





ĐVT: Tỷ đồng

| Chi tiêu                                                 | Năm 2020     | Năm 2021     | Năm 2022     | Năm 2023     | Năm 2024     | 2024 vs 2023 |
|----------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần                                          | 2.685        | 2.668        | 3.521        | 3.462        | 3.759        | 8,6%         |
| Trong đó:                                                |              |              |              |              |              |              |
| ▶ Doanh thu Nội địa                                      | 2.194        | 2.099        | 2.689        | 2.648        | 2.746        | 3,7%         |
| ▶ Doanh thu Quốc tế                                      | 491          | 569          | 832          | 813          | 1.012        | 24,5%        |
| Lợi nhuận gộp                                            | 1.030        | 1.127        | 1.524        | 1.513        | 1.675        | 10,8%        |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                  | 297          | 355          | 499          | 444          | 580          | 30,6%        |
| Lợi nhuận khác                                           | 7            | 3            | 8            | 8            | 7            | -14,5%       |
| Lợi nhuận trước thuế                                     | 304          | 359          | 507          | 452          | 587          | 29,8%        |
| Lợi nhuận sau thuế (trừ lợi ích cổ đông không kiểm soát) | 240          | 277          | 401          | 359          | 461          | 28,6%        |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                  | <b>1.702</b> | <b>1.867</b> | <b>2.133</b> | <b>2.074</b> | <b>2.671</b> | <b>28,7%</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                       | 372          | 503          | 405          | 243          | 700          | 187,8%       |
| Phải thu ngắn hạn                                        | 415          | 398          | 370          | 439          | 649          | 47,9%        |
| Hàng tồn kho                                             | 530          | 693          | 914          | 832          | 785          | -5,6%        |
| Tài sản ngắn hạn khác                                    | 13           | 33           | 84           | 113          | 176          | 55,1%        |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                   | <b>613</b>   | <b>579</b>   | <b>736</b>   | <b>734</b>   | <b>689</b>   | <b>-6,1%</b> |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                      | <b>2.315</b> | <b>2.446</b> | <b>2.869</b> | <b>2.808</b> | <b>3.360</b> | <b>19,6%</b> |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                                       | <b>566</b>   | <b>621</b>   | <b>911</b>   | <b>714</b>   | <b>1.012</b> | <b>41,7%</b> |
| Nợ ngắn hạn                                              | 500          | 578          | 831          | 660          | 986          | 49,4%        |
| Nợ dài hạn                                               | 67           | 42           | 80           | 55           | 27           | -51,5%       |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>1.748</b> | <b>1.826</b> | <b>1.958</b> | <b>2.094</b> | <b>2.347</b> | <b>12,1%</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán các năm 2020 – 2024)

Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường:

| Chi tiêu         | Năm 2023          |              | Năm 2024          |              |
|------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
|                  | Giá trị (Tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (Tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nội địa          | 2.648             | 76,5%        | 2.746             | 73,1%        |
| Quốc tế          | 813               | 23,5%        | 1.012             | 26,9%        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>3.462</b>      | <b>100%</b>  | <b>3.759</b>      | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023-2024)

| Chi tiêu                                          | ĐVT  | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---------------------------------------------------|------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | lần  | 3,4      | 3,2      | 2,6      | 3,1      | 2,7      |
| Hệ số thanh toán nhanh                            | lần  | 2,3      | 2,0      | 1,5      | 1,9      | 1,9      |
| Hệ số thanh toán tiền mặt                         | lần  | 0,7      | 0,9      | 0,5      | 0,4      | 0,7      |
| Kỳ lưu kho bình quân                              | ngày | 123      | 145      | 147      | 163      | 142      |
| Vòng quay tổng tài sản                            | lần  | 1,1      | 1,1      | 1,3      | 1,2      | 1,2      |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                      | lần  | 1,2      | 1,1      | 1,2      | 1,2      | 1,1      |
| Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần                     | %    | 38,4%    | 42,2%    | 43,3%    | 43,7%    | 44,6%    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %    | 11,1%    | 13,3%    | 14,2%    | 12,8%    | 15,4%    |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | %    | 8,9%     | 10,4%    | 11,4%    | 10,4%    | 12,3%    |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROAE)          | %    | 13,5%    | 15,5%    | 21,2%    | 17,6%    | 20,8%    |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROAA)            | %    | 10,1%    | 11,6%    | 15,1%    | 12,5%    | 15,0%    |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                             | %    | 24,5%    | 25,4%    | 31,8%    | 25,4%    | 30,1%    |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                           | %    | 32,4%    | 34,0%    | 46,5%    | 34,1%    | 43,1%    |

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán các năm 2020 – 2024)



8 TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



TÌNH HÌNH KINH DOANH

Năm 2024, dù phải đối mặt với nhiều biến động từ nền kinh tế vĩ mô và những thách thức từ thị trường quốc tế, Thiên Long vẫn duy trì đà tăng trưởng ấn tượng. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.759 tỷ đồng, tăng 8,6% so với năm 2023, hoàn thành kế hoạch đề ra. Động lực tăng trưởng đến từ cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Doanh thu thuần hợp nhất:

3.759 tỷ đồng

▲ 8,6%

hoàn thành kế hoạch

Doanh thu quốc tế:

1.012 tỷ đồng

▲ 24,5%

nâng tỷ trọng xuất khẩu lên 26,9%

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường quốc tế phản ánh chiến lược mở rộng thị trường hiệu quả, cùng với việc phát triển kênh thương mại điện tử và gia tăng sự hiện diện của thương hiệu FlexOffice tại nhiều quốc gia.

Doanh thu nội địa:

2.746 tỷ đồng

▲ 3,7%

chiếm 73,1% tổng doanh thu.

Lợi nhuận sau thuế (trừ lợi ích cổ đông không kiểm soát)

461 tỷ đồng

▲ 28,6%

vượt kế hoạch 21%



Biên lợi nhuận gộp tiếp tục được cải thiện, đạt 44,6%, tăng 90 điểm cơ bản so với năm 2023, nhờ tối ưu hóa chi phí sản xuất và gia tăng tỷ trọng các sản phẩm có giá trị cao. Lợi nhuận sau thuế (trừ lợi ích cổ đông không kiểm soát) đạt 461 tỷ đồng, tăng mạnh 28,6%, cao nhất trong lịch sử doanh nghiệp, vượt kế hoạch 21%, cho thấy hiệu quả từ các biện pháp nâng cao năng suất và quản trị chi phí.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong năm 2024 chiếm 30% doanh thu thuần, thấp hơn mức 31% của năm 2023, phản ánh chiến lược tinh gọn chi phí, nâng cao hiệu suất hoạt động, đồng thời vẫn đảm bảo đầu tư hợp lý vào mở rộng kênh phân phối, thương mại điện tử và phát triển nhân sự.

Tổng tài sản

3.360 tỷ đồng

▲ 19,6%

Tài sản ngắn hạn

2.671 tỷ đồng

▲ 28,7%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Tập đoàn Thiên Long đến cuối năm 2024 đạt 3.360 tỷ đồng, tăng 19,6% so với năm 2023. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn đạt 2.671 tỷ đồng, tăng 28,7%, phản ánh sự gia tăng của tiền mặt và các khoản tương đương tiền, đạt 700 tỷ đồng, tăng 187,8%, nhờ kết quả kinh doanh tích cực và dòng tiền ổn định.

Phải thu ngắn hạn tăng 47,9% lên 649 tỷ đồng, chủ yếu do tăng trưởng kinh doanh quốc tế.

Hàng tồn kho giảm 5,6%, xuống còn 785 tỷ đồng, cho thấy hiệu quả của chiến lược tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn đạt 689 tỷ đồng, giảm 6,1%, phản ánh việc hoàn thành các dự án đầu tư và tối ưu hóa tài sản cố định.



CƠ CẤU VỐN VÀ TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Năm 2024, tổng nợ phải trả của Tập đoàn tăng 41,7% lên 1.012 tỷ đồng, do mở rộng hoạt động kinh doanh và tăng cường đầu tư vào các dự án dài hạn. Trong đó:

Nợ ngắn hạn tăng 49,4%, đạt 986 tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc gia tăng các khoản vay ngắn hạn với lãi suất tốt, tối ưu nguồn vốn để chuẩn bị cho các dự án trong tương lai.

Nợ dài hạn giảm 51,5%, chỉ còn 27 tỷ đồng, do công ty đã thực hiện tất toán một số các khoản vay dài hạn.

Vốn chủ sở hữu tiếp tục được củng cố, đạt 2.347 tỷ đồng, tăng 12,1%, phản ánh chiến lược tăng trưởng bền vững và duy trì mức sinh lời hấp dẫn cho cổ đông.



CÁC DỰ ÁN LỚN TRONG NĂM 2024

Năm 2024, Thiên Long đẩy mạnh mở rộng thị trường quốc tế, đặc biệt là đầu tư vào Indonesia – một thị trường tiềm năng với dân số hơn 270 triệu người. Công ty đã quyết định góp vốn 760.000 USD (tương đương 19 tỷ đồng) để thành lập pháp nhân nhập khẩu và kinh doanh văn phòng phẩm tại Indonesia. Việc này không chỉ giúp gia tăng doanh thu xuất khẩu mà còn củng cố tầm nhìn của Thiên Long trong việc dẫn đầu ngành sản xuất và phân phối bút viết tại Đông Nam Á.



## TOP 20 DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

- 01 TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM 2024**  
do Forbes bình chọn
- 02 TOP 50 DOANH NGHIỆP KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM 2024**  
do Nhịp cầu đầu tư bình chọn
- 03 THƯƠNG HIỆU VÀNG TP HCM**  
của Ủy ban Nhân dân TP.HCM
- 04 TOP 300 DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM 2024**  
do Vietnam Report thực hiện
- 05 HUMAN ACT PRIZE 2024**
- 06 TOP 40 CSR VIỆT NAM 2024**  
do The Saigon Times bình chọn
- 07 TOP 3 CSR VIỆT NAM TOP 1 CHỈ SỐ CẢM XÚC**  
theo Younet
- 08 DOANH NGHIỆP XANH TP.HCM 2024**  
do Hiệp hội Doanh nghiệp TP.HCM (HUBA) và báo Sài Gòn Giải Phóng trao tặng
- 09 TOP 50 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024**  
do Nhịp cầu đầu tư bình chọn
- 10 TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM – CSI 100 2024**  
do VCCI bình chọn
- 11 KOTLER AWARDS VIETNAM 2024**  
Thành tựu trọn đời dành cho ông Cô Gia Thọ, Chủ tịch HĐQT
- 12 KOTLER AWARDS VIETNAM 2024**  
Hạng mục Excellent Sustainable Business Marketing (Marketing bền vững)
- 13 THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 2024**
- 14 TOP 10 DOANH NGHIỆP GIÁ TRỊ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM 2024 – VALUE 10**  
do Viet Research phối hợp cùng Báo Đầu tư thực hiện
- 15 SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2024**
- 16 HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2024**
- 17 DOANH NHÂN TP.HCM 2024 TIÊU BIỂU**  
do UBND TP.HCM trao tặng
- 18 DOANH NGHIỆP TP.HCM 2024 TIÊU BIỂU**  
do UBND TP.HCM trao tặng
- 19 TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM**
- 20 TOP 500 NHÀ TUYỂN DỤNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**





# PHẦN 06

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2025

01 |



### KINH DOANH NỘI ĐỊA – CÙNG CỐ THỊ PHẦN, TĂNG TRƯỞNG VỮNG MẠNH

- ▶ Tiếp tục củng cố toàn diện hệ thống GT, MT và thương mại điện tử nhằm tối ưu hiệu suất và năng lực bán hàng.
- ▶ Phát triển đội ngũ kinh doanh tinh nhuệ, nâng cao năng suất và hiệu quả vận hành.
- ▶ Nâng tầm thương hiệu với các chiến dịch marketing mạnh mẽ như “Học & chơi đầy cảm hứng”, mở rộng nhận diện tại các điểm bán hiện đại.
- ▶ Giới thiệu loạt sản phẩm mới như Hoshi, Akooland mùa 2, Demon Slayer mùa 2, Flexio, đáp ứng nhu cầu sáng tạo và học tập của thế hệ trẻ.

02 |



### KINH DOANH QUỐC TẾ – ĐỊNH VỊ THIÊN LONG TRÊN BẢN ĐỒ TOÀN CẦU

- ▶ Đặt mục tiêu trở thành công ty số 1 về sản xuất và phân phối bút viết, marker tại Việt Nam và Đông Nam Á.
- ▶ Nâng tầm độ nhận diện thương hiệu FlexOffice tại Đông Nam Á, đẩy mạnh chiến lược kinh doanh tại các thị trường trọng điểm ở khu vực này bằng việc hợp tác với các doanh nghiệp nội địa mạnh ở từng nước qua hình thức liên doanh, liên kết chặt chẽ lợi ích và sức mạnh của Thiên Long và các đối tác địa phương, tạo động lực kinh doanh mạnh mẽ hơn.
- ▶ Mở rộng kênh phân phối tại Châu Phi, Trung Đông, Nam Á, thâm nhập thị trường Châu Âu và Châu Mỹ với các sản phẩm thân thiện môi trường. Xây dựng hệ thống phân phối tại Nga và các nước CIS, mở rộng dấu ấn tại các thị trường tiềm năng.
- ▶ Tận dụng cơ hội từ xu hướng chuyển dịch chuỗi sản xuất sang các nước ngoài Trung Quốc, gia tăng cả về lượng và chất với các đơn hàng OEM và nâng cao thương hiệu OEM của Thiên Long, cam kết chất lượng và dịch vụ hậu mãi tốt nhất.

03 |



### NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN (R&D) – DẪN ĐẦU ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- ▶ Chú trọng ra mắt các sản phẩm mới, tập trung mang lại các tính năng nổi trội cho người tiêu dùng, giới thiệu các công nghệ cải tiến như viết trơn êm, không lem, tay cầm công thái học.
- ▶ Phát triển các dòng sản phẩm marker mới, đáp ứng nhu cầu chuyên biệt cho nhóm khác hàng thuộc từng lĩnh vực như giáo dục, nghệ thuật và công nghiệp.
- ▶ Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm xanh, sử dụng vật liệu tái chế, đạt chuẩn Net Zero 2050.
- ▶ Ứng dụng các công nghệ tiên tiến (AI, in 3D) để đẩy nhanh tốc độ phát triển sản phẩm.

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng khi Thiên Long tiến gần đến cột mốc 45 năm phát triển (1981-2026). Đây không chỉ là thời điểm nhìn lại hành trình vững bền mà còn là cơ hội bứt phá, khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành văn phòng phẩm Việt Nam và khu vực. Với tầm nhìn "Glocalization", Thiên Long dựa trên nền tảng vị thế dẫn đầu ngành văn phòng phẩm Việt Nam đã được xây dựng, sẽ triển khai mạnh mẽ các chiến lược, hành động cụ thể để mở rộng dấu ấn trên thị trường quốc tế và sẵn sàng bứt phá, tập trung vào các trụ cột chiến lược để tạo nền tảng tăng trưởng bền vững cho thập kỷ tiếp theo.

AI 04

### CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & CHUYỂN ĐỔI SỐ – HIỆU SUẤT ĐỘT PHÁ

- ▶ Đẩy nhanh ứng dụng CNTT & Chuyển đổi số vào các quy trình vận hành và kinh doanh giúp tinh gọn hệ thống, nâng cao hiệu quả và tăng độ chính xác, nhạy bén trong việc ra các quyết định hàng ngày của doanh nghiệp.
- ▶ Tăng cường tự động hóa trong chuỗi cung ứng.
- ▶ Tích hợp AI vào phân tích dữ liệu kinh doanh, hỗ trợ dự báo và lập kế hoạch tiêu thụ chính xác hơn.

05

### SẢN XUẤT & CHUỖI CUNG ỨNG – CHUYỂN ĐỔI HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ▶ Tăng tuổi thọ sản phẩm thêm 6 tháng - 1 năm, giảm thiểu hao phí và tăng lợi thế cạnh tranh cho Thiên Long.
- ▶ Tăng cường tự động hóa, tối ưu quy trình sản xuất, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên.
- ▶ Phát triển nhà cung cấp chiến lược, đảm bảo chuỗi cung ứng bền vững.
- ▶ Tích hợp công nghệ quản lý chuỗi cung ứng thông minh, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.

06

### NHÂN LỰC & VĂN HÓA – XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ VỮNG MẠNH

- ▶ Nâng cao hiệu quả hoạt động với mô hình thành lập các tiểu ban chuyên trách về chuyên môn và chiến lược, tận dụng triệt để kinh nghiệm của từng thành viên HĐQT và Ban TGD để đưa ra các định hướng chiến lược cụ thể, sát sao với hoạt động và tình hình thị trường.
- ▶ Tinh gọn quy trình quản trị nhân sự, tối ưu hóa hiệu suất làm việc.
- ▶ Xây dựng mạng lưới giảng viên nội bộ, lan tỏa văn hóa "Học Hỏi Hạnh Phúc Trọn Đời".
- ▶ Phát triển nhân sự kế nhiệm (Succession Planning), chuẩn bị cho các vị trí lãnh đạo tương lai.



*Quản trị Xanh*  
**CHÌA KHÓA  
BỀN VỮNG**





Tập đoàn Thiên Long cam kết xây dựng một hệ thống quản trị doanh nghiệp vững chắc, dựa trên nền tảng của việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định về quản trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Năm 2024, chúng tôi tập trung vào việc tăng cường đạo đức kinh doanh, xây dựng hệ thống và không ngừng cải thiện quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, chúng tôi thực hành khái niệm quản trị có trách nhiệm, bước đầu định hình để hướng đến tích hợp ESG vào chiến lược phát triển của công ty, chuẩn bị nền tảng cho việc thiết lập và cải thiện khung quản lý phát triển bền vững cũng như cơ chế hoạt động.



# 01

## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Xin vui lòng xem thêm thông tin trong mục Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)



Ngày 07/06/2024, Nghị quyết HĐQT số 05/2024 đã thông qua việc thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Nhân lực và Văn hóa của bà Đào Thị Thanh Bình.

Ngày 16/09/2024, Nghị quyết HĐQT số 10/2024 đã thông qua việc cơ cấu lại chức vụ của một số nhân sự ở vị trí Phó Tổng Giám đốc để được bổ nhiệm theo hệ thống chức danh mới nhằm hoàn thiện bộ máy quản lý, hướng đến sự chuyên nghiệp hóa toàn diện, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của tổ chức.

# 02

## HOẠT ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT



Năm 2024, Thiên Long đã tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023 vào ngày 23/04/2024.

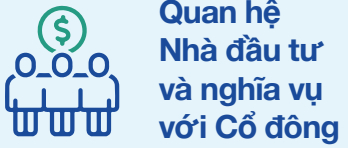
Thiên Long luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành về thông báo, gửi thư mời, quyền tham dự và quyền biểu quyết, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông được thực thi đầy đủ và minh bạch. Thiên Long cam kết duy trì tinh thần trách nhiệm cao, tạo điều kiện tối đa để cổ đông tham gia và đóng góp vào các quyết định trọng yếu của công ty.

Hoạt động và Hiệu quả của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

(Xin vui lòng xem thêm thông tin trong mục Báo cáo về Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)



Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự chủ chốt, người phụ trách về quản trị của Công ty đã tham gia khóa đào tạo nhận thức về Quản trị Công ty được Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long phối hợp với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT vào ngày 05/12/2024.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long, với vai trò là một công ty đại chúng, luôn cam kết duy trì sự công bằng, bình đẳng và đặt quyền lợi cao nhất của các nhà đầu tư cũng như cổ đông lên hàng đầu.

HDQT cam kết và bảo đảm truyền thông đầy đủ với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng bằng việc thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả.

Trong năm 2024, Thiên Long đã hoàn tất chi trả 20% cổ tức còn lại cho năm 2023 (10% tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu) và tạm ứng 10% cổ tức cho năm 2024 bằng tiền mặt.

# 03

## THÙ LAO CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Chính sách về thù lao, cho HĐQT, BKS, lương và thưởng cho Tổng Giám đốc Điều hành luôn được đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Thù lao cho Hội đồng Quản trị, lương và thưởng cho Tổng Giám đốc Điều hành nhận được trong năm 2024

**13,5** tỷ đồng

Được trình bày tại Thuyết minh số 39 (a) của Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

Thù lao cho BKS trong năm 2024 là 1.020.000.000 đồng, cụ thể chi:

|  |                                    |                  |
|--|------------------------------------|------------------|
|  | Nguyễn Thị Bích Nga<br>Trưởng BKS  | 552.000.000 đồng |
|  | Tạ Hồng Diệp<br>Thành viên BKS     | 276.000.000 đồng |
|  | Vũ Thị Thanh Nga<br>Thành viên BKS | 192.000.000 đồng |



04

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

(Tại ngày 31/12/2024)

| STT | Họ và tên               | Chức vụ tại công ty                              | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|-------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|
| 1   | Cô Gia Thọ              | Chủ tịch HĐQT                                    | 6,27%                |
| 2   | Trần Thái Như           | Thành viên HĐQT                                  | 1,40%                |
| 3   | Cô Ngân Bình            | Thành viên HĐQT                                  | 1,23%                |
| 4   | Cô Cẩm Nguyệt           | Thành viên HĐQT                                  | 0,85%                |
| 5   | Tayfun Uner             | Thành viên HĐQT                                  | 0,00%                |
| 6   | Phạm Nguyên Tri         | Thành viên HĐQT                                  | 0,03%                |
| 7   | Nguyễn Đình Tâm         | Thành viên HĐQT                                  | 0,56%                |
| 8   | Nguyễn Thị Bích Ngà     | Trưởng BKS                                       | 0,10%                |
| 9   | Tạ Hồng Diệp            | Thành viên BKS                                   | 0,00%                |
| 10  | Vũ Thị Thanh Nga        | Thành viên BKS                                   | 0,01%                |
| 11  | Nguyễn Ngọc Trung Chánh | Thư ký kiêm Người phụ trách quản trị của Công ty | 0,00%                |
| 12  | Trần Phương Nga         | TGD ĐH                                           | 0,28%                |
| 13  | Võ Thị Hải Hà           | Phó TGD                                          | 0,04%                |
| 14  | Nguyễn Ngọc Nhon        | Kế toán trưởng                                   | 0,04%                |

Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | Cô Gia Thọ                | Chủ tịch HĐQT            | 4.924.605                 | 6,27% | 5.417.065                  | 6,27% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                 |
| 2   | Trần Thái Như             | Thành viên HĐQT          | 1.103.950                 | 1,40% | 1.214.345                  | 1,40% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                 |
| 3   | Cô Ngân Bình              | Thành viên HĐQT          | 967.129                   | 1,23% | 1.063.841                  | 1,23% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                 |

Phần 07

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| STT | Người thực hiện giao dịch       | Quan hệ với người nội bộ                | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |        | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)       |
|-----|---------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|--------|----------------------------------------------------------|
|     |                                 |                                         | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ  | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ  |                                                          |
| 4   | Cô Cẩm Châu                     | Em của Chủ tịch HĐQT                    | 48.422                    | 0,06%  | 53.264                     | 0,06%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 5   | Cô Cẩm Ngọc                     | Em của Chủ tịch HĐQT                    | 347.039                   | 0,44%  | 381.742                    | 0,44%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 6   | Cô Gia Đức                      | Em của Chủ tịch HĐQT                    | 201.769                   | 0,26%  | 221.945                    | 0,26%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 7   | Cô Cẩm Nguyệt                   | Thành viên HĐQT                         | 672.973                   | 0,85%  | 733.340                    | 0,85%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |
| 8   | CTCP Đầu Tư Thiên Long An Thịnh | Tổ chức có liên quan của Chủ tịch HĐQT  | 37.350.952                | 47,52% | 41.086.047                 | 47,52% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 9   | Phan Nhựt Phương                | Chồng của Thành viên HĐQT Cô Cẩm Nguyệt | 593.813                   | 0,76%  | 653.194                    | 0,76%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 10  | Nguyễn Thị Lệ Trinh             | Em của Chủ tịch HĐQT                    | 181.340                   | 0,23%  | 199.474                    | 0,23%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 11  | Trần Mỹ Ken                     | Chị của Thành viên HĐQT Trần Thái Như   | 11.242                    | 0,01%  | 12.366                     | 0,01%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 12  | Trần Xú Tài                     | Em của Thành viên HĐQT Trần Thái Như    | 26.422                    | 0,03%  | 29.064                     | 0,03%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 13  | Nguyễn Thị Bích Thủy            | Em của Thành viên HĐQT Trần Thái Như    | 26                        | 0,00%  | 28                         | 0,00%  | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |



04

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

(Tại ngày 31/12/2024)

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ               | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)       |
|-----|---------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------------|
|     |                           |                                        | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                          |
| 14  | Phạm Nguyên Tri           | Thành viên HĐQT                        | 20.000                    | 0,03% | 22.000                     | 0,03% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 15  | Nguyễn Đình Tâm           | Thành viên HĐQT                        | 443.058                   | 0,56% | 451.893                    | 0,56% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |
| 16  | Trần Tố Du                | Em của Thành viên HĐQT Nguyễn Đình Tâm | 41                        | 0,00% | -                          | 0,00% | Bán 41 cổ phiếu                                          |
| 17  | Trần Phương Nga           | Tổng Giám đốc Điều hành                | 219.888                   | 0,28% | 241.876                    | 0,28% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 18  | Trần Anh Dũng             | Em của Tổng Giám đốc Điều hành         | 2.416                     | 0,00% | 17                         | 0,00% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |
| 19  | Trần Trung Hiệp*          | Phó TGD                                | 118.300                   | 0,15% | 126.830                    | 0,15% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |
| 20  | Bùi Văn Huống*            | Phó TGD                                | 95.863                    | 0,12% | 105.449                    | 0,12% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 21  | Nguyễn Đức Hạnh*          | Phó TGD                                | 30.234                    | 0,04% | 43.267                     | 0,05% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |
| 22  | Võ Thị Hải Hà             | Phó TGD                                | 32.000                    | 0,04% | 35.200                     | 0,04% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 23  | Đào Thị Thanh Bình*       | Phó TGD                                | 30.000                    | 0,04% | 33.000                     | 0,04% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |

Phần 07

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ                                | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)       |
|-----|---------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------------|
|     |                           |                                                         | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                          |
| 24  | Lê Thị Bích Ngọc*         | Phó TGD                                                 | 30.000                    | 0,04% | 33.000                     | 0,04% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 25  | Nguyễn Thị Bích Nga       | Trưởng BKS                                              | 75.948                    | 0,10% | 83.542                     | 0,10% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 26  | Bùi Quang Minh            | Chồng của Trưởng BKS                                    | 6.559                     | 0,01% | 7.214                      | 0,01% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 27  | Tạ Hồng Diệp              | Thành viên BKS                                          | 5.500                     | 0,01% | 770                        | 0,00% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |
| 28  | Vũ Thị Thanh Nga          | Thành viên BKS                                          | 10.000                    | 0,01% | 11.000                     | 0,01% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023                       |
| 29  | Nguyễn Ngọc Nhon          | Kế toán trưởng                                          | 38.000                    | 0,04% | 33.000                     | 0,04% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |
| 30  | Nguyễn Ngọc Trung Chánh   | Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách về Quản trị Công ty | 2.214                     | 0,00% | 15                         | 0,00% | Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 và giao dịch cổ phiếu |

(\*) Ngày 07/06/2024, Nghị quyết HĐQT số 05/2024 đã thông qua việc thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Nhân lực và Văn hóa của bà Đào Thị Thanh Bình.

Ngày 16/09/2024, Nghị quyết HĐQT số 10/2024 đã thông qua việc cơ cấu lại chức vụ của một số nhân sự ở vị trí Phó Tổng Giám đốc để được bổ nhiệm theo hệ thống chức danh mới nhằm hoàn thiện bộ máy quản lý, hướng đến sự chuyên nghiệp hóa toàn diện, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của tổ chức.



Thiên Long nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát rủi ro bằng việc triển khai "Quy chế Quản lý Rủi ro", được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Quy chế xác định các hạng mục rủi ro theo phương pháp từ trên xuống, kèm theo chỉ số cảnh báo sớm, giúp doanh nghiệp phản ứng nhanh và giảm thiểu tác động.

Hệ thống quản trị rủi ro này giúp Thiên Long vận hành ổn định, tối ưu quy trình và tăng cường khả năng ứng phó với biến động.



#### CHỦ SỞ HỮU RỦI RO

Chịu trách nhiệm điều phối & kiểm soát từng hạng mục.



#### ĐƠN VỊ THỰC THI RỦI RO

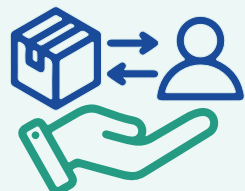
Tự đánh giá, phân tích mức độ ảnh hưởng và đề xuất giải pháp xử lý.

#### RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU



Với sản phẩm chính là bút viết, Thiên Long chủ yếu nhập các nguyên liệu như: Đầu bút, hạt nhựa, mực, ống ruột, lò xo, hóa chất... Tổng giá trị nguyên vật liệu chiếm khoảng 70% giá thành sản xuất, trong đó hạt nhựa là nguyên vật liệu chính, chiếm khoảng gần 25% giá trị nguyên vật liệu.

#### Giải pháp hạn chế rủi ro



Công ty luôn cập nhật đầy đủ thông tin về giá nguyên liệu (nhựa, hóa chất, bao bì,...) và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp truyền thống lớn, so sánh giá chào của nhiều nhà cung ứng, đàm phán mua nguyên vật liệu với sản lượng phù hợp và giá thành hợp lý. Ngoài ra, Công ty lập kế hoạch, xây dựng các kịch bản khác nhau để có kế hoạch mua, nhập và dự trữ nguyên vật liệu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời gia tăng hoạt động tự sản xuất nguyên liệu để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, giảm phụ thuộc vào thị trường, đặc biệt thị trường thế giới.

#### RỦI RO TỶ GIÁ



Là doanh nghiệp thường xuyên nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu chính từ nước ngoài, đặc biệt là hạt nhựa và máy móc thiết bị nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Thiên Long chịu tác động không nhỏ từ sự biến động của tỷ giá hối đoái, đặc biệt là tỷ giá VND/USD và tỷ giá VND/JPY. Theo đó sự biến động tỷ giá khó lường trong bối cảnh lạm phát cao và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay, các quốc gia liên tục đưa ra các chính sách tiền tệ mới khiến cho việc dự báo về biến động tỷ giá trở nên khó khăn hơn và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

#### Giải pháp hạn chế rủi ro



Theo sát biến động tỷ giá, tính toán chi tiết thời hạn thanh toán các hợp đồng nhập khẩu, lập kế hoạch dòng tiền ngắn hạn và dài hạn để có biện pháp cân đối ngoại tệ phù hợp. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động tự sản xuất máy móc thiết bị, khuôn mẫu và nguyên vật liệu để giảm dần tỷ lệ nhập khẩu.

#### RỦI RO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Đầu tư luôn song hành cùng với việc phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro phát sinh từ các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến vốn và kết quả kinh doanh.

#### Giải pháp hạn chế rủi ro



Thẩm định và quản trị chặt chẽ các hoạt động đầu tư ngay từ giai đoạn xây dựng phương án, đánh giá tính khả thi nhằm hạn chế các rủi ro có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cũng như tài sản của Công ty. Ngoài ra, các dự án lớn được phân tích toàn diện dựa trên nhu cầu thị trường, khả năng cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh,... nhằm nhận biết các rủi ro liên quan cũng như mức độ tác động của từng yếu tố.



RỦI RO  
CẠNH  
TRANH

Tốc độ toàn cầu hóa, áp lực cạnh tranh tại nhiều nước trên thế giới và xu hướng tìm kiếm thị trường có sức mua mạnh, có tiềm năng tăng trưởng cao đã giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều Tập đoàn lớn trên thế giới. Thị trường văn phòng phẩm Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ, điều này tạo ra rủi ro cạnh tranh cho Thiên Long trong ngắn và dài hạn.

## ► Giải pháp hạn chế rủi ro



Nâng cao hiệu quả hoạt động, kiện toàn cơ cấu nhân sự lãnh đạo, hệ thống quản trị, tiếp tục nhất quán các chính sách thu hút, gìn giữ và phát triển nhân tài. Đồng thời tăng cường đầu tư vào hoạt động kinh doanh, marketing để đưa thương hiệu Thiên Long và các nhãn hàng/thương hiệu TL, Flexio, FlexOffice và Colokit lên tầm cao mới. Áp dụng công nghệ, chuyển đổi số để nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra những sản phẩm có mẫu mã đẹp, khác biệt và chất lượng vượt trội. Bên cạnh đó, phát triển danh mục sản phẩm, ngành hàng để đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới và tăng cường, hợp tác trên nhiều lĩnh vực, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững trong dài hạn.

RỦI RO  
AN TOÀN  
SẢN XUẤT &  
CHẤT LƯỢNG  
SẢN PHẨM

Với sự phát triển không ngừng của việc tự động hóa trong ngành sản xuất, việc bảo đảm an toàn, hiệu quả trong vận hành máy móc thiết bị là yêu cầu tất yếu đối với bất kỳ doanh nghiệp/nhà máy. Là một đơn vị trực tiếp sản xuất nên các nguy cơ về mất an toàn ảnh hưởng đến con người và chất lượng sản phẩm có thể xảy ra đối với Thiên Long, có khả năng làm ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh của Tập đoàn.

## ► Giải pháp hạn chế rủi ro



Công ty luôn kiểm tra, bảo dưỡng, đại tu định kỳ hằng năm và ý thức rõ tầm quan trọng của công tác đảm bảo an toàn sản xuất và chất lượng sản phẩm. Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên, kết hợp với việc phổ biến, tuyên truyền và thực hành các biện pháp kỹ thuật an toàn. Trang bị bảo hộ lao động chu đáo và đội ngũ phòng cháy, chữa cháy luôn có kế hoạch chủ động để đối phó với các tình huống xấu xảy ra. Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ ở tất cả các khâu từ mua hàng, sản xuất, đóng gói đến lưu thông. Áp dụng hiệu quả và không ngừng cải thiện Hệ thống Quản lý tích hợp (An toàn - Chất lượng - Môi trường) theo tiêu chuẩn quốc tế.

RỦI RO  
PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi Pháp luật Việt Nam như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế...Do đó, khi các văn bản luật này thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty trong việc thực hiện và tuân thủ đúng quy định.

## ► Giải pháp hạn chế rủi ro



Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn cập nhật liên tục các thay đổi trong quy định. Tham gia các chương trình, khóa học cập nhật quy định mới và định kỳ tập huấn cho các cán bộ và công nhân viên ở từng bộ phận về những quy định pháp luật có liên quan.

RỦI RO  
NGUỒN  
NHÂN LỰC

Với quy mô lớn và sản xuất liên tục, Thiên Long đối mặt với rủi ro về số lượng nhân viên (SOW), chi phí nhân sự (OC) và trình độ chuyên môn (MTCV). Trong bối cảnh kinh tế biến động, chúng tôi ưu tiên đảm bảo nhân sự phù hợp, đủ kỹ năng, tránh tình trạng thiếu hoặc dư thừa, đồng thời tối ưu chi phí nhân sự một cách khoa học và hợp lý để duy trì hiệu quả vận hành.

## ► Giải pháp hạn chế rủi ro



Thiên Long giảm thiểu rủi ro nhân sự bằng cách dự báo nhu cầu, xác định và phân bổ SOW hợp lý, tối ưu tuyển dụng, đầu tư đào tạo và phát triển. Chúng tôi xây dựng hệ thống quản lý nhân sự minh bạch, công bằng, tạo động lực cho nhân viên, đảm bảo hiệu quả vận hành bền vững.

RỦI RO  
MÔI TRƯỜNG

Với đặc thù sản xuất từ nhựa, Thiên Long luôn kiểm soát chặt chẽ các yếu tố môi trường, đảm bảo tuân thủ các cam kết trong Đánh giá Tác động Môi trường (DTM). Chúng tôi giám sát sát sao các vấn đề như ô nhiễm không khí, nước, đất, tiếng ồn, sử dụng tài nguyên bền vững và quản lý môi trường, nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý và tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

## ► Giải pháp hạn chế rủi ro



Thiên Long giảm thiểu rủi ro môi trường bằng cách xây dựng hệ thống quản lý môi trường hiệu quả, tuân thủ chặt chẽ các quy định bảo vệ môi trường. Chúng tôi đầu tư vào công nghệ, thiết bị hiện đại, triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường tiên tiến và nghiên cứu phát triển sản phẩm thân thiện môi trường, hướng đến phát triển bền vững.



## 05

### QUẢN TRỊ RỦI RO

#### RỦI RO KHÁC



Bên cạnh những rủi ro đã nói trên, một số rủi ro khác cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như: dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt, cháy nổ... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng một khi đã xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn cho Công ty cả về người và tài sản.

#### ► Giải pháp hạn chế rủi ro



Nhằm hạn chế tối đa các ảnh hưởng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long luôn chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty.

## 06

### MINH BẠCH VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thiên Long cam kết luôn tuân thủ việc minh bạch và công bằng trong việc công bố thông tin đến tất cả các Cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu các thông tin liên quan, Thiên Long luôn đảm bảo có được sự tiếp cận dễ dàng, thường xuyên với những thông tin đã được công bố bằng các công cụ truyền thông đa dạng. Ngoài ra, Thiên Long có bộ phận chuyên trách về công tác quan hệ nhà đầu tư luôn sẵn sàng tiếp đón Cổ đông và nhà đầu tư như dưới đây:

► Trên website của Công ty tại đường dẫn:  
<https://thienlonggroup.com/>

► Trên website của HOSE tại đường dẫn:  
<https://www.hsx.vn/>

► Trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

► Thông qua Ban Quan hệ Cổ đông (IR) của Công ty như sau:

 <https://thienlonggroup.com/quan-he-co-dong>

 [ir@thienlongvn.com](mailto:ir@thienlongvn.com)  (84.28) 3750.5555 (Số máy lẻ: 203)

 Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.HCM



HDQT cam kết bảo đảm việc công bố các thông tin phi tài chính một cách tốt nhất có thể, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội.

# HOSHII

## TINH HOA CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN





**VIẾT**  
**TRI THỨC**  
*Vững tương lai*





# 01

## THÔNG DIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong gần 45 năm thành lập và phát triển, Thiên Long luôn tự hào là doanh nghiệp đầu ngành với tầm nhìn và sứ mệnh “Truyền cảm hứng và cung cấp giải pháp toàn diện và hiệu quả để học hỏi hạnh phúc trọn đời”. Với sứ mệnh đặc biệt đó, trong những năm qua, chúng tôi luôn đồng hành, chấp cánh cho thành công các thế hệ người Việt vươn xa trên con đường học tập, tiếp thu và lan tỏa tri thức đến các thế hệ sau.



Trong xu hướng toàn cầu, cam kết quốc gia và sự ủng hộ mạnh mẽ từ các bên liên quan về các vấn đề phát triển bền vững, Thiên Long đã tiến lên phía trước, đầu tư nguồn lực nhằm nắm bắt cơ hội mới và giảm thiểu rủi ro.



Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, Thiên Long không chỉ khẳng định vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh văn phòng phẩm mà còn là doanh nghiệp tiên phong, đi đầu trong các hoạt động phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội.



Chúng tôi tin tưởng rằng, với việc kết hợp phát triển kinh doanh và phát triển bền vững, Thiên Long sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công, tạo ra những giá trị tích cực cho ngành giáo dục và cộng đồng.



**Thiên Long cam kết tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào mọi khía cạnh trong mọi hoạt động kinh doanh, tăng trưởng của Tập đoàn, tạo nên giá trị cốt lõi cho uy tín thương hiệu và tương lai phát triển dài hạn.**

Năm 2024 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của Tập đoàn. Đây là lần đầu tiên Thiên Long công bố báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế tới Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác, các bên liên quan về mục tiêu, cam kết, các hoạt động của chúng tôi trong việc nỗ lực thúc đẩy phát triển bền vững và tạo ra giá trị cho xã hội.

Thiên Long sẽ tiếp tục gửi tới Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác, các bên liên quan các phiên bản báo cáo (tóm tắt trong Báo cáo thường niên và đầy đủ chuẩn quốc tế GRI) mới nhất được cập nhật thường niên và đầy đủ nhất trên website chính thức của Công ty.



# 02

## TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phần 08  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long được tiếp cận dựa trên 03 hoạt động trụ cột, bao gồm: Vươn tầm kinh doanh, kiến tạo giá trị bền vững lâu dài; Thúc đẩy tính bền vững trong nghiên cứu và sản xuất sản phẩm; Đề cao giá trị con người trong gắn kết nội bộ, xây dựng cộng đồng và cùng kiến tạo tương lai.

### 03 HOẠT ĐỘNG TRỤ CỘT

1



Vươn tầm kinh doanh, kiến tạo giá trị bền vững lâu dài

2



Thúc đẩy tính bền vững trong nghiên cứu và sản xuất sản phẩm

3



Đề cao giá trị con người trong gắn kết nội bộ, xây dựng cộng đồng và cùng kiến tạo tương lai

Đồng thời, tăng cường quản trị doanh nghiệp, củng cố nền tảng kinh doanh là yếu tố đòn bẩy quan trọng trong việc nâng cao hỗ trợ hiệu quả tất cả các hoạt động kinh doanh, vận hành, quản trị, hướng đến mục tiêu phát triển tổng thể.

### PHẠM VI BÁO CÁO, RANH GIỚI BÁO CÁO

Báo cáo được lập tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm của CTCP Tập đoàn Thiên Long và các công ty thành viên.

### CHU KỲ BÁO CÁO

Tất cả thông tin, dữ liệu trong báo cáo này được lập cho năm tài chính 2024 của CTCP Tập đoàn Thiên Long từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024. Và được thực hiện bởi Ban Biên tập Báo cáo thường niên thuộc bộ phận Quan hệ Cổ đông - CTCP Tập đoàn Thiên Long.









### 1 VƯƠN TẦM KINH DOANH KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG LÂU DÀI

#### 1.1 MỞ RỘNG SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

Thiên Long chú trọng vào mục tiêu tăng trưởng doanh thu bền vững, duy trì vị thế trong nước và đẩy mạnh thị trường quốc tế. (Xin vui lòng xem chi tiết tại mục Báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất – Kinh doanh)

#### 1.2 ĐỒNG HÀNH VÀ GẮN KẾT KHÁCH HÀNG

##### Nâng cao trải nghiệm khách hàng

Chúng tôi luôn chú trọng việc nâng cao trải nghiệm mua sắm tại các cửa hàng vật lý bằng cách thực hiện nhiều hoạt động trải nghiệm sản phẩm tại chỗ, cho phép khách hàng tương tác trực tiếp và có cơ hội thử nghiệm các sản phẩm mới. Các cửa hàng Clever Box và PeekToy không chỉ là nơi bán hàng mà còn là điểm đến cho những trải nghiệm mua sắm thú vị và đầy đủ. Điều này đã giúp chúng tôi giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng hiện tại và thu hút thêm nhiều khách hàng mới.

##### Phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm lấy khách hàng làm trọng tâm

Thiên Long không ngừng mở rộng kênh phân phối, nâng cao trải nghiệm mua sắm và đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng. Chúng tôi hợp tác với nhà sách, siêu thị lớn trên toàn quốc, kết hợp kênh bán hàng truyền thống và hiện đại để củng cố vị thế thị trường. Đồng thời, Thiên Long đẩy mạnh kênh B2B, cung cấp sản phẩm cho trường học, doanh nghiệp và tổ chức nhiều sự kiện giới thiệu sản phẩm. Chúng tôi cũng triển khai chương trình khách hàng thân thiết và ưu đãi đặc biệt, cam kết đồng hành lâu dài cùng đối tác.

##### Mở rộng kinh doanh thương mại điện tử

Thiên Long đẩy mạnh thương mại điện tử, tổ chức bán hàng trực tuyến và livestream trên Shopee, Lazada, TikTok Shop, giúp doanh thu tăng 2,6 lần so với 2023. Chúng tôi liên tục nằm trong top nhà bán hàng tăng trưởng tốt trên TikTok và dẫn đầu doanh số sự kiện 11.11 trên Shopee, Lazada. Thành công này nhờ đầu tư công nghệ, cải thiện website, nâng cấp hình ảnh sản phẩm và tối ưu trải nghiệm mua sắm, qua đó mở rộng thị phần và nâng cao nhận diện thương hiệu.

##### Tiếp thị có trách nhiệm

Thiên Long cam kết tiếp thị có trách nhiệm, đảm bảo thông tin minh bạch, chính xác và công bằng. Chúng tôi nghiêm cấm quảng cáo sai sự thật, yêu cầu phòng pháp lý kiểm duyệt bao bì và nội dung quảng cáo ngay từ đầu dự án. Nhà phân phối phải tuân thủ chính sách tiếp thị, bảo vệ uy tín thương hiệu.



#### 1.3 VẬN HÀNH KINH DOANH CÓ ĐẠO ĐỨC VÀ CHỐNG THAM NHŨNG

Thiên Long cam kết tuân thủ luật pháp và đạo đức kinh doanh, triển khai Bộ quy tắc ứng xử kinh doanh để đảm bảo liêm chính và minh bạch. Năm 2024, chúng tôi ban hành Quy trình tiếp nhận & xử lý thông tin Kiểm toán nội bộ, nghiêm cấm gian lận, hối lộ và thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp trung thực.

Đối với nhà cung cấp, Thiên Long yêu cầu kinh doanh minh bạch, thiết lập đường dây nóng và email tiếp nhận báo cáo tham nhũng. Nhờ quản lý chặt chẽ, năm 2024, doanh nghiệp không phát sinh vi phạm đạo đức kinh doanh.



#### 1.4 QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ

Tập đoàn Thiên Long luôn cam kết phát triển bền vững, hướng tới mục tiêu tạo ra giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác, nhân viên và cộng đồng. Quản trị tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu này, đảm bảo sự ổn định và tăng trưởng bền vững cho Tập đoàn.

(Xin vui lòng xem chi tiết tại mục Báo cáo kết quả hoạt động Sản xuất – Kinh doanh)





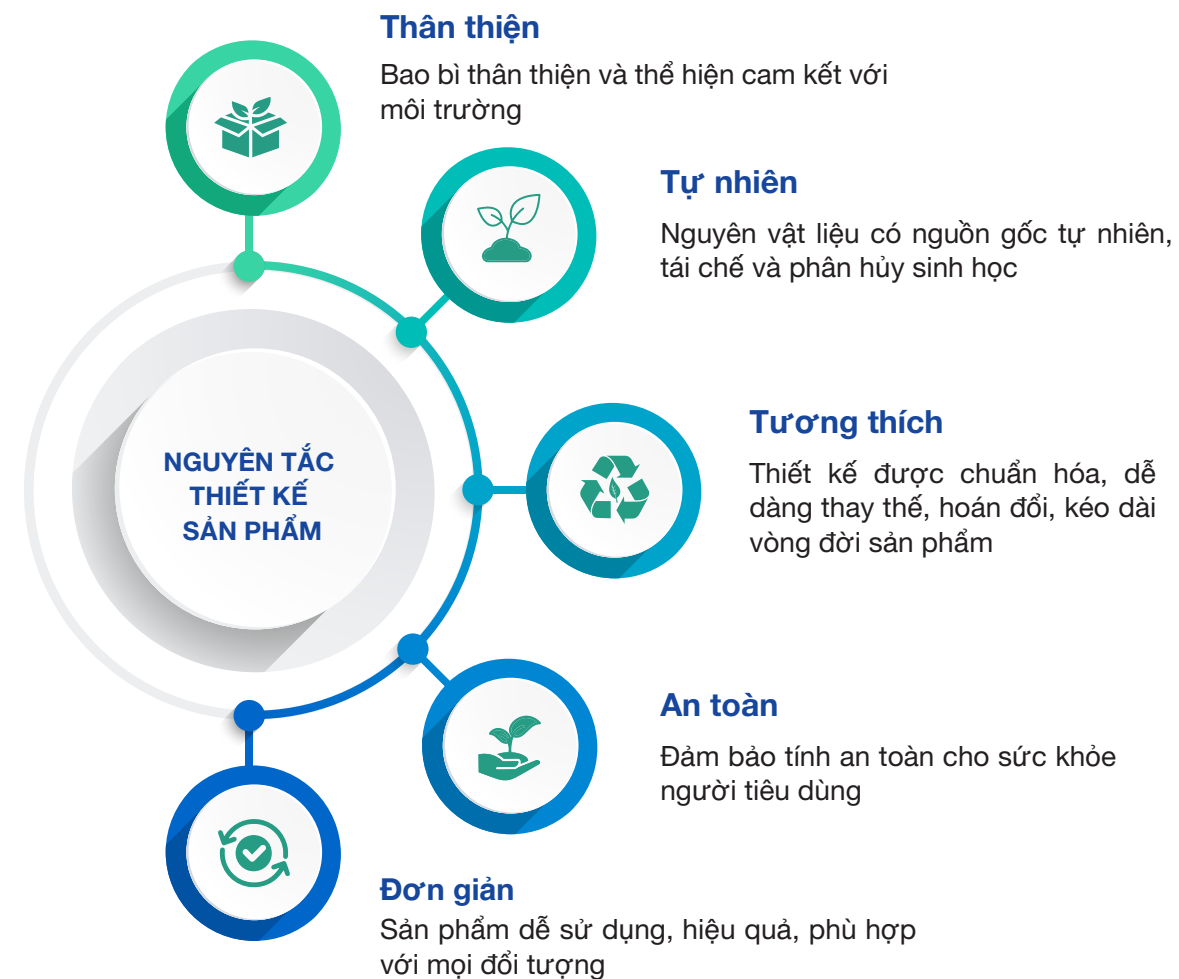
## 2 THÚC ĐẨY TÍNH BỀN VỮNG TRONG NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM

Thiên Long tập trung phát triển và sản xuất sản phẩm dựa trên năm trụ cột: Nguyên tắc thiết kế sản phẩm; Nghiên cứu theo nhu cầu thị trường; Nâng cao tiêu chuẩn; Sử dụng nguyên liệu thân thiện môi trường với thiết kế bền vững; và Cam kết trách nhiệm xã hội. Nhờ đó, Thiên Long tự tin mang đến sản phẩm chất lượng, đáp ứng kỳ vọng khách hàng.



## 5 TRỤ CỘT PHÁT TRIỂN VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM

### 2.1 NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ SẢN PHẨM



### 2.2 ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU SẢN PHẨM

Thiên Long cam kết phát triển sản phẩm chất lượng cao, an toàn và thân thiện môi trường. Chúng tôi tập trung vào nghiên cứu, sản xuất, tuân thủ tiêu chuẩn an toàn, nâng cao chất lượng và lựa chọn nguyên liệu bền vững.

### 2.3 SẢN PHẨM THIÊN LONG ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Thiên Long đảm bảo chất lượng sản phẩm với quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, từ lựa chọn nhà cung ứng, kiểm tra nguyên liệu đầu vào đến kiểm soát từng công đoạn sản xuất và thành phẩm.

Chúng tôi sở hữu Phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017, trang bị máy thử bút Hutt (Đức), máy đo quang phổ, độ dẫn điện, độ pH... giúp kiểm tra sản phẩm với độ chính xác cao.

Sản phẩm Thiên Long đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn quốc tế (Mỹ, EU) và tiêu chuẩn Việt Nam, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng, đặc biệt là trẻ em.



03

CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

SẢN PHẨM THIÊN LONG ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN TRÊN THỊ TRƯỜNG

| Tiêu chuẩn/Luật định                                                                                 | Sản phẩm áp dụng |          |         |            |         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------|---------|------------|---------|
|                                                                                                      | VPP              | Mỹ thuật | Đồ chơi | SP điện tử | SP y tế |
| Mỹ                                                                                                   |                  |          |         |            |         |
| CPSIA                                                                                                | ✓                | ✓        | ✓       |            |         |
| FHSA                                                                                                 | ✓                | ✓        | ✓       |            |         |
| California Proposition 65                                                                            | ✓                | ✓        |         |            |         |
| Đạo luật 5 bang                                                                                      | ✓                |          |         |            |         |
| ASTM F963                                                                                            |                  |          | ✓       |            |         |
| LHAMA (AP Seal, ASTM D4236)                                                                          |                  | ✓        |         |            |         |
| TPCH (dành cho bao bì)                                                                               | ✓                | ✓        | ✓       | ✓          | ✓       |
| ISO 10993 (kích ứng da)                                                                              |                  |          |         |            | ✓       |
| Châu Âu                                                                                              |                  |          |         |            |         |
| REACH                                                                                                | ✓                | ✓        | ✓       | ✓          |         |
| CE Marking                                                                                           |                  |          | ✓       | ✓          |         |
| BPR                                                                                                  | ✓                | ✓        | ✓       |            |         |
| Directive 94/62/EC on packaging and packaging waste (dành cho bao bì)                                | ✓                | ✓        | ✓       | ✓          | ✓       |
| EU ROHS Directive 2011/65/EU                                                                         |                  |          |         | ✓          |         |
| Đông Nam Á                                                                                           |                  |          |         |            |         |
| ISO 8124                                                                                             |                  |          | ✓       |            |         |
| EN 71                                                                                                |                  |          | ✓       |            |         |
| Việt Nam                                                                                             |                  |          |         |            |         |
| QCVN 03:2019/ BKHCN                                                                                  |                  |          | ✓       |            |         |
| Nga                                                                                                  |                  |          |         |            |         |
| CU TR 008/2011 Quy chuẩn kỹ thuật về an toàn đồ chơi (EAC Mark)                                      |                  |          | ✓       |            |         |
| CU TR 008/2011 Quy chuẩn kỹ thuật về an toàn sản phẩm dành cho trẻ em và thanh thiếu niên (EAC Mark) | ✓                |          | ✓       |            |         |
| Morocco                                                                                              |                  |          |         |            |         |
| Chương trình xác minh sự phù hợp của Vương quốc Maroc (VoC)                                          | ✓                | ✓        | ✓       | ✓          |         |
| Arab Saudi                                                                                           |                  |          |         |            |         |
| Quy định kỹ thuật của Tổ chức Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng (SASO) của Saudi                    | ✓                | ✓        | ✓       | ✓          |         |

2.4 LỰA CHỌN NGUYÊN VẬT LIỆU THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Thiên Long hướng tới việc cải thiện các đặc tính thân thiện với môi trường của sản phẩm ngay từ đầu chu kỳ sản xuất bằng cách sử dụng các nguyên liệu được chứng nhận thân thiện với môi trường như hạt nhựa LLDPE / EVA trong một số danh mục sản phẩm như bột nặn và bút gel. Tập đoàn không ngừng nỗ lực đưa ra thị trường những sản phẩm có tính bền vững cao, nâng cao giá trị sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh, đồng thời bảo vệ môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn khắt khe của quốc tế.



Viện Công nghệ Hạt nhân Thái Lan đã xác nhận sản phẩm bút viết của Thiên Long là sản phẩm sinh học, với hàm lượng carbon sinh học đạt 20,96% ± 0,21% sau khi thử nghiệm bằng phương pháp phân tích đồng vị phóng xạ được phát triển bởi ASTM International.



NGUYÊN LIỆU  
THÂN THIỆN VỚI  
MÔI TRƯỜNG



SẢN PHẨM BÚT VIẾT CỦA  
**THIÊN LONG**  
LÀ SẢN PHẨM SINH HỌC

HÀM LƯỢNG CARBON SINH HỌC  
**20,96%** ± 0,21%



2.5

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM



Tuân thủ pháp luật môi trường

- Thiên Long luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường. Năm 2024, không có bất kỳ vi phạm nào, tổng tiền phạt 0 đồng.



Kiểm soát nước thải & chất thải

- Áp dụng hệ thống ISO 14001 để quản lý môi trường, giảm thiểu ô nhiễm. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại:
  - Nhà máy Nam Thiên Long (40 m³/ngày) – đạt tiêu chuẩn KCN Tân Tạo.
  - Nhà máy Thiên Long Long Thành (80 m³/ngày) – đạt tiêu chuẩn KCN Long Thành.
- Tách riêng hệ thống nước mưa & nước thải, tuân thủ quy định đầu nối của KCN.
- Thực hiện nghiêm quy trình thu gom, vận chuyển & xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.



Sử dụng năng lượng có trách nhiệm

Năm 2024, các con số về năng lượng được tiêu thụ để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh ở Tập đoàn Thiên Long như sau:

| Loại năng lượng | Nam Thiên Long | Thiên Long Long Thành | Tổng       |
|-----------------|----------------|-----------------------|------------|
| Điện (kwh)      | 11.123.770     | 8.312.139             | 19.435.909 |
| Nước (m³)       | 32.515         | 57.479                | 89.994     |
| Dầu DO (lít)    | 7.330          | 215                   | 7.545      |

Thực hiện theo dõi giám sát, quản lý chi phí năng lượng trong sản xuất kinh doanh đều được tổng hợp trong báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gửi lên Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh hàng năm.

Trách nhiệm & hành động bền vững



- Đầy đủ giấy phép môi trường và chi trả các khoản thuế, phí bảo vệ môi trường theo quy định.
- Trang bị thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên về bảo vệ môi trường.
- Báo cáo đầy đủ, đúng hạn công tác bảo vệ môi trường tới cơ quan chức năng.

Các giải pháp, sáng kiến nhằm tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu và tái chế



Chúng tôi tiên phong áp dụng hệ thống pin năng lượng mặt trời tại nhà máy, giúp tiết kiệm 6% điện tiêu thụ, giảm 757 tấn CO2 mỗi năm. Hệ thống đèn LED tiết kiệm điện, tối ưu ánh sáng tự nhiên và quy trình quản lý năng lượng giúp giảm lãng phí đáng kể. Bên cạnh đó, Thiên Long tích cực số hóa quy trình làm việc với E-office, thư viện số, hạn chế tối đa việc sử dụng giấy, đồng thời triển khai chương trình tiết kiệm điện, nước, khuyến khích nhân viên tắt máy móc khi không sử dụng, lắp đặt vòi nước tự động và áp dụng nước tuần hoàn trong sản xuất.

Chúng tôi còn đi đầu trong việc tái sử dụng nguyên liệu. Tại cả hai nhà máy, trung bình tỷ lệ vật liệu có thể tái tạo sử dụng trong sản xuất đa số ngành hàng đều đạt trên 80%. Đặc biệt, trong sản xuất dụng cụ học sinh và bút viết, tỷ lệ này gần như đạt mức tối đa. Tỷ lệ hao hụt phế liệu đã được giảm xuống dưới 1%, cho thấy hiệu quả cao trong quá trình tái chế. Tuy nhiên, trong sản xuất dụng cụ mỹ thuật, tỷ lệ vật liệu tái tạo gặp khó khăn do yêu cầu cao về chất lượng và màu sắc của sản phẩm. Để khắc phục điều này, Thiên Long đang thí điểm triển khai tận dụng hạt bã cà phê và cám để sản xuất các sản phẩm bột nặn, sáp màu nhằm tăng tỷ lệ vật liệu tái tạo mà không làm giảm chất lượng, đảm bảo tính thẩm mỹ và hiệu suất của dòng sản phẩm mỹ thuật.

Các kỹ sư tại Thiên Long đã phát triển những phương pháp mới trong tái chế nhựa, như việc tận dụng nguyên liệu phế liệu đủ màu để ép thành thùng chứa bút viết hay nghiên cứu sử dụng loại nhựa PET mới. Qua đó, không chỉ tạo ra sản phẩm có ích mà còn giảm đáng kể lượng nhựa mới cần phải sản xuất. Ngoài ra, việc đầu tư vào chế tạo khuôn Hot runner cũng là một bước tiến quan trọng nhằm giảm lượng nhựa phế liệu trong quá trình sản xuất, góp phần làm

giảm chi phí và tăng hiệu quả sản xuất. Nhờ vậy, trong năm 2024, tỷ lệ tổn thất nhựa thực tế đạt 1,9% tốt hơn so với mục tiêu ban đầu là 3,5%.

Hoạt động cải tiến (Productivity) giúp nâng cao hiệu suất sản xuất và tiết kiệm chi phí đáng kể, đạt 22,1 tỷ đồng trong năm 2024.

Hướng đến một tương lai xanh, Thiên Long phát triển dòng sản phẩm ECO Style, sử dụng đá vôi, vỏ cám trấu, nhựa tái chế, giảm rác thải công nghiệp. Tỷ lệ vật liệu thân thiện môi trường trong các sản phẩm ECO Style lên tới 65%. Tỷ lệ vật liệu tái chế trong các dòng bút viết ECO Style lên đến 35%. Các sản phẩm dành cho trẻ em luôn tuân thủ tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt của Mỹ & EU, với bột nặn từ bột mì và màu thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người dùng.

Thiên Long cũng tuân theo chuẩn 5R (Refuse - Reduce - Reuse - Recycle - Rot) trong quá trình tái chế, thu gom bút cũ và tổ chức các chương trình tái chế học đường, khuyến khích học sinh mang bút cũ đổi lấy ECO Style, góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường từ khi còn nhỏ. Bút viết của Thiên Long cũng được thiết kế để dễ dàng thay ruột, kéo dài vòng đời sản phẩm và giảm thiểu lượng nhựa tiêu thụ.

3

ĐỀ CAO GIÁ TRỊ CON NGƯỜI TRONG GẮN KẾT NỘI BỘ

XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VÀ CÙNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

3.1

QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN

NGUỒN NHÂN LỰC

Thiên Long cam kết xây dựng môi trường làm việc tích cực, minh bạch và công bằng, đặc biệt chú trọng phát triển thế hệ trẻ. Chúng tôi tạo cơ hội nghề nghiệp, đào tạo nhân tài và đảm bảo quyền lợi người lao động. Thiên Long kiên quyết chống lao động cưỡng bức, lao động trẻ em và luôn đặt việc làm, quyền lợi lao động là ưu tiên hàng đầu, xem đó là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn.  
(Xin vui lòng xem thêm chi tiết tại mục Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh)

+

Tổng số nhân sự

2.969 người

Không bao gồm nhân sự thuộc ICCO Malaysia

(Tính đến hết ngày 31/12/2024)

42%

Lao động có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên

49%

Lao động có thâm niên từ 5 năm trở lên

Chế Độ Phúc Lợi & Đãi Ngộ – Quan Tâm Đến Đời Sống Nhân Viên

Thiên Long hiểu rằng sự thành công của doanh nghiệp gắn liền với sự hài lòng của nhân viên. Chính vì vậy, công ty không ngừng cải thiện chế độ lương thưởng cạnh tranh và phúc lợi toàn diện.

Lương thưởng & đãi ngộ: Ngoài lương tháng 13, Thiên Long còn có thưởng cuối năm dựa trên thành tích cá nhân và kết quả kinh doanh. Đặc biệt, năm 2024, công ty đã triển khai thưởng giữa năm, ghi nhận sự đóng góp của nhân viên trong 6 tháng đầu năm, tạo động lực mạnh mẽ để cùng nhau chinh phục mục tiêu.

Chăm sóc sức khỏe: Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bổ sung các gói khám tầm soát ung thư, giúp nhân viên nâng cao chất lượng sống.

Phúc lợi đặc biệt: Cung cấp suất ăn giữa ca, đồng phục và phương tiện bảo hộ lao động, tổ chức tặng quà vào các dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, Quốc tế Phụ nữ.

Những hoạt động tôn vinh nhân viên cũng được đẩy mạnh, như chương trình “Bàn Tay Vàng” dành cho công nhân xuất sắc, “Người Bán Hàng Số 1” vinh danh nhân viên kinh doanh xuất sắc, cùng các giải thưởng sáng kiến, cải tiến, giúp lan tỏa tinh thần cống hiến trong toàn bộ công ty.

Tính đến hết ngày 31/12/2024, tổng số nhân sự của toàn Tập đoàn là 2,969 người (Không bao gồm nhân sự thuộc ICCO Malaysia) (Gián tiếp: 1,023 người; Trực tiếp sản xuất: 1,072 người; Trực tiếp bán hàng: 874 người), với trình độ lao động và mức độ gắn bó ngày càng tăng cao. Lao động có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chiếm 42%, Lao động có thâm niên từ 5 năm trở lên chiếm 49%.

Phần 08

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÌNH ĐỘ

1%

23%

11%

8%

58%

Cao học (26 người)

Đại học (677 người)

Cao đẳng (328 người)

Trung cấp (228 người)

Phổ thông (1.710 người)

THÂM NIÊN

10%

41%

10%

19%

20%

Dưới 3 năm (1.226 người)

Từ 3 - 5 năm (303 người)

Từ 5 - 10 năm (562 người)

Từ 10 - 15 năm (583 người)

Trên 15 năm (295 người)

An Toàn Lao Động – Đảm Bảo Môi Trường Làm Việc Tiêu Chuẩn Quốc Tế

Thiên Long đặt an toàn lao động lên hàng đầu, với hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018. Công ty liên tục đào tạo về quy tắc an toàn & sức khỏe nghề nghiệp, đảm bảo mọi nhân viên đều được trang bị đầy đủ kiến thức và thiết bị bảo hộ phù hợp.

Công ty cũng thành lập Hội đồng An toàn vệ sinh lao động, Đội An toàn vệ sinh viên, Đội Sơ cấp cứu và Đội Phòng cháy chữa cháy, với các buổi diễn tập định kỳ 6 tháng/lần, giúp nhân viên sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

Nhờ vào những nỗ lực không ngừng, trong năm 2024, toàn bộ nhân viên Thiên Long đã được khám sức khỏe định kỳ và không ghi nhận trường hợp nào bị suy giảm khả năng lao động, khẳng định một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và bền vững.

Không phân biệt đối xử

Tập đoàn Thiên Long cam kết và đảm bảo không để xảy ra sự phân biệt đối xử vì bất cứ lý do gì liên quan đến vấn đề màu da, sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, xuất thân gia đình... theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Năm 2024, ở Thiên Long không xảy ra vụ phân biệt đối xử nào.

Lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

Thiên Long nói không với lao động trẻ em và lao động cưỡng bức. Năm 2024, ở Thiên Long không xảy ra bất cứ vụ cưỡng bức lao động nào cũng như không sử dụng lao động là trẻ em.

92

TẬP ĐOÀN THIÊN LONG • BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

DẪN LỐI TRI THỨC - VỮNG BỀN TƯƠNG LAI

93



3

ĐỀ CAO GIÁ TRỊ CON NGƯỜI TRONG GẮN KẾT NỘI BỘ  
XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VÀ CÙNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

3.2

ĐẨY MẠNH CHƯƠNG TRÌNH XÃ HỘI  
VÌ CỘNG ĐỒNG

Đóng góp cho các bên liên quan

|                                 |                 |                      |
|---------------------------------|-----------------|----------------------|
| Các giao dịch với nhà cung cấp: | Thuế:           | Cổ tức đã trả:       |
| 1.460 tỷ đồng                   | 345 tỷ đồng     | 236 tỷ đồng          |
| Lương, thưởng:                  | Lãi vay đã trả: | Chương trình xã hội: |
| 815 tỷ đồng                     | 14 tỷ đồng      | Trên 10 tỷ đồng      |

Các chương trình đóng góp cho xã hội và cộng đồng

Năm 2024, Thiên Long tiếp tục khẳng định cam kết phát triển bền vững qua các chương trình xã hội có tầm ảnh hưởng sâu rộng, lan tỏa mạnh mẽ thông điệp “học hỏi hạnh phúc trọn đời”, góp phần vào sự nghiệp giáo dục và phát triển cộng đồng.



**TIẾP SỨC MÙA THI:** Hỗ trợ thí sinh trước – trong – sau kì thi THPT Quốc Gia dưới hình thức: Hướng dẫn ôn thi, tư vấn tâm lý, trao học bổng cho học sinh khó khăn, tiếp sức online.



**VÌ MÁI TRƯỜNG XANH:** Khuyến khích học sinh cả nước thu gom sản phẩm Thiên Long đã qua sử dụng để gây quỹ học bổng cho học sinh nghèo hiếu học.



**CHIA SẺ CÙNG THẦY CÔ:** Vinh danh các giáo viên toàn quốc vượt khó có nhiều đóng góp cho ngành giáo dục và cộng hưởng cùng chiến dịch bán hàng mùa tri ân.



**NGÀY HỘI SẮC MÀU:** Cuộc thi vẽ tranh và trải nghiệm sản phẩm Colokit trên toàn quốc, thu hút hàng triệu thiếu nhi tham gia.

TIẾP SỨC MÙA THI 2024: NỔI BẬT VÀ ĐỔI MỚI

Sức lan tỏa và tầm ảnh hưởng của chương trình này trong hành trình học tập và thi cử của thế hệ trẻ Việt Nam sau hơn 2 thập kỷ đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng công chúng, qua mỗi mùa thi với thương hiệu “Tiếp sức mùa thi” do Tập đoàn Thiên Long phối hợp Hội Sinh viên Việt Nam, Bộ GD&ĐT và Báo Thanh Niên tổ chức.

Tiếp sức mùa thi 2024 tiếp tục ghi dấu ấn với **Top 3** chiến dịch CSR nổi bật nhất và **Top 1** chỉ số cảm xúc trên mạng xã hội (theo báo cáo Younet). Sự kiện lan tỏa mạnh mẽ nhờ sự đồng hành của các đại sứ nổi tiếng như Hoa hậu Lương Thùy Linh, MC Khánh Vy, siêu trí tuệ Hà Việt Hoàng cùng nhiều chuyên gia giáo dục. Đặc biệt, chương trình đã được vinh danh là Dự án Bền Bỉ tại Human Act Prize, ghi nhận những đóng góp lâu dài cho xã hội.





### 3.2 ĐẨY MẠNH CHƯƠNG TRÌNH XÃ HỘI VÌ CỘNG ĐỒNG

#### CHIA SẺ CÙNG THẦY CÔ 2024: 10 NĂM VÌ HÀNH TRÌNH DẠY HỌC HẠNH PHÚC

Chương trình Chia sẻ cùng thầy cô 2024 là chiến dịch toàn diện từ trực tuyến và trực tiếp, có sức ảnh hưởng sâu rộng với sự đồng hành của nhiều đại sứ là các nghệ sĩ, chuyên gia giáo dục, giáo viên uy tín, học sinh tiêu biểu. Trải qua **10 năm**, chương trình đã tuyên dương **600 giáo viên tiêu biểu** vượt khó để mang tri thức đến học sinh. Chiến dịch năm 2024 thu hút **100 triệu lượt** tiếp cận, hơn **500 tin bài truyền thông**, lan tỏa mạnh mẽ trên mạng xã hội nhờ sự tham gia của các đại sứ nổi tiếng như Hoa hậu H'Hen Niê, Hoa hậu Lương Thùy Linh, ca sĩ Dương Hoàng Yến.



#### NGÀY HỘI SẮC MÀU 2024: TRẢI NGHIỆM TỎ VẼ HẠNH PHÚC CỦA THIẾU NHI TOÀN QUỐC



Sự kiện do nhãn hàng Colokit phối hợp với Hội đồng Đội Trung ương tổ chức, thu hút 140.000 bài dự thi với chủ đề “Em vẽ sắc màu tình nguyện”. Năm nay, Ngày hội sắc màu mở rộng đến nhiều tỉnh thành, mang đến không gian trải nghiệm sáng tạo và phát triển tư duy toàn diện cho thiếu nhi trên cả nước.



Bên cạnh đó, Thiên Long duy trì nhiều hoạt động thiện nguyện vì giáo dục, hỗ trợ học sinh, giáo viên miền Bắc khắc phục hậu quả bão Yagi, ủng hộ KidFest TP.HCM và tổ chức cuộc thi vẽ tranh “Nhành Cọ Non”.



#### Tuân thủ pháp luật về kinh tế và xã hội

Thiên Long cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật trong mọi hoạt động. Năm 2024, Tập đoàn không xảy ra bất kỳ vi phạm đáng kể nào, khẳng định trách nhiệm với cộng đồng và nền kinh tế.



# 04

## GIẢI THƯỞNG UY TÍN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2024, Thiên Long vinh dự nhận loạt danh hiệu lớn về phát triển bền vững, khẳng định cam kết mạnh mẽ với trách nhiệm xã hội và môi trường:



### HUMAN ACT PRIZE

Tôn vinh những đóng góp tích cực cho cộng đồng



### DOANH NGHIỆP XANH TP.HCM 2024

Do HUBA & Báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức



### TOP 50 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU VIỆT NAM 2024

Do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư trao tặng



### TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM 2024

Do VCCI & VBCSD bình chọn

“

Những thành tựu này khẳng định Thiên Long không chỉ dẫn đầu trong ngành hàng văn phòng phẩm, mà còn tiên phong trong phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và đóng góp tích cực cho xã hội.







*Hành động xanh*

**KIẾN TẠO  
TƯƠNG LAI**





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

| THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP            |                                                                                                                                                                                                 |                    |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Số 0301464830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 23 ngày 9 tháng 12 năm 2024 |                    |
| Hội đồng Quản trị                    | Ông Cô Gia Thọ                                                                                                                                                                                  | Chủ tịch           |
|                                      | Bà Trần Thái Như                                                                                                                                                                                | Thành viên         |
|                                      | Bà Cô Ngân Bình                                                                                                                                                                                 | Thành viên         |
|                                      | Bà Cô Cẩm Nguyệt                                                                                                                                                                                | Thành viên         |
|                                      | Ông Tayfun Uner                                                                                                                                                                                 | Thành viên độc lập |
|                                      | Ông Phạm Nguyên Tri                                                                                                                                                                             | Thành viên độc lập |
|                                      | Ông Nguyễn Đình Tâm                                                                                                                                                                             | Thành viên         |
| Ban Kiểm soát                        | Bà Nguyễn Thị Bích Nga                                                                                                                                                                          | Trưởng ban         |
|                                      | Bà Tạ Hồng Diệp                                                                                                                                                                                 | Thành viên         |
|                                      | Bà Vũ Thị Thanh Nga                                                                                                                                                                             | Thành viên         |
| Tổng Giám đốc                        | Bà Trần Phương Nga                                                                                                                                                                              | Tổng Giám đốc      |
| Người đại diện theo pháp luật        | Bà Trần Phương Nga                                                                                                                                                                              | Tổng Giám đốc      |
| Trụ sở chính                         | Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                                                                             |                    |
| Công ty kiểm toán                    | Công ty TNHH PwC (Việt Nam)                                                                                                                                                                     |                    |

# BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

## Trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty đối với Báo cáo Tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ▶ Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Phê chuẩn Báo cáo Tài chính hợp nhất

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 110 đến trang 157. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Phương Nga  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 26 tháng 3 năm 2025



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 110 đến trang 157.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)  
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 (028) 3823 0796, [www.pwc.com/vn](http://www.pwc.com/vn)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0875-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16611  
Thành phố Hồ Chí Minh, Nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Duy Thịnh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4633-2023-006-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN/HN

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm VND          | Số đầu năm VND           |
|-------|----------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      |             | <b>2.670.706.305.975</b> | <b>2.074.455.057.354</b> |
| 110   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | 3           | <b>700.074.273.053</b>   | <b>243.232.641.902</b>   |
| 111   | Tiền                                         |             | 334.874.273.053          | 243.232.641.902          |
| 112   | Các khoản tương đương tiền                   |             | 365.200.000.000          | -                        |
| 120   | <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>             |             | <b>360.900.000.000</b>   | <b>447.342.000.000</b>   |
| 123   | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 4(a)        | 360.900.000.000          | 447.342.000.000          |
| 130   | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           |             | <b>649.050.923.753</b>   | <b>438.809.370.785</b>   |
| 131   | Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 5           | 612.821.383.076          | 390.722.017.248          |
| 132   | Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 6           | 14.624.171.905           | 12.800.019.323           |
| 135   | Phải thu về cho vay ngắn hạn                 | 7           | 16.000.000.000           | 16.000.000.000           |
| 136   | Phải thu ngắn hạn khác                       | 8(a)        | 12.303.121.563           | 30.011.672.235           |
| 137   | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi           | 9           | (6.697.752.791)          | (10.775.506.081)         |
| 139   | Tài sản thiếu chờ xử lý                      |             | -                        | 51.168.060               |
| 140   | <b>Hàng tồn kho</b>                          | 10          | <b>784.896.481.994</b>   | <b>831.699.883.043</b>   |
| 141   | Hàng tồn kho                                 |             | 833.963.734.982          | 855.426.140.198          |
| 149   | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho               |             | (49.067.252.988)         | (23.726.257.155)         |
| 150   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 |             | <b>175.784.627.175</b>   | <b>113.371.161.624</b>   |
| 151   | Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 11(a)       | 23.135.505.351           | 15.759.867.109           |
| 152   | Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 15(a)       | 143.451.017.773          | 93.018.891.136           |
| 153   | Thuế và các khoản phải thu Nhà nước          | 15(b)       | 9.198.104.051            | 4.592.403.379            |
| 200   | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       |             | <b>688.855.057.514</b>   | <b>733.993.121.467</b>   |
| 210   | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            |             | <b>14.717.155.781</b>    | <b>12.978.175.740</b>    |
| 216   | Phải thu dài hạn khác                        | 8(b)        | 14.717.155.781           | 12.978.175.740           |
| 220   | <b>Tài sản cố định</b>                       |             | <b>528.291.326.958</b>   | <b>575.586.339.381</b>   |
| 221   | Tài sản cố định hữu hình                     | 12(a)       | 504.876.115.604          | 549.978.973.266          |
| 222   | Nguyên giá                                   |             | 1.341.014.256.759        | 1.309.168.718.614        |
| 223   | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (836.138.141.155)        | (759.189.745.348)        |
| 227   | Tài sản cố định vô hình                      | 12(b)       | 23.415.211.354           | 25.607.366.115           |
| 228   | Nguyên giá                                   |             | 81.114.342.736           | 79.794.421.651           |
| 229   | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (57.699.131.382)         | (54.187.055.536)         |
| 240   | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               |             | <b>20.391.542.457</b>    | <b>7.742.307.132</b>     |
| 242   | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 13          | 20.391.542.457           | 7.742.307.132            |
| 250   | <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>              |             | <b>64.214.208.000</b>    | <b>62.833.024.000</b>    |
| 252   | Đầu tư vào công ty liên kết                  | 4(b)        | 37.200.000.000           | 36.000.000.000           |
| 253   | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 4(b)        | 30.685.000.000           | 30.685.000.000           |
| 254   | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 4(b)        | (3.670.792.000)          | (3.851.976.000)          |
| 260   | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  |             | <b>61.240.824.318</b>    | <b>74.853.275.214</b>    |
| 261   | Chi phí trả trước dài hạn                    | 11(b)       | 48.699.473.781           | 49.846.542.512           |
| 262   | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 21          | 12.541.350.537           | 25.006.732.702           |
| 270   | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                          |             | <b>3.359.561.363.489</b> | <b>2.808.448.178.821</b> |

Các thuyết minh từ trang 110 đến trang 157 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 01 - DN/HN

| Mã số | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm VND          | Số đầu năm VND           |
|-------|------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300   | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                             |             | <b>1.012.333.480.318</b> | <b>714.468.096.169</b>   |
| 310   | <b>Nợ ngắn hạn</b>                             |             | <b>985.667.030.318</b>   | <b>659.537.277.010</b>   |
| 311   | Phải trả người bán ngắn hạn                    | 14          | 260.159.397.874          | 193.822.557.387          |
| 312   | Người mua trả tiền trước ngắn hạn              |             | 8.135.085.608            | 3.760.419.107            |
| 313   | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước            | 15(c)       | 48.759.143.419           | 31.403.758.947           |
| 314   | Phải trả người lao động                        | 16          | 43.977.764.490           | 40.388.971.499           |
| 315   | Chi phí phải trả ngắn hạn                      | 17          | 81.163.548.557           | 91.872.424.289           |
| 319   | Phải trả ngắn hạn khác                         | 18          | 7.621.951.212            | 6.419.625.092            |
| 320   | Vay ngắn hạn                                   | 19(a)       | 486.603.154.331          | 250.142.393.862          |
| 322   | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                      | 25          | 49.246.984.827           | 41.727.126.827           |
| 330   | <b>Nợ dài hạn</b>                              |             | <b>26.666.450.000</b>    | <b>54.930.819.159</b>    |
| 338   | Vay dài hạn                                    | 19(b)       | 6.195.560.000            | 33.498.604.659           |
| 342   | Dự phòng phải trả dài hạn                      | 20          | 20.470.890.000           | 21.432.214.500           |
| 400   | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                          |             | <b>2.347.227.883.171</b> | <b>2.093.980.082.652</b> |
| 410   | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                          |             | <b>2.347.227.883.171</b> | <b>2.093.980.082.652</b> |
| 411   | Vốn góp của chủ sở hữu                         | 22, 23      | 864.535.750.000          | 785.944.530.000          |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 864.535.750.000          | 785.944.530.000          |
| 412   | Thặng dư vốn cổ phần                           | 23          | 361.633.483.771          | 361.633.483.771          |
| 417   | Chênh lệch tỷ giá hối đoái                     | 23          | 2.019.934.276            | 587.031.236              |
| 418   | Quỹ đầu tư phát triển                          | 23          | 261.896.462.556          | 261.896.462.556          |
| 421   | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối     | 23          | 857.949.709.802          | 683.572.010.385          |
| 421a  | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước |             | 489.876.419.155          | 451.323.152.734          |
| 421b  | - LNST chưa phân phối của năm nay              |             | 368.073.290.647          | 232.248.857.651          |
| 429   | Lợi ích cổ đông không kiểm soát                |             | (807.457.234)            | 346.564.704              |
| 440   | <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                          |             | <b>3.359.561.363.489</b> | <b>2.808.448.178.821</b> |



Đào Xuân Nam  
Người lập



Nguyễn Ngọc Nhon  
Kế toán trưởng



Trần Phương Nga  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 110 đến trang 157 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Mẫu số B 02 - DN/HN

| Mã số |                                                       | Thuyết minh | Năm nay VND         | Năm trước VND       |
|-------|-------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|
| 01    | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                |             | 3.772.752.571.792   | 3.496.671.800.535   |
| 02    | Các khoản giảm trừ doanh thu                          |             | (14.167.235.011)    | (34.798.584.339)    |
| 10    | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 28          | 3.758.585.336.781   | 3.461.873.216.196   |
| 11    | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                  | 29          | (2.083.184.660.839) | (1.949.334.544.727) |
| 20    | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ         |             | 1.675.400.675.942   | 1.512.538.671.469   |
| 21    | Doanh thu hoạt động tài chính                         | 30          | 58.322.770.180      | 48.462.393.200      |
| 22    | Chi phí tài chính                                     | 31          | (28.050.598.215)    | (25.638.774.592)    |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                           | 31          | (13.516.022.950)    | (17.849.957.542)    |
| 24    | Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết                  |             | 1.200.000.000       | (4.000.000.000)     |
| 25    | Chi phí bán hàng                                      | 32          | (769.661.526.258)   | (740.549.101.955)   |
| 26    | Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | 33          | (357.185.352.088)   | (346.843.180.321)   |
| 30    | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               |             | 580.025.969.561     | 443.970.007.801     |
| 31    | Thu nhập khác                                         |             | 10.939.784.326      | 9.198.976.721       |
| 32    | Chi phí khác                                          |             | (4.105.148.101)     | (1.206.328.608)     |
| 40    | Lợi nhuận khác                                        | 34          | 6.834.636.225       | 7.992.648.113       |
| 50    | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     |             | 586.860.605.786     | 451.962.655.914     |
| 51    | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 35          | (114.197.366.142)   | (93.999.785.980)    |
| 52    | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                            | 35          | (12.465.382.165)    | (1.788.597.353)     |
| 60    | Lợi nhuận sau thuế TNDN                               |             | 460.197.857.479     | 356.174.272.581     |
|       | Phân bổ cho:                                          |             |                     |                     |
| 61    | Cổ đông của Công ty                                   |             | 461.667.743.647     | 358.940.537.151     |
| 62    | Cổ đông không kiểm soát                               |             | (1.469.886.168)     | (2.766.264.570)     |
| 70    | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 26(a)       | 4.806               | 3.770               |
| 71    | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 26(b)       | 4.806               | 3.770               |

  
Đào Xuân Nam  
Người lập

  
Nguyễn Ngọc Nhon  
Kế toán trưởng

  
Trần Phương Nga  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (theo phương pháp gián tiếp)  
Mẫu số B 03 - DN/HN

| Mã số |                                                                                                      | Thuyết minh | Năm nay VND       | Năm trước VND     |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
|       | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                                                              |             |                   |                   |
| 01    | Lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                         |             | 586.860.605.786   | 451.962.655.914   |
|       | Điều chỉnh cho các khoản:                                                                            |             |                   |                   |
| 02    | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")                                                                    |             | 95.214.116.033    | 89.902.946.465    |
| 03    | Các khoản dự phòng                                                                                   |             | 18.920.734.043    | 16.801.974.821    |
| 04    | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ                 |             | (10.741.210.675)  | (5.265.986.425)   |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                              |             | (31.100.259.146)  | (27.263.348.343)  |
| 06    | Chi phí lãi vay                                                                                      |             | 13.516.022.950    | 17.849.957.542    |
| 08    | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động                                  |             | 672.670.008.991   | 543.988.199.974   |
| 09    | Tăng các khoản phải thu                                                                              |             | (260.911.530.781) | (96.587.096.744)  |
| 10    | Giảm hàng tồn kho                                                                                    |             | 21.462.405.216    | 75.330.808.417    |
| 11    | Tăng/(giảm) các khoản phải trả                                                                       |             | 95.879.606.563    | (139.128.793.349) |
| 12    | (Tăng)/giảm chi phí trả trước                                                                        |             | (6.228.603.097)   | 9.348.264.238     |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả                                                                                  |             | (12.730.701.962)  | (17.890.835.432)  |
| 15    | Thuế TNDN đã nộp                                                                                     |             | (108.243.327.758) | (81.224.931.924)  |
| 17    | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                                |             | (42.776.938.314)  | (44.731.834.686)  |
| 20    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                        |             | 359.120.918.858   | 249.103.780.494   |
|       | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ                                                                  |             |                   |                   |
| 21    | Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                                 |             | (83.202.845.262)  | (106.967.786.946) |
| 22    | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ                                                                |             | 4.702.378.866     | 2.619.831.578     |
| 23    | Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng                                                            |             | (959.831.000.000) | (699.882.000.000) |
| 24    | Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng                                                        |             | 1.046.273.000.000 | 596.210.000.000   |
| 25    | Tiền chi mua thêm phần vốn của công ty con từ cổ đông không kiểm soát/đầu tư góp vốn vào đơn vị khác |             | (300.000.000)     | (15.000.000.000)  |
| 26    | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                          |             | -                 | 7.000.000.000     |
| 27    | Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia                                                  |             | 28.418.886.420    | 25.087.254.377    |
| 30    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                            |             | 36.060.420.024    | (190.932.700.991) |
|       | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                                                               |             |                   |                   |
| 31    | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu                                                                       |             | -                 | 9.800.000.000     |
| 33    | Tiền thu từ đi vay                                                                                   |             | 1.193.732.518.328 | 983.224.833.832   |
| 34    | Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                              |             | (984.574.802.518) | (946.082.427.117) |
| 36    | Tiền cổ tức đã trả                                                                                   |             | (157.200.071.500) | (272.280.585.500) |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                         |             | 51.957.644.310    | (225.338.178.785) |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                                      |             | 447.138.983.192   | (167.167.099.282) |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                                     | 3           | 243.232.641.902   | 405.368.125.624   |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                              |             | 9.702.647.959     | 5.031.615.560     |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                                    | 3           | 700.074.273.053   | 243.232.641.902   |

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 38.

  
Đào Xuân Nam  
Người lập

  
Nguyễn Ngọc Nhon  
Kế toán trưởng

  
Trần Phương Nga  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301464830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2005 và thay đổi lần thứ 23 ngày 9 tháng 12 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) vào ngày 26 tháng 3 năm 2010 với mã giao dịch cổ phiếu là TLG theo Quyết định số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 của SGDCK HCM.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh, Ông Cô Gia Thọ và các cổ đông khác. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 22(b).

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in tampon (pad), in lụa, in flexo và ép nhũ trên sản phẩm.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày cuối năm, Tập đoàn có 2.977 nhân viên (tại ngày đầu năm: 3.075 nhân viên).

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn có 5 công ty con đầu tư trực tiếp, 2 công ty con đầu tư gián tiếp và 1 công ty liên kết. Chi tiết như sau:

|                                                                     | Hoạt động chính                       | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | Tại ngày cuối năm |                          | Tại ngày đầu năm |                          |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|                                                                     |                                       |                                  | Tỷ lệ sở hữu %    | Tỷ lệ quyền biểu quyết % | Tỷ lệ sở hữu %   | Tỷ lệ quyền biểu quyết % |
| Công ty con trực tiếp                                               |                                       |                                  |                   |                          |                  |                          |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nam Thiên Long                     | Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm | Thành phố Hồ Chí Minh            | 100               | 100                      | 100              | 100                      |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu  | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Thành phố Hồ Chí Minh            | 100               | 100                      | 100              | 100                      |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành              | Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm | Tỉnh Đồng Nai                    | 100               | 100                      | 100              | 100                      |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam (i) | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Thành phố Hồ Chí Minh            | 100               | 100                      | 100              | 100                      |
| FlexOffice Pte. Ltd.                                                | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Singapore                        | 100               | 100                      | 100              | 100                      |
| Công ty con gián tiếp                                               |                                       |                                  |                   |                          |                  |                          |
| ICCO Marketing (M) SDN. BHD.                                        | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Malaysia                         | 60                | 60                       | 60               | 60                       |
| Công ty Cổ phần Clever World (ii)                                   | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Thành phố Hồ Chí Minh            | 94,44             | 94,44                    | 88,62            | 88,62                    |
| Công ty liên kết                                                    |                                       |                                  |                   |                          |                  |                          |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                                       | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Thành phố Hồ Chí Minh            | 40                | 40                       | 40               | 40                       |

Mẫu số B 09 - DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Thông tin các giao dịch đầu tư vào các công ty con trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

- (i)

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định góp thêm 270.000.000.000 Đồng bằng tiền mặt vào Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam, một công ty con, để đảm bảo nguồn vốn để mở rộng kinh doanh. Tổng giá trị phần vốn góp của Công ty sau khi thay đổi là 350.000.000.000 Đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam. Tại ngày cuối năm, Công ty đã góp thêm 70.000.000.000 Đồng bằng tiền mặt. Phần còn lại của giá trị phần vốn góp sẽ được góp trong năm tiếp theo.
- (ii)

Theo các Quyết định số 03.2024/QĐ-CSH ngày 11 tháng 3 năm 2024, Quyết định số 07/2024/QĐ-CSH ngày 24 tháng 9 năm 2024 và Quyết định số 08.2024/QĐ-CSH ngày 25 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định tăng số cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Clever World. Tại ngày cuối năm, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam sở hữu 5.100.000 cổ phần phổ thông, tương đương 94,44% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Clever World (tại ngày đầu năm: 2.570.000 cổ phần, tương đương 88,62%).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, nếu báo cáo tài chính của các công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, Công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con sang đồng tiền báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo nguyên tắc sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm tài chính;
- ▶ LNST/(lỗ lũy kế) chưa phân phối được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính; và
- ▶ Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế tại chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Ngh nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

|                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▶ Nhà cửa, vật kiến trúc   | 3 - 25 năm |
| ▶ Máy móc thiết bị         | 3 - 15 năm |
| ▶ Phương tiện vận tải      | 6 - 8 năm  |
| ▶ Thiết bị quản lý         | 2 - 7 năm  |
| ▶ Khuôn và TSCĐ khác       | 3 - 5 năm  |
| ▶ Phần mềm máy tính        | 1 - 10 năm |
| ▶ Bản quyền, bằng sáng chế | 2 - 3 năm  |

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn, được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- ▶ Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- ▶ Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.19 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 2.17 và theo các quy định hiện hành có liên quan.

Số dư của khoản dự phòng này được xác định bằng giá trị hiện tại của tổng ước tính chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính của năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.21 Vay

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất theo thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị mà cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Ghi nhận doanh thu

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

2.24 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và vật tư xuất bán hoặc dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

2.26 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty trong cùng Tập đoàn cao nhất là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những tập đoàn liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.30 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (“bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh”), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (“bộ phận chia theo khu vực địa lý”). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

2.31 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 2.8);
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.11);
- ▶ Dự phòng phải trả dài hạn (Thuyết minh 2.17, Thuyết minh 2.18, Thuyết minh 2.19); và
- ▶ Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế (Thuyết minh 2.28).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND  |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tiền mặt                        | 949.548.635     | 1.098.226.261   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 333.924.724.418 | 242.134.415.641 |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | 365.200.000.000 | -               |
|                                 | 700.074.273.053 | 243.232.641.902 |

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                    | Số cuối năm     |                    | Số đầu năm      |                    |
|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|--------------------|
|                    | Giá gốc VND     | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND     | Giá trị ghi sổ VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 360.900.000.000 | 360.900.000.000    | 447.342.000.000 | 447.342.000.000    |

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                                        | Số cuối năm    |                    |                 | Số đầu năm     |                |                    |
|----------------------------------------|----------------|--------------------|-----------------|----------------|----------------|--------------------|
|                                        | Giá gốc VND    | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND    | Tỷ lệ sở hữu % | Giá gốc VND    | Giá trị hợp lý VND |
| i. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết |                |                    |                 |                |                |                    |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings          | 37.200.000.000 | (*)                | -               | 40             | 36.000.000.000 | (*)                |
| ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác     |                |                    |                 |                |                |                    |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Kido            | 25.000.000.000 | (*)                | -               | 2,00           | 25.000.000.000 | (*)                |
| Quý đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2      | 3.565.000.000  | (*)                | (3.565.000.000) | -              | 3.565.000.000  | (3.565.000.000)    |
| Công ty Cổ phần Chip Sáng              | 1.520.000.000  | (*)                | (105.792.000)   | 2,20           | 1.520.000.000  | (286.976.000)      |
| Công ty Cổ phần In số 7                | 600.000.000    | (*)                | -               | 2,50           | 600.000.000    | -                  |
|                                        | 30.685.000.000 |                    | (3.670.792.000) |                | 30.685.000.000 | (3.851.976.000)    |

(\*) Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm tài chính như sau:

|                                                                          | Năm nay VND    | Năm trước VND   |
|--------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                                                            | 36.000.000.000 | 25.000.000.000  |
| Tăng đầu tư vào công ty liên kết trong năm                               | -              | 15.000.000.000  |
| Phần lãi/(lỗ) của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết | 1.200.000.000  | (4.000.000.000) |
| Số dư cuối năm                                                           | 37.200.000.000 | 36.000.000.000  |

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                                   | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND  |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Bên thứ ba                        |                 |                 |
| SQL Group Int'l. Corp.            | 58.822.727.200  | 38.921.874.368  |
| Khác                              | 541.671.904.533 | 333.645.462.765 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 39(b)) | 12.326.751.343  | 18.154.680.115  |
|                                   | 612.821.383.076 | 390.722.017.248 |

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 62.013.389.306 Đồng và 53.865.465.549 Đồng như được trình bày ở Thuyết minh 9.

Tại ngày cuối năm, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị tối thiểu lần lượt là 100.000.000.000 Đồng và 8.900.000 Đô la Mỹ (tại ngày đầu năm: 50.000.000.000 Đồng và 3.900.000 Đô la Mỹ) của khách hàng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 19).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Mẫu số B 09 - DN/HN

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                         | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|-------------------------|--------------------|-------------------|
| Bên thứ ba              |                    |                   |
| Catiga Trading Co., Ltd | 4.932.761.465      | -                 |
| Khác                    | 9.691.410.440      | 12.800.019.323    |
|                         | 14.624.171.905     | 12.800.019.323    |

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

|                                      | Số cuối năm    |                 | Số đầu năm     |                 |
|--------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                                      | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Bên liên quan<br>(Thuyết minh 39(b)) | 16.000.000.000 | -               | 16.000.000.000 | -               |

Bao gồm khoản cho vay chuyển đổi không lãi suất cho Công ty Cổ phần Pega Holdings. Theo Phụ lục 01 Hợp đồng cho vay chuyển đổi ngày 27 tháng 5 năm 2024, khoản cho vay được gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

|                       | Số cuối năm    |                 | Số đầu năm     |                 |
|-----------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                       | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Phải thu lãi tiền gửi | 6.117.583.291  | -               | 6.904.935.982  | -               |
| Tạm ứng cho nhân viên | 599.514.455    | -               | 1.884.274.869  | -               |
| Ký quỹ, ký cược       | 844.167.040    | -               | 16.077.419.948 | -               |
| Khác                  | 4.741.856.777  | -               | 5.145.041.436  | -               |
|                       | 12.303.121.563 | -               | 30.011.672.235 | -               |

(b) Dài hạn

Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, các khoản phải thu dài hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc dài hạn.

9 NỢ QUÁ HẠN

|                                                                     | Số đầu năm                    |                  | Số cuối năm                   |                 |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|-------------------------------|-----------------|
|                                                                     | Giá trị gốc<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND  | Giá trị gốc<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Công ty TNHH Một thành viên In Thành<br>Nghĩa Thành Phố Hồ Chí Minh | 9.512.757.261                 | (4.588.694.277)  | 12.417.762.129                | (3.087.327.116) |
| Công ty CP phát hành sách Thành phố Hồ<br>Chí Minh - Fahasa         | 21.243.731.592                | (1.541.385.553)  | 35.886.995.549                | (824.057.763)   |
| Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)                              | -                             | (1.753.989.596)  | -                             | -               |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax                              | -                             | (792.325.065)    | -                             | -               |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân văn                                    | 181.210.839                   | (94.137.034)     | 1.274.830.671                 | (141.418.769)   |
| Khác                                                                | 12.152.259.776                | (2.004.974.556)  | 5.736.048.166                 | (2.644.949.143) |
|                                                                     | 43.089.959.468                | (10.775.506.081) | 55.315.636.515                | (6.697.752.791) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

10 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                     | Số cuối năm     |                  | Số đầu năm      |                  |
|-------------------------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|
|                                     | Giá gốc VND     | Dự phòng VND     | Giá gốc VND     | Dự phòng VND     |
| Hàng mua đang đi trên đường         | 59.910.100.999  | -                | 33.542.373.422  | -                |
| Nguyên vật liệu                     | 288.182.524.191 | (15.926.702.544) | 287.890.458.156 | (6.486.534.570)  |
| Công cụ dụng cụ                     | 11.024.656.248  | (3.162.576.961)  | 9.320.127.300   | (1.672.755.023)  |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 71.583.668.887  | (2.905.386.876)  | 70.386.644.948  | (3.048.337.886)  |
| Thành phẩm                          | 195.935.287.372 | (6.423.240.110)  | 263.882.151.187 | (4.135.475.954)  |
| Hàng hóa                            | 207.327.497.285 | (20.649.346.497) | 190.404.385.185 | (8.383.153.722)  |
|                                     | 833.963.734.982 | (49.067.252.988) | 855.426.140.198 | (23.726.257.155) |

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Tập đoàn đã dùng một phần hàng tồn kho có giá trị tối thiểu lần lượt là 200.000.000.000 Đồng và 5.000.000 Đô la Mỹ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 19).

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

|                                     | Năm nay VND      | Năm trước VND    |
|-------------------------------------|------------------|------------------|
| Số đầu năm                          | (23.726.257.155) | (16.616.494.858) |
| Trích lập dự phòng (Thuyết minh 29) | (44.313.134.628) | (19.416.882.090) |
| Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 29) | 18.972.138.795   | 12.307.119.793   |
| Số cuối năm                         | (49.067.252.988) | (23.726.257.155) |

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

|                               | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------------------------|-----------------|----------------|
| Chi phí quảng cáo và tiếp thị | 14.436.654.405  | 9.152.674.155  |
| Bảo hiểm sức khỏe và tài sản  | 1.278.909.758   | 1.623.720.469  |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng    | 608.331.554     | 819.395.883    |
| Khác                          | 6.811.609.634   | 4.164.076.602  |
|                               | 23.135.505.351  | 15.759.867.109 |

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

|                                                    | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng                         | 20.985.804.719  | 12.268.130.715 |
| Chi phí thu dọn khôi phục và hoàn trả mặt bằng (*) | 12.928.661.746  | 13.390.399.666 |
| Tiền thuê đất (**)                                 | 9.250.882.531   | 9.580.290.811  |
| Khác                                               | 5.534.124.785   | 14.607.721.320 |
|                                                    | 48.699.473.781  | 49.846.542.512 |

(\*) Tập đoàn có văn phòng và nhà xưởng được xây dựng trên đất thuê. Theo hợp đồng thuê đất, Tập đoàn có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng như nguyên trạng khi kết thúc hợp đồng thuê. Theo đó, Tập đoàn đã ước tính nghĩa vụ phải trả (Thuyết minh 20) và phân bổ vào chi phí trong suốt thời hạn thuê đất còn lại.

(\*\*) Tiền thuê đất trả trước thể hiện số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất như được trình bày trong Thuyết minh 2.13.

Biến động về chi phí trả trước trong năm tài chính như sau:

|                                                            | Năm nay VND      | Năm trước VND    |
|------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Số đầu năm                                                 | 65.606.409.621   | 75.559.788.645   |
| Tăng                                                       | 81.756.890.166   | 77.962.518.355   |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) | 1.103.832.869    | 917.550.395      |
| Chuyển từ TSCĐ                                             | 27.000.000       | -                |
| Chuyển từ hàng tồn kho                                     | 647.033.483      | 3.776.055.032    |
| Chuyển sang TSCĐ                                           | (37.000.000)     | (114.734.200)    |
| Phân bổ trong năm                                          | (77.192.646.466) | (92.016.867.773) |
| Thanh lý                                                   | (76.540.541)     | (477.900.833)    |
| Số cuối năm                                                | 71.834.979.132   | 65.606.409.621   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)  
TSCĐ hữu hình

|                                                       | Nhà cửa<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>quản lý<br>VND | Khác<br>VND     | Tổng<br>VND       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|-----------------|-------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                     |                                 |                            |                               |                            |                 |                   |
| Số đầu năm                                            | 330.800.139.314                 | 685.897.037.105            | 43.509.309.414                | 33.418.646.999             | 215.543.585.782 | 1.309.168.718.614 |
| Mua trong năm                                         | 215.000.000                     | 17.320.467.971             | 6.270.331.697                 | 521.302.500                | 13.665.836.545  | 37.992.938.713    |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang<br>(Thuyết minh 13) | -                               | 3.318.657.573              | -                             | -                          | 8.273.641.790   | 11.592.299.363    |
| Phân loại lại                                         | -                               | (1.907.998.222)            | (120.555.555)                 | 2.028.553.777              | -               | -                 |
| Thanh lý, nhượng bán                                  | -                               | (2.136.614.445)            | (11.320.913.272)              | (470.800.000)              | (3.811.372.214) | (17.739.699.931)  |
| Số cuối năm                                           | 331.015.139.314                 | 702.491.549.982            | 38.338.172.284                | 35.497.703.276             | 233.671.691.903 | 1.341.014.256.759 |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>                        |                                 |                            |                               |                            |                 |                   |
| Số đầu năm                                            | 112.995.890.074                 | 415.552.645.753            | 37.329.175.544                | 21.632.259.442             | 171.679.774.535 | 759.189.745.348   |
| Khấu hao trong năm                                    | 14.718.723.064                  | 53.131.860.426             | 2.422.434.076                 | 4.146.446.415              | 18.935.481.885  | 93.354.945.866    |
| Phân loại lại                                         | -                               | (1.844.903.486)            | (68.649.691)                  | 1.913.553.177              | (31.349.608)    | (31.349.608)      |
| Thanh lý, nhượng bán                                  | -                               | (2.117.089.445)            | (10.260.938.632)              | (264.266.668)              | (3.732.905.706) | (16.375.200.451)  |
| Số cuối năm                                           | 127.714.613.138                 | 464.722.513.248            | 29.422.021.297                | 27.427.992.366             | 186.851.001.106 | 836.138.141.155   |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                |                                 |                            |                               |                            |                 |                   |
| Số đầu năm                                            | 217.804.249.240                 | 270.344.391.352            | 6.180.133.870                 | 11.786.387.557             | 43.863.811.247  | 549.978.973.266   |
| Số cuối năm                                           | 203.300.526.176                 | 237.769.036.734            | 8.916.150.987                 | 8.069.710.910              | 46.820.690.797  | 504.876.115.604   |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 375.165.565.304 Đồng (tại ngày đầu năm: 351.564.841.822 Đồng).

Tại ngày cuối năm, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 39.093.043.092 Đồng (tại ngày đầu năm: 125.383.593.104 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 19).

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

|                                | Quyền sử<br>dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>VND | Bản quyền,<br>bằng sáng chế<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>              |                             |                 |                                    |                  |
| Số đầu năm                     | 16.047.625.000              | 63.379.796.651  | 367.000.000                        | 79.794.421.651   |
| Mua trong năm                  | -                           | 1.574.321.085   | -                                  | 1.574.321.085    |
| Thanh lý, nhượng bán           | -                           | (254.400.000)   | -                                  | (254.400.000)    |
| Số cuối năm                    | 16.047.625.000              | 64.699.717.736  | 367.000.000                        | 81.114.342.736   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b> |                             |                 |                                    |                  |
| Số đầu năm                     | 1.175.864.496               | 52.644.191.040  | 367.000.000                        | 54.187.055.536   |
| Khấu hao trong năm             | -                           | 3.611.009.180   | -                                  | 3.611.009.180    |
| Thanh lý, nhượng bán           | -                           | (98.933.334)    | -                                  | (98.933.334)     |
| Số cuối năm                    | 1.175.864.496               | 56.156.266.886  | 367.000.000                        | 57.699.131.382   |
| <b>Giá trị còn lại</b>         |                             |                 |                                    |                  |
| Số đầu năm                     | 14.871.760.504              | 10.735.605.611  | -                                  | 25.607.366.115   |
| Số cuối năm                    | 14.871.760.504              | 8.543.450.850   | -                                  | 23.415.211.354   |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày cuối năm là 46.506.120.097 Đồng (tại ngày đầu năm: 45.782.093.097 Đồng).

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

|                                  | Số đầu năm<br>VND | Số cuối năm<br>VND |
|----------------------------------|-------------------|--------------------|
| Khuôn đang chế tạo               | 10.414.186.528    | 6.374.958.275      |
| Thiết bị đang chế tạo và lắp đặt | 9.977.355.929     | 1.367.348.857      |
|                                  | 20.391.542.457    | 7.742.307.132      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Mẫu số B 09 - DN/HN

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

|                                                | Năm nay<br>VND   | Năm trước<br>VND  |
|------------------------------------------------|------------------|-------------------|
| Số đầu năm                                     | 7.742.307.132    | 102.815.871.219   |
| Tăng trong năm                                 | 25.405.287.208   | 59.662.735.525    |
| Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 12)              | (11.592.299.363) | (153.583.819.223) |
| Chuyển sang chi phí trả trước (Thuyết minh 11) | (1.103.832.869)  | (917.550.395)     |
| Thanh lý                                       | (59.919.651)     | (234.929.994)     |
| Số cuối năm                                    | 20.391.542.457   | 7.742.307.132     |

14 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                      | Số cuối năm     |                                 | Số đầu năm      |                                 |
|--------------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|
|                                      | Giá gốc<br>VND  | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND | Giá gốc<br>VND  | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND |
| Bên thứ ba                           | 258.692.310.845 | 258.692.310.845                 | 191.373.818.546 | 191.373.818.546                 |
| Bên liên quan<br>(Thuyết minh 39(b)) | 1.467.087.029   | 1.467.087.029                   | 2.448.738.841   | 2.448.738.841                   |
|                                      | 260.159.397.874 | 260.159.397.874                 | 193.822.557.387 | 193.822.557.387                 |

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, không có nhà cung cấp bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

|                             | Số đầu năm<br>VND | Số phải thu/<br>phải nộp trong năm<br>VND | Số đã thực nộp<br>trong năm<br>VND | Phân loại lại<br>VND | Số cuối năm<br>VND |
|-----------------------------|-------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|--------------------|
| (a) Thuế GTGT được khấu trừ | 93.018.891.136    | 50.432.126.637                            | -                                  | -                    | 143.451.017.773    |
| Thuế GTGT được khấu trừ     |                   |                                           |                                    |                      |                    |
| (b) Phải thu                | 4.592.403.379     | -                                         | -                                  | 4.456.793.403        | 9.049.196.782      |
| Thuế TNDN                   |                   |                                           |                                    |                      |                    |
| Thuế GTGT                   | -                 | -                                         | -                                  | 148.907.269          | 148.907.269        |
| (c) Phải nộp                | 4.592.403.379     | -                                         | -                                  | 4.605.700.672        | 9.198.104.051      |
| Thuế TNDN                   | 26.072.342.335    | 114.197.366.142                           | (108.243.327.758)                  | 4.456.793.403        | 36.483.174.122     |
| Thuế GTGT                   | 2.948.214.679     | 181.358.463.015                           | (179.471.600.461)                  | 148.907.269          | 4.983.984.502      |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 1.787.667.499     | 44.222.246.423                            | (39.291.848.750)                   | -                    | 6.718.065.172      |
| Thuế xuất, nhập khẩu        | 189.308.552       | 14.568.610.038                            | (14.757.918.590)                   | -                    | -                  |
| Khác                        | 406.225.882       | 2.999.838.521                             | (2.832.144.780)                    | -                    | 573.919.623        |
|                             | 31.403.758.947    | 357.346.524.139                           | (344.596.840.339)                  | 4.605.700.672        | 48.759.143.419     |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày cuối năm và đầu năm, khoản phải trả thể hiện khoản lương tháng 12 phải trả cho người lao động.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                                  | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Lương tháng 13 và lương hiệu quả | 43.515.423.443     | 64.616.937.272    |
| Chi phí quảng cáo và tiếp thị    | 22.947.321.821     | 17.111.954.514    |
| Lãi vay                          | 1.161.456.955      | 373.159.506       |
| Khác                             | 13.539.346.338     | 9.770.372.997     |
|                                  | 81.163.548.557     | 91.872.424.289    |

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

|                                            | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|--------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | 4.396.500.000      | 3.799.242.314     |
| Kinh phí công đoàn                         | 1.518.014.239      | 1.515.530.781     |
| Khác                                       | 1.707.436.973      | 1.104.851.997     |
|                                            | 7.621.951.212      | 6.419.625.092     |

19 VAY  
(a) Ngắn hạn

|                                                                                                  | Số đầu năm      |  | Số có khả năng trả nợ VND |  | Phát sinh trong năm |                   | Số cuối năm     |                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|---------------------------|--|---------------------|-------------------|-----------------|---------------------------|
|                                                                                                  | Giá trị VND     |  | Giá trị VND               |  | Tăng VND            | Giảm VND          | Giá trị VND     | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngắn hạn                                                                                         |                 |  |                           |  |                     |                   |                 |                           |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)                         | 80.706.333.062  |  | 80.706.333.062            |  | 219.645.902.775     | (184.046.641.852) | 116.305.593.985 | 116.305.593.985           |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (ii)                                 | 16.887.255.753  |  | 16.887.255.753            |  | 282.011.968.011     | (260.210.747.765) | 38.688.475.999  | 38.688.475.999            |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (iii)                                                         | 100.571.796.803 |  | 100.571.796.803           |  | 264.425.712.167     | (226.151.327.580) | 138.846.181.390 | 138.846.181.390           |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iv)                      | 3.942.265.905   |  | 3.942.265.905             |  | 93.698.124.367      | (68.855.802.508)  | 28.784.587.764  | 28.784.587.764            |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (v)                                    | 4.496.671.855   |  | 4.496.671.855             |  | 89.414.261.190      | (84.192.952.625)  | 9.717.980.420   | 9.717.980.420             |
| Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (vi) | 8.598.311.952   |  | 8.598.311.952             |  | 197.482.576.189     | (107.663.990.919) | 98.416.897.222  | 98.416.897.222            |
| Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (vii)                                  | -               |  | -                         |  | 47.053.973.629      | -                 | 47.053.973.629  | 47.053.973.629            |
|                                                                                                  | 215.202.635.330 |  | 215.202.635.330           |  | 1.193.732.518.328   | (931.121.463.249) | 477.813.690.409 | 477.813.690.409           |
| Nợ dài hạn đến hạn trả                                                                           |                 |  |                           |  |                     |                   |                 |                           |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (viii) (*)                                                    | 14.960.657.524  |  | 14.960.657.524            |  | 10.332.262.319      | (16.503.455.921)  | 8.789.463.922   | 8.789.463.922             |
| Vay thấu chi                                                                                     |                 |  |                           |  |                     |                   |                 |                           |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (ix)                        | 19.979.101.008  |  | 19.979.101.008            |  | -                   | (19.979.101.008)  | -               | -                         |
|                                                                                                  | 250.142.393.862 |  | 250.142.393.862           |  | 1.204.064.780.647   | (967.604.020.178) | 486.603.154.331 | 486.603.154.331           |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

19 VAY (TIẾP THEO)

(a) Dài hạn

|                                               | Số đầu năm     |                           | Phát sinh trong năm |                  | Số cuối năm   |                           |
|-----------------------------------------------|----------------|---------------------------|---------------------|------------------|---------------|---------------------------|
|                                               | Giá trị VND    | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND            | Giảm VND         | Giá trị VND   | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (viii) (*) | 27.303.044.659 | 27.303.044.659            | -                   | (27.303.044.659) | -             | -                         |
| Khác                                          | 6.195.560.000  | 6.195.560.000             | -                   | -                | 6.195.560.000 | 6.195.560.000             |
|                                               | 33.498.604.659 | 33.498.604.659            | -                   | (27.303.044.659) | 6.195.560.000 | 6.195.560.000             |

(\*) Chi tiết số dư của khoản vay ngân hàng dài hạn này như sau:

|                          | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND   |
|--------------------------|-----------------|------------------|
| Số dư nợ gốc             |                 | 48.459.262.183   |
| Đáo hạn trong vòng 1 năm |                 | (14.960.657.524) |
|                          | 6.195.560.000   | 33.498.604.659   |

19

VAY (TIẾP THEO)

- (i) Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Tập đoàn đã sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (Thuyết minh 12(a)).
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Tập đoàn đã sử dụng hàng tồn kho, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay này (Thuyết minh 10, và Thuyết minh 12(a)).
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Tập đoàn đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho để thế chấp cho các khoản vay này (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 10).
- (iv) Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Tập đoàn đã sử dụng các khoản phải thu để thế chấp cho các khoản vay này (Thuyết minh 5).
- (v) Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Tập đoàn đã sử dụng các khoản phải thu để thế chấp cho các khoản vay này (Thuyết minh 5).
- (vi) Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Tập đoàn đã sử dụng các khoản phải thu để thế chấp cho các khoản vay này (Thuyết minh 5).
- (vii) Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân Hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Công ty đã sử dụng các khoản phải thu và một phần hàng tồn kho để thế chấp cho các khoản vay này (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 10).
- (vii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) nhằm mục đích mua sắm và lắp đặt TSCĐ. Các khoản vay này có kỳ hạn và lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Tập đoàn đã sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (Thuyết minh 12(a)).
- (ix) Khoản vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

20 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

|                                                         | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Dự phòng chi phí thu dọn khôi phục và hoàn trả mặt bằng | 14.817.228.500  | 14.817.228.500 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc                              | 5.653.661.500   | 6.614.986.000  |
|                                                         | 20.470.890.000  | 21.432.214.500 |

21 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

|                                         | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------------------------------|-----------------|----------------|
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi | 12.541.350.537  | 25.006.732.702 |

Biến động gộp về của thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

|                                                                             | Năm nay VND      | Năm trước VND   |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|
| Số đầu năm                                                                  | 25.006.732.702   | 26.795.330.055  |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 35) | (12.465.382.165) | (1.788.597.353) |
| Số cuối năm                                                                 | 12.541.350.537   | 25.006.732.702  |

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại

|                                                                                 | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Chênh lệch tạm thời từ các khoản dự phòng                                       | 12.247.638.168  | 7.702.720.260  |
| Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ                           | 1.531.222.349   | 12.020.376.306 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ | (2.035.371.780) | (958.283.399)  |
| Lỗi tính thuế chưa sử dụng                                                      | -               | 5.372.554.346  |
| Chênh lệch tạm thời từ chi phí phải trả                                         | 797.861.800     | 869.365.189    |
|                                                                                 | 12.541.350.537  | 25.006.732.702 |

21 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI (TIẾP THEO)

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2024 và 2023 là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

| Năm phát sinh lỗ | Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế | Số lỗ phát sinh VND | Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND | Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND |
|------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 2020             | Đã quyết toán                            | 10.895.749.855      | -                                   | 10.895.749.855                                      |
| 2020             | Chưa quyết toán                          | 7.670.800.156       | -                                   | 7.670.800.156                                       |
| 2021             | Chưa quyết toán                          | 18.103.581.266      | -                                   | 18.103.581.266                                      |
| 2022             | Chưa quyết toán                          | 40.210.730.803      | (32.730.657.136)                    | 7.480.073.667                                       |
| 2023             | Chưa quyết toán                          | 16.322.291.695      | (3.357.760.738)                     | 12.964.530.957                                      |
| 2024             | Chưa quyết toán                          | 22.856.901.660      | -                                   | 22.856.901.660                                      |
|                  |                                          | 116.060.055.435     | (36.088.417.874)                    | 79.971.637.561                                      |

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

|                                                          | Số cuối năm        |                 | Số đầu năm         |                 |
|----------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                                          | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành | 86.453.575         | -               | 78.594.453         | -               |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                                            | Số cuối năm        |                 | Số đầu năm         |                 |
|--------------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                            | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh | 41.086.047         | 47,52           | 37.350.952         | 47,52           |
| Ông Cô Gia Thọ                             | 5.417.065          | 6,27            | 4.924.605          | 6,27            |
| NWL Cayman Holdings Ltd.                   | -                  | -               | 5.500.000          | 7,00            |
| Cổ đông khác                               | 39.950.463         | 46,21           | 30.818.896         | 39,21           |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành             | 86.453.575         | 100,00          | 78.594.453         | 100,00          |

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(c) Tính hình biến động của vốn cổ phần

|                                                      | Số cổ phiếu                       | Cổ phiếu phổ thông VND | Tổng cộng VND   |
|------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Số đầu năm                        | 777.944.530.000        | 777.944.530.000 |
|                                                      | Cổ phiếu ESOP phát hành trong năm | 8.000.000.000          | 8.000.000.000   |
|                                                      | Số cuối năm                       | 785.944.530.000        | 785.944.530.000 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | Số đầu năm                        | 785.944.530.000        | 785.944.530.000 |
|                                                      | Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)     | 78.591.220.000         | 78.591.220.000  |
|                                                      | Số cuối năm                       | 864.535.750.000        | 864.535.750.000 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc triển khai phương án phát hành án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 10% mệnh giá, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2024/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc thực hiện tăng Vốn điều lệ của Công ty từ 785.944.530.000 Đồng lên 864.535.750.000 Đồng, tương đương 86.453.575 cổ phần.

Mẫu số B 09 - DN/HN



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

|                                                                                            | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND |  | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | LNST chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng cộng VND     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------|--|------------------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023                                       |                            |                          |  |                              |                                |                         |                                     |                   |
| Số đầu năm                                                                                 | 777.944.530.000            | 361.633.483.771          |  | 261.896.462.556              | 526.982.987                    | 554.720.805.316         | 1.149.492.192                       | 1.957.871.756.822 |
| Nhận góp vốn trong năm                                                                     | -                          | -                        |  | -                            | -                              | -                       | 1.800.000.000                       | 1.800.000.000     |
| Cổ phiếu ESOP phát hành trong năm                                                          | 8.000.000.000              | -                        |  | -                            | -                              | -                       | -                                   | 8.000.000.000     |
| Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ góp vốn                                                        | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (163.337.082)           | 163.337.082                         | -                 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                                                  | -                          | -                        |  | -                            | -                              | 358.940.537.151         | (2.766.264.570)                     | 356.174.272.581   |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                                                 | -                          | -                        |  | -                            | 60.048.249                     | -                       | -                                   | 60.048.249        |
| Chia cổ tức từ LNST năm 2022                                                               | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (38.897.226.500)        | -                                   | (38.897.226.500)  |
| Chia cổ tức từ LNST năm 2023 (i)                                                           | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (116.691.679.500)       | -                                   | (116.691.679.500) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)                                           | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (40.137.089.000)        | -                                   | (40.137.089.000)  |
| Thường vượt kế hoạch lợi nhuận cho Ban Điều hành và cán bộ công nhân viên (Thuyết minh 25) | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (22.200.000.000)        | -                                   | (22.200.000.000)  |
| Thường vượt kế hoạch lợi nhuận cho Hội đồng Quản trị                                       | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (2.000.000.000)         | -                                   | (2.000.000.000)   |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát                                                 | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (8.364.000.000)         | -                                   | (8.364.000.000)   |
| Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị                                                    | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (1.636.000.000)         | -                                   | (1.636.000.000)   |
| Số cuối năm                                                                                | 785.944.530.000            | 361.633.483.771          |  | 261.896.462.556              | 587.031.236                    | 683.572.010.385         | 346.564.704                         | 2.093.980.082.652 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024                                       |                            |                          |  |                              |                                |                         |                                     |                   |
| Số đầu năm                                                                                 | 785.944.530.000            | 361.633.483.771          |  | 261.896.462.556              | 587.031.236                    | 683.572.010.385         | 346.564.704                         | 2.093.980.082.652 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                                                  | -                          | -                        |  | -                            | -                              | 461.667.743.647         | (1.469.886.168)                     | 460.197.857.479   |
| Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ góp vốn                                                        | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (615.864.230)           | 315.864.230                         | (300.000.000)     |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST năm 2023 (i) (Thuyết minh 22(c) và Thuyết minh 24)       | 78.591.220.000             | -                        |  | -                            | -                              | (78.591.220.000)        | -                                   | -                 |
| Chia cổ tức từ LNST năm 2023 (i) (Thuyết minh 24)                                          | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (78.594.453.000)        | -                                   | (78.594.453.000)  |
| Chia cổ tức từ LNST năm 2024 (ii) (Thuyết minh 24)                                         | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (78.594.453.000)        | -                                   | (78.594.453.000)  |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                                                 | -                          | -                        |  | -                            | 1.432.903.040                  | -                       | -                                   | 1.432.903.040     |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii) (Thuyết minh 25)                                     | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (35.894.054.000)        | -                                   | (35.894.054.000)  |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (iv)                                            | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (9.160.000.000)         | -                                   | (9.160.000.000)   |
| Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị (iv)                                               | -                          | -                        |  | -                            | -                              | (5.840.000.000)         | -                                   | (5.840.000.000)   |
| Số cuối năm                                                                                | 864.535.750.000            | 361.633.483.771          |  | 261.896.462.556              | 2.019.934.276                  | 857.949.709.802         | (807.457.234)                       | 2.347.227.883.171 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Tập đoàn từ LNST hợp nhất của năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận của Tập đoàn từ LNST hợp nhất năm 2024, cụ thể:

- (i) Chia cổ tức từ LNST hợp nhất năm 2023 với tỷ lệ 35% mệnh giá, tương đương 273.880.586.000 Đồng, trong đó bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% mệnh giá và bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% mệnh giá. Trong năm 2023 đã chi trả 116.691.679.500 Đồng bằng tiền mặt. Trong năm 2024 đã chi trả 78.594.453.000 Đồng bằng tiền mặt và phát hành 7.859.122 cổ phiếu tương ứng với số tiền 78.591.220.000 Đồng để chi trả cổ tức;
- (ii) Tạm ứng cổ tức từ LNST hợp nhất năm 2024 với tỷ lệ 10% mệnh giá, tương đương 78.594.453.000 Đồng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2024/NQ/HĐQT ngày 1 tháng 11 năm 2024;
- (iii) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 35.894.054.000 Đồng (tương đương 10% LNST hợp nhất năm 2023); và
- (iv) Thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024 là 15.000.000.000 Đồng, đã trích đủ trong năm tài chính.

24 CỔ TỨC

Biến động về cổ tức phải trả trong năm tài chính như sau:

|                                            | Năm nay<br>VND    | Năm trước<br>VND  |
|--------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm                                 | 11.165.500        | 116.702.845.000   |
| Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 23) | 235.780.126.000   | 155.588.906.000   |
| Cổ tức đã chi trả bằng tiền                | (157.200.071.500) | (272.280.585.500) |
| Cổ tức đã chi trả bằng cổ phiếu            | (78.591.220.000)  | -                 |
| Số cuối năm                                | -                 | 11.165.500        |

25 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

|                                                                                            | Năm nay<br>VND   | Năm trước<br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Số đầu năm                                                                                 | 41.727.126.827   | 12.156.810.827   |
| Trích quỹ (Thuyết minh 23)                                                                 | 35.894.054.000   | 40.137.089.000   |
| Thường vượt kế hoạch lợi nhuận cho Ban Điều hành và cán bộ công nhân viên (Thuyết minh 23) | -                | 22.200.000.000   |
| Sử dụng quỹ                                                                                | (28.374.196.000) | (32.766.773.000) |
| Số cuối năm                                                                                | 49.246.984.827   | 41.727.126.827   |

26 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

|                                                             | Năm nay          | Năm trước (**)   |
|-------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)               | 461.667.743.647  | 358.940.537.151  |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*) | (46.166.774.365) | (35.894.053.715) |
|                                                             | 415.500.969.282  | 323.046.483.436  |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)    | 86.453.575       | 85.684.803       |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)                          | 4.806            | 3.770            |

- (\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo tỷ lệ tạm phân phối là 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024.
- (\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2023 đã được tính lại để điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 22(c)) như sau:

| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023     |                              |            |                          |
|----------------------------------------------------------|------------------------------|------------|--------------------------|
|                                                          | Số liệu báo cáo<br>trước đây | Điều chỉnh | Số liệu<br>trình bày lại |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)            | 358.940.537.151              | -          | 358.940.537.151          |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)  | (35.894.053.715)             | -          | (35.894.053.715)         |
|                                                          | 323.046.483.436              | -          | 323.046.483.436          |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 77.895.275                   | 7.789.528  | 85.684.803               |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)                       | 4.147                        | -          | 3.770                    |

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ sau:

|                          | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| Yên Nhật ("JPY")         | 11.683.838         | 31.904.902        |
| Đô la Mỹ ("USD")         | 5.089.827          | 5.578.467         |
| Ringgit Malaysia ("MYR") | 326.139            | 611.949           |
| Đồng Euro ("EUR")        | 255.622            | 161.050           |
| Won Hàn Quốc ("KRW")     | 240.000            | 240.000           |
| Đô la Singapore ("SGD")  | 31.871             | 11.803            |
| Đô la Đài Loan ("TWD")   | 12.570             | 12.570            |
| Bảng Anh ("GBP")         | 1.565              | 1.583             |
| Đô la Úc ("AUD")         | 110                | 110               |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

27 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, chi tiết các khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được xóa sổ như sau:

|                                                               | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)                        | 1.753.989.596   | -              |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Anh Ngữ APAX                        | 792.325.065     | -              |
| Công ty TNHH BIBOOK                                           | 323.468.950     | -              |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Phúc Vina                 | 259.363.400     | -              |
| Công ty TNHH Thương mại Thiện Lộc                             | 219.103.729     | 219.103.729    |
| Công ty Cổ phần Liên doanh FDI Korea Việt Nam                 | 212.811.152     | 212.811.152    |
| Nhà sách Tân Mai                                              | 194.567.441     | 194.567.441    |
| Công ty TNHH MTV Đỗ Phương Lam                                | 191.029.755     | -              |
| Trung tâm Kiểm soát Bệnh Tật Thành phố Hà Nội                 | 118.328.760     | 118.328.760    |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Bạch Mã                  | 107.886.623     | 107.886.623    |
| Công ty Cổ phầnThiết Bị Giáo Dục 2                            | 80.950.154      | -              |
| Hộ Kinh doanh Nhà Sách Quốc Văn                               | 60.759.608      | -              |
| Chi nhánh Công ty Thương mại - Dịch vụ Văn hóa Thiên Hợp      | 54.842.961      | 54.842.961     |
| Hộ Kinh doanh Nhà sách Phúc Nhân                              | 52.063.917      | 52.063.917     |
| Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Phạm Nguyễn                 | 50.462.208      | 50.462.208     |
| Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Kỹ thuật Sơn Trang         | 40.425.000      | 40.425.000     |
| Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất In ấn Thiên Ân       | 34.991.387      | 34.991.387     |
| Hiệu Sách Quý Hằng                                            | 31.484.618      | 31.484.618     |
| Công ty TNHH Một thành viên Mabel                             | 31.198.726      | 31.198.726     |
| Doanh nghiệp Tư nhân Sách Nhân Trí                            | 30.966.727      | 30.966.727     |
| Hộ Kinh doanh Võ Thành Đạo                                    | 29.748.099      | 29.748.099     |
| Công ty TNHH MTV HNPT Đông Hưng                               | 27.709.021      | -              |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Dự án Hoàng Gia                      | 25.161.101      | 25.161.101     |
| Hộ Kinh doanh Nhà sách Gò Mây                                 | 24.094.403      | 24.094.403     |
| Công ty TNHH Thương mại Văn phòng phẩm Hoa Mai                | 19.785.744      | 19.785.744     |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Ô tô Việt Nam                       | 14.922.450      | 14.922.450     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô -      |                 |                |
| Chi nhánh Boutique                                            | 12.091.540      | 12.091.540     |
| Công ty Cổ phần Nhân Văn Vĩnh Trường                          | 9.384.969       | 9.384.969      |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo Nguyên                           | 8.153.392       | -              |
| Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam                                | 4.725.320       | -              |
| Công ty TNHH Một thành viên Trần Hiếu Nghĩa                   | 3.999.428       | 3.999.428      |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Dự án Hoàng Gia tại Cà Mau | 1.889.725       | 1.889.725      |
|                                                               | 4.822.684.969   | 1.320.210.708  |

Mẫu số B 09 - DN/HN

28 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                                                        | Năm nay VND       | Năm trước VND     |
|--------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>       |                   |                   |
| Doanh thu bán thành phẩm                               | 2.986.522.105.902 | 2.768.594.247.782 |
| Doanh thu bán hàng hóa                                 | 786.151.876.685   | 727.949.054.854   |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                             | 78.589.205        | 128.497.899       |
|                                                        | 3.772.752.571.792 | 3.496.671.800.535 |
| <b>Các khoản giảm trừ</b>                              |                   |                   |
| Thành phẩm bị trả lại                                  | (4.056.038.086)   | (19.500.069.270)  |
| Hàng hóa bị trả lại                                    | (3.968.250.883)   | (8.884.540.578)   |
| Chiết khấu thương mại                                  | (6.094.079.375)   | (5.922.627.541)   |
| Giảm giá hàng bán                                      | (48.866.667)      | (491.346.950)     |
|                                                        | (14.167.235.011)  | (34.798.584.339)  |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |                   |                   |
| Doanh thu thuần về bán thành phẩm                      | 2.976.371.988.441 | 2.743.171.550.971 |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa                        | 782.134.759.135   | 718.573.167.326   |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ                    | 78.589.205        | 128.497.899       |
|                                                        | 3.758.585.336.781 | 3.461.873.216.196 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

29 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|                                                 | Năm nay<br>VND    | Năm trước<br>VND  |
|-------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán       | 2.057.843.665.006 | 1.942.224.782.430 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 10) | 25.340.995.833    | 7.109.762.297     |
|                                                 | 2.083.184.660.839 | 1.949.334.544.727 |

30 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                                              | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|--------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lãi tiền gửi                                                 | 27.310.403.737 | 25.399.448.638   |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện                  | 19.895.351.968 | 17.496.954.337   |
| Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 10.741.210.675 | 5.265.986.425    |
| Cổ tức lợi nhuận được chia                                   | 375.803.800    | 300.003.800      |
|                                                              | 58.322.770.180 | 48.462.393.200   |

31 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                              | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|----------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lãi tiền vay                                 | 13.516.022.950 | 17.849.957.542   |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện   | 12.280.743.804 | 4.687.922.090    |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | (181.184.000)  | -                |
| Khác                                         | 2.435.015.461  | 3.100.894.960    |
|                                              | 28.050.598.215 | 25.638.774.592   |

32 CHI PHÍ BÁN HÀNG

|                             | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|-----------------------------|-----------------|------------------|
| Chi phí nhân viên           | 349.042.518.468 | 379.698.609.331  |
| Chi phí tiếp thị và hội chợ | 240.188.016.702 | 206.405.660.509  |
| Chi phí khấu hao TSCĐ       | 10.549.332.956  | 10.048.824.138   |
| Khác                        | 169.881.658.132 | 144.396.007.977  |
|                             | 769.661.526.258 | 740.549.101.955  |

33 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                           | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|---------------------------|-----------------|------------------|
| Chi phí nhân viên         | 221.670.843.668 | 217.915.618.383  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 107.054.664.090 | 95.864.249.116   |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 18.306.307.775  | 17.075.615.516   |
| Khác                      | 10.153.536.555  | 15.987.697.306   |
|                           | 357.185.352.088 | 346.843.180.321  |

34 LỢI NHUẬN KHÁC

|                                       | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>                  |                |                  |
| Lãi thuần do thanh lý nhượng bán TSCĐ | 3.414.051.609  | 1.563.895.905    |
| Thu nhập cho thuê                     | 803.012.352    | 824.909.376      |
| Thu bồi thường do hàng hư hỏng        | 243.809.060    | 132.302.470      |
| Khác                                  | 6.478.911.305  | 6.677.868.970    |
|                                       | 10.939.784.326 | 9.198.976.721    |
| <b>Chi phí khác</b>                   |                |                  |
| Khác                                  | 4.105.148.101  | 1.206.328.608    |
|                                       |                |                  |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                 | 6.834.636.225  | 7.992.648.113    |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

|                                                                                 | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                                                    | 586.860.605.786 | 451.962.655.914  |
| Điều chỉnh:                                                                     |                 |                  |
| Thu nhập không chịu thuế                                                        | (375.803.800)   | (300.003.800)    |
| Chi phí không được khấu trừ                                                     | 15.479.738.389  | 11.724.076.125   |
| Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại                        | 1.785.215.344   | (5.639.757.867)  |
| Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại                      | 22.856.901.660  | 16.322.291.695   |
|                                                                                 | 626.606.657.379 | 474.069.262.067  |
| Thuế tính ở thuế suất 20%                                                       | 125.321.331.476 | 94.813.852.413   |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của các năm trước                              | 1.341.416.831   | 974.530.920      |
| Chi phí thuế TNDN (*)                                                           | 126.662.748.307 | 95.788.383.333   |
| Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: |                 |                  |
| Thuế TNDN - hiện hành                                                           | 12.465.382.165  | 1.788.597.353    |
| Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 21)                                           | 126.662.748.307 | 95.788.383.333   |

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Mẫu số B 09 - DN/HN

36 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

|                              | Năm nay<br>VND    | Năm trước<br>VND  |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên liệu vật liệu | 1.035.956.163.593 | 1.077.118.635.212 |
| Chi phí nhân viên            | 815.128.974.889   | 860.215.062.719   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài    | 423.524.009.498   | 343.221.110.694   |
| Chi phí khấu hao TSCĐ        | 95.214.116.033    | 89.902.946.465    |
| Khác                         | 196.513.377.019   | 207.744.738.875   |
|                              | 2.566.336.641.032 | 2.578.202.493.965 |

37 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên khu vực địa lý mà Tập đoàn bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo khu vực địa lý.

|                                    | Năm nay<br>VND    | Năm trước<br>VND  |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng</b> |                   |                   |
| Doanh thu thuần nội địa            | 2.746.193.708.235 | 2.648.470.425.576 |
| Doanh thu thuần xuất khẩu          | 1.012.391.628.546 | 813.402.790.620   |
|                                    | 3.758.585.336.781 | 3.461.873.216.196 |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>            |                   |                   |
| Giá vốn hàng bán nội địa           | 1.406.203.847.982 | 1.372.760.158.414 |
| Giá vốn hàng bán xuất khẩu         | 676.980.812.857   | 576.574.386.313   |
|                                    | 2.083.184.660.839 | 1.949.334.544.727 |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>   |                   |                   |
| Lợi nhuận gộp nội địa              | 1.339.989.860.253 | 1.275.710.267.162 |
| Lợi nhuận gộp xuất khẩu            | 335.410.815.689   | 236.828.404.307   |
|                                    | 1.675.400.675.942 | 1.512.538.671.469 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

38 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

|                           | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 78.591.220.000 | -                |

39 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 1. Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

| Bên liên quan                              | Mối quan hệ      |
|--------------------------------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh | Cổ đông lớn      |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings              | Công ty liên kết |

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

|                                                     | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|-----------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| (i) Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                       | 34.538.523.629  | 29.302.989.013   |
| (ii) Mua hàng hóa và dịch vụ                        |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                       | 8.120.633.775   | 3.133.915.720    |
| (iii) Thu nhập từ cho thuê                          |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                       | 372.000.000     | 574.000.000      |
| (iv) Bán công cụ, dụng cụ                           |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                       | -               | 395.613.011      |
| (v) Thanh lý TSCĐ                                   |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                       | 1.942.533.329   | -                |
| (vi) Cho vay ngắn hạn                               |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                       | -               | 16.000.000.000   |
| (vii) Góp vốn                                       |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                       | -               | 15.000.000.000   |
| (viii) Cổ tức công bố                               |                 |                  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh          | 112.052.856.000 | 74.701.904.000   |

39 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

(ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

|                          |                    | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|--------------------------|--------------------|----------------|------------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> |                    |                |                  |
| Ông Cô Gia Thọ           | Chủ tịch           | 2.400.000.000  | 3.300.000.000    |
| Bà Trần Thái Như         | Thành viên         | 840.000.000    | 1.090.000.000    |
| Bà Cô Ngân Bình          | Thành viên         | 840.000.000    | 1.090.000.000    |
| Bà Cô Cẩm Nguyệt         | Thành viên         | 960.000.000    | 1.260.000.000    |
| Ông Tayfun Uner          | Thành viên độc lập | -              | -                |
| Ông Phạm Nguyên Tri      | Thành viên độc lập | 1.080.000.000  | 1.120.000.000    |
| Ông Nguyễn Đình Tâm      | Thành viên         | 2.020.000.000  | 1.420.000.000    |
| <b>Tổng Giám đốc</b>     |                    |                |                  |
| Bà Trần Phương Nga       | Tổng Giám đốc      | 5.362.925.000  | 4.550.150.000    |
|                          |                    | 13.502.925.000 | 13.830.150.000   |

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

|                                                      | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| (i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5) |                |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                        | 12.326.751.343 | 18.154.680.115   |
| (ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)    |                |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                        | 16.000.000.000 | 16.000.000.000   |
| (iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)   |                |                  |
| Công ty Cổ phần Pega Holdings                        | 1.467.087.029  | 2.448.738.841    |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

|                | Vấn phòng       |                | Kho bãi         |                | Tổng cộng       |                 |
|----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|-----------------|
|                | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND  |
| Dưới 1 năm     | 17.923.681.994  | 18.990.863.984 | 23.681.510.705  | 23.974.532.040 | 41.605.192.699  | 42.965.396.024  |
| Từ 1 đến 5 năm | 8.866.080.093   | 32.585.793.530 | 47.464.318.425  | 49.995.335.370 | 56.330.398.518  | 82.581.128.900  |
|                | 26.789.762.087  | 51.576.657.514 | 71.145.829.130  | 73.969.867.410 | 97.935.591.217  | 125.546.524.924 |

41 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin các giao dịch đầu tư vào các công ty con sau ngày báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- (i)

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2024, ngày 5 tháng 3 năm 2025, Công ty đã góp thêm 30.000.000.000 Đồng bằng tiền mặt vào Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng số vốn đã góp của Công ty là 180.000.000.000 Đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam.
- (ii)

Theo Quyết định số 02.2025/QĐ-CSH ngày 12 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định tăng số cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Clever World. Ngày 14 tháng 2 năm 2025, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam đã góp 10.000.000.000 Đồng bằng tiền mặt vào Công ty Cổ phần Clever World. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam sở hữu 6.100.000 cổ phần phổ thông, tương đương 95,31% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Clever World.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2025.



Đào Xuân Nam  
Người lập



Nguyễn Ngọc Nhơn  
Kế toán trưởng



Trần Phương Nga  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2025



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Trụ sở chính: Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ,  
P. Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại: (84.28) 3750 5555

Fax: (84.28) 3750 5577

Email: [info@thienlonggroup.com](mailto:info@thienlonggroup.com)

[www.thienlonggroup.com](http://www.thienlonggroup.com)